

DỰ THẢO
ĐIỀU LỆ
TỔNG CÔNG TY HÀNG KHÔNG
VIỆT NAM - CTCP

Hà Nội, tháng 02 năm 2015

MỤC LỤC

PHẦN MỞ ĐẦU	1
CHƯƠNG 1. NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG	2
Mục 1. ĐỊNH NGHĨA VÀ GIẢI THÍCH	2
Điều 1. Giải thích từ ngữ	2
Mục 2. THÀNH LẬP, MỤC TIÊU VÀ PHẠM VI HOẠT ĐỘNG.....	5
Điều 2. Tên gọi, địa chỉ trụ sở chính	5
Điều 3. Hình thức pháp lý, chức năng và tư cách pháp nhân của VIETNAM AIRLINES	6
Điều 4. Con dấu.....	6
Điều 5. Người đại diện theo pháp luật của VIETNAM AIRLINES	7
Điều 6. Mục tiêu của VIETNAM AIRLINES.....	7
Điều 7. Cấu trúc tổ chức hoạt động.....	7
Điều 8. Lĩnh vực, phạm vi kinh doanh và hoạt động	7
Điều 9. Quản lý nhà nước.....	7
Điều 10. Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội trong VIETNAM AIRLINES	7
Mục 3. NGÀNH NGHỀ KINH DOANH.....	8
Điều 11. Ngành, nghề kinh doanh chính của VIETNAM AIRLINES	8
Điều 12. Ngành, nghề kinh doanh có liên quan đến ngành, nghề kinh doanh chính của VIETNAM AIRLINES	8
Điều 13. Các hoạt động khác.....	9
Điều 14. Áp dụng điều ước quốc tế và tập quán thương mại trong hoạt động hàng không	10
CHƯƠNG II. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ PHIẾU, TRÁI PHIẾU	10
Điều 15. Vốn Điều lệ.....	10
Điều 16. Tăng, giảm Vốn Điều lệ	10
Điều 17. Cổ phần.....	11
Điều 18. Chào bán cổ phần	11
Điều 19. Bán cổ phần cho nhà đầu tư chiến lược.....	12
Điều 20. Mua lại Cổ phần	12
Điều 21. Thu hồi Cổ phần	14
Điều 22. Chuyển nhượng Cổ phần	14

Điều 23. Thừa kế Cổ phần.....	15
Điều 24. Giới hạn sở hữu Cổ phần.....	15
Điều 25. Sổ đăng ký Cổ đông.....	16
Điều 26. Chứng nhận Cổ phiếu	16
CHƯƠNG III. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ, ĐIỀU HÀNH.....	17
Mục 1. CƠ CẤU TỔ CHỨC.....	17
Điều 27. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát.....	18
Mục 2. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG.....	18
Điều 28. Cổ đông.....	18
Điều 29. Quyền của Cổ đông	19
Điều 30. Nghĩa vụ của Cổ đông	21
Điều 31. Trách nhiệm của cổ đông lớn	22
Điều 32. Đại hội đồng Cổ đông.....	22
Điều 33. Quyền hạn và nhiệm vụ của Đại hội đồng Cổ đông.....	22
Điều 34. Thẩm quyền triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông	23
Điều 35. Thông báo mời họp, chương trình và nội dung họp Đại hội đồng Cổ đông.....	24
Điều 36. Quyền dự họp Đại hội đồng Cổ đông.....	26
Điều 37. Thủ tục tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng Cổ đông.....	27
Điều 38. Điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng Cổ đông	29
Điều 39. Thông qua quyết định của Đại hội đồng Cổ đông.....	29
Điều 40. Thẩm quyền và thủ tục lấy ý kiến bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng Cổ đông	31
Điều 41. Thay đổi các quyền.....	32
Điều 42. Biên bản họp Đại hội đồng Cổ đông	33
Điều 43. Yêu cầu hủy bỏ các quyết định của Đại hội đồng Cổ đông.....	34
Mục 3. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.....	34
Điều 44. Hội đồng Quản trị	34
Điều 45. Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng Quản trị	36
Điều 46. Chủ tịch Hội đồng Quản trị	39
Điều 47. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên Hội đồng Quản trị	40
Điều 48. Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Hội đồng Quản trị.....	40
Điều 49. Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị tại Đại hội đồng cổ đông thường niên	41
Điều 50. Họp Hội đồng Quản trị	41

Điều 51.	Thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng Quản trị	43
Điều 52.	Biên bản họp Hội đồng Quản trị.....	44
Điều 53.	Đương nhiên mất tư cách, miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế thành viên Hội đồng Quản trị	45
Điều 54.	Các Ủy ban giúp việc của Hội đồng Quản trị.....	46
Điều 55.	Thư ký VIETNAM AIRLINES	46
Điều 56.	Sử dụng dịch vụ tư vấn chuyên nghiệp	46
Mục 4.	BAN KIỂM SOÁT	46
Điều 57.	Ban Kiểm soát	46
Điều 58.	Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Kiểm soát.....	47
Điều 59.	Quyền hạn và nhiệm vụ của Trưởng Ban Kiểm soát.....	49
Điều 60.	Nhiệm vụ, quyền hạn các thành viên Ban Kiểm soát.....	50
Điều 61.	Quyền được cung cấp thông tin của Ban Kiểm soát	50
Điều 62.	Thù lao và lợi ích khác của thành viên Ban Kiểm soát	51
Điều 63.	Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban Kiểm soát	51
Điều 64.	Miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát	51
Điều 65.	Các cuộc họp của Ban Kiểm soát	52
Điều 66.	Nguyên tắc làm việc của Ban Kiểm soát.....	53
Điều 67.	Biên bản họp Ban Kiểm soát	54
Điều 68.	Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát tại Đại hội đồng cổ đông thường niên	54
Điều 69.	Sử dụng dịch vụ tư vấn chuyên nghiệp	54
Mục 5.	TỔNG GIÁM ĐỐC	55
Điều 70.	Tổng Giám đốc	55
Điều 71.	Nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng Giám đốc	55
Điều 72.	Giúp việc cho Tổng Giám đốc.....	57
Điều 73.	Tiền lương và lợi ích khác của Tổng Giám đốc	57
Điều 74.	Tiêu chuẩn và điều kiện làm Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc	57
Mục 6.	NGHĨA VỤ CỦA THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT VÀ NGƯỜI QUẢN LÝ VIETNAM AIRLINES	59
Điều 75.	Nghĩa vụ của thành viên Ban Kiểm soát và Người quản lý VIETNAM AIRLINES.....	59
Điều 76.	Công khai các lợi ích có liên quan.....	60
Điều 77.	Hợp đồng, giao dịch phải được Đại hội đồng Cổ đông, Hội đồng quản trị chấp thuận	61

Điều 78. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường.....	61
Mục 7. LAO ĐỘNG VÀ CÔNG ĐOÀN	62
Điều 79. Lao động.....	62
Điều 80. Công đoàn.....	62
CHƯƠNG IV. QUAN HỆ GIỮA VIETNAM AIRLINES VỚI CÁC ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC, CÔNG TY CON, CÔNG TY LIÊN KẾT	63
Mục. 1 CƠ CẤU TỔ CHỨC CỦA VIETNAM AIRLINES.....	63
Điều 81. Cơ cấu tổ chức của VIETNAM AIRLINES	63
Điều 82. Quan hệ giữa VIETNAM AIRLINES với các Đơn vị trực thuộc	63
Mục 3. QUAN HỆ GIỮA VIETNAM AIRLINES VỚI CÁC CÔNG TY CÓ VỐN GÓP CỦA VIETNAM AIRLINES	64
Điều 83. Quản lý phần vốn của VIETNAM AIRLINES đầu tư tại doanh nghiệp khác	64
Điều 84. Nguyên tắc quan hệ với các công ty có vốn góp của VIETNAM AIRLINES	64
CHƯƠNG V. CƠ CHẾ TÀI CHÍNH.....	65
Mục 1. CƠ CHẾ TÀI CHÍNH, HỆ THỐNG KẾ TOÁN VÀ NĂM TÀI CHÍNH	65
Điều 85. Chế độ tài chính.....	65
Điều 86. Hệ thống kế toán.....	65
Điều 87. Năm tài chính.....	66
Mục 2. KIỂM TOÁN	66
Điều 88. Kiểm toán độc lập, kiểm toán nội bộ.....	66
Mục 3. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN	67
Điều 89. Phân phối lợi nhuận sau thuế.....	67
Điều 90. Trích lập quỹ.....	67
Điều 91. Cổ tức	67
CHƯƠNG VI. SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ VIETNAM AIRLINES	69
Điều 92. Báo cáo tài chính năm, sáu tháng và hàng quý.....	69
Điều 93. Báo cáo thường niên	70
Điều 94. Quyền tiếp cận, kiểm tra sổ sách và hồ sơ VIETNAM AIRLINES	70
Điều 95. Chế độ lưu giữ tài liệu của VIETNAM AIRLINES	71
Điều 96. Công bố thông tin và thông báo ra công chúng.....	71
CHƯƠNG VII. TỔ CHỨC LẠI, GIẢI THỂ VÀ PHÁ SẢN VIETNAM AIRLINES	72
Điều 97. Tổ chức lại	72
Điều 98. Giải thể	72
Điều 99. Phá sản.....	73

CHƯƠNG VIII. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ.....	73
Điều 100. Giải quyết tranh chấp nội bộ.....	73
CHƯƠNG IX. CÁC QUY ĐỊNH KHÁC	73
Điều 101. Thông tin định kỳ.....	74
Điều 102. Nghĩa vụ bảo mật	74
Điều 103. Luật điều chỉnh, giải thích Điều lệ.....	74
CHƯƠNG X. ĐIỀU KHOẢN HIỆU LỰC.....	74
Điều 104. Sửa đổi, bổ sung Điều lệ	74
Điều 105. Điều khoản chung	75

PHẦN MỞ ĐẦU

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 60/2005/QH11 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 29 tháng 11 năm 2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật liên quan đến đầu tư xây dựng cơ bản năm 2009 số 38/2009/QH12 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 19 tháng 6 năm 2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2013 số 37/2013/QH13 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 20 tháng 6 năm 2013 và Luật sửa đổi, bổ sung Điều 170 của Luật doanh nghiệp số 37/2013/QH13 đã được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 20 tháng 6 năm 2013;
- Luật Hàng không dân dụng Việt Nam số 66/2006/QH11 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 29 tháng 6 năm 2006;
- Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 29 tháng 6 năm 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán số 62/2010/QH12 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 24 tháng 11 năm 2010;
- Nghị định 59/2011/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2011 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần, và Nghị định số 189/2013/NĐ-CP ngày 20/11/2013 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 59/2011/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2011 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần;
- Các văn bản quy phạm Pháp luật khác có liên quan,

Điều lệ này được thông qua theo quyết định hợp lệ của Đại hội đồng Cổ đông của Tổng công ty Hàng không Việt Nam tổ chức chính thức vào ngày [...] tháng [...] năm 2015 (theo Nghị quyết số [...] /2015[...] /NQ-TCTHK/ĐHĐCĐ). Các Phụ lục và các văn bản sửa đổi Điều lệ (nếu có) là một phần không thể tách rời của Điều lệ này.

CHƯƠNG 1

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Mục 1

ĐỊNH NGHĨA VÀ GIẢI THÍCH

Điều 1. Giải thích từ ngữ

1. Trong Điều lệ này, những từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

- a) **“Tổng công ty Hàng không Việt Nam”** (sau đây gọi tắt là VIETNAM AIRLINES) là Công ty mẹ trong tổ hợp công ty mẹ - công ty con Tổng công ty Hàng không Việt Nam, được chuyển đổi từ công ty 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần do Nhà nước nắm giữ cổ phần chi phối theo Quyết định số 1611/QĐ-TTg ngày 10 tháng 9 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Phương án cổ phần hóa Công ty mẹ - Tổng công ty Hàng không Việt Nam.
- b) **“Cổ đông”** là tổ chức hoặc cá nhân sở hữu một hoặc một số cổ phần của VIETNAM AIRLINES và đăng ký tên trong Sổ đăng ký cổ đông của VIETNAM AIRLINES với tư cách là một người nắm giữ (các) Cổ phần.
- c) **“Cổ đông lớn”** là Cổ đông sở hữu từ 5% vốn cổ phần có quyền biểu quyết trở lên của VIETNAM AIRLINES.
- d) **“Cổ phần”** là Vốn Điều lệ được chia thành các phần bằng nhau, mỗi phần đó được gọi là một Cổ phần.
- e) **“Cổ tức”** là khoản lợi nhuận ròng được trả cho mỗi cổ phần bằng tiền mặt hoặc bằng tài sản khác từ nguồn lợi nhuận còn lại của VIETNAM AIRLINES sau khi đã thực hiện các nghĩa vụ về tài chính theo quy định của Pháp luật.
- f) **“Cổ phần, vốn góp chi phối của VIETNAM AIRLINES”** tại doanh nghiệp khác là số cổ phần hoặc phần vốn góp của VIETNAM AIRLINES chiếm trên 50% vốn điều lệ của doanh nghiệp đó.
- g) **“Cổ phần, vốn góp không chi phối của VIETNAM AIRLINES”** tại doanh nghiệp khác là cổ phần hoặc phần vốn góp của VIETNAM AIRLINES chiếm từ 50% vốn điều lệ của doanh nghiệp đó trở xuống.
- h) **“Cơ quan Nhà nước”** là bất kỳ hoặc toàn bộ các cá nhân, tổ chức sau đây của nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam: Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chủ tịch nước, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Văn phòng Chính phủ, các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan trực thuộc Chính phủ, Tổng cục, Ủy ban nhân dân, Hội đồng nhân dân các cấp và các cơ quan, ban, ngành hay đơn vị của các đối tượng trên, và bất kỳ hoặc tất cả các Ủy ban, Bộ trưởng, Hội đồng, cá nhân, tổ chức khác mà sự chấp thuận, phê duyệt, đăng ký, cam kết, tham gia ý kiến của (các) cá nhân và/hoặc tổ chức này là cần thiết hoặc nên có cho bất kỳ việc hay vấn đề gì được nêu hay dự liệu trong Điều lệ này.
- i) **“Công ty con”** là công ty thuộc một trong các trường hợp sau:

- (i) VIETNAM AIRLINES sở hữu trên 50% vốn điều lệ hoặc trên 50% vốn cổ phần có quyền biểu quyết của công ty đó;
 - (ii) VIETNAM AIRLINES có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp bổ nhiệm đa số hoặc tất cả thành viên Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên hoặc Tổng giám đốc (Giám đốc) của công ty đó;
 - (iii) VIETNAM AIRLINES có quyền quyết định việc sửa đổi bổ sung điều lệ của công ty đó.
- j) “**Công ty liên kết**” là công ty mà VIETNAM AIRLINES nắm giữ cổ phần, vốn góp không chi phối, tổ chức, hoạt động theo Luật Doanh nghiệp và các quy định Pháp luật có liên quan.
- k) “**Đại hội đồng Cổ đông**” là tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết của VIETNAM AIRLINES.
- l) “**Điều lệ**” là bản điều lệ này.
- m) “**Đơn vị trực thuộc**” là các đơn vị hạch toán phụ thuộc, chi nhánh, văn phòng đại diện và đơn vị sự nghiệp nằm trong cơ cấu tổ chức của VIETNAM AIRLINES.
- n) “**Chứng nhận cổ phiếu**” là chứng chỉ do VIETNAM AIRLINES cấp cho cổ đông xác nhận quyền sở hữu một hoặc một số cổ phần do VIETNAM AIRLINES phát hành khi cổ đông đăng ký quyền sở hữu cổ phần. Chứng nhận cổ phiếu có các nội dung được quy định tại Điều 26 Điều lệ này.
- o) “**Hội đồng Quản trị**” là Hội đồng Quản trị (HĐQT) của VIETNAM AIRLINES.
- p) “**Luật Doanh nghiệp**” là Luật Doanh nghiệp số 60/2005/QH11 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 29 tháng 11 năm 2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật liên quan đến đầu tư xây dựng cơ bản năm 2009 số 38/2009/QH12 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 19 tháng 6 năm 2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2013 số 37/2013/QH13 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 20 tháng 6 năm 2013 và Luật sửa đổi, bổ sung Điều 170 của Luật doanh nghiệp số 37/2013/QH13 đã được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 20 tháng 6 năm.
- q) “**Người đại diện phần vốn của VIETNAM AIRLINES**” là Người đại diện theo ủy quyền bằng văn bản của VIETNAM AIRLINES để thực hiện quyền, trách nhiệm, nghĩa vụ của chủ sở hữu tại các doanh nghiệp có vốn góp, cổ phần của VIETNAM AIRLINES”.
- r) “**Người có liên quan**” là tổ chức, cá nhân có quan hệ trực tiếp hoặc gián tiếp với tổ chức, cá nhân khác thuộc một trong các trường hợp sau đây:
- (i) Công ty mẹ với công ty con và ngược lại; các công ty con của cùng một công ty mẹ với nhau; người quản lý, thành viên ban kiểm soát của công ty mẹ, cá nhân hoặc tổ chức có thẩm quyền bổ nhiệm những người này với công ty con và ngược lại; thành viên HĐQT, Ban kiểm soát, Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc, Phó Giám đốc hoặc Phó Tổng Giám đốc và các chức danh quản lý khác của tổ chức đó;
 - (ii) Công ty với tổ chức, cá nhân sở hữu từ 5% vốn điều lệ hoặc vốn cổ phần có quyền biểu quyết trở lên tại công ty và ngược lại;

- (iii) Cá nhân với vợ, chồng, cha, cha nuôi, mẹ, mẹ nuôi, con, con nuôi, anh, chị, em ruột của người này;
- (iv) Công ty với cá nhân theo quy định tại điểm (iii) khoản này của người quản lý, thành viên ban kiểm soát, thành viên góp vốn hoặc cổ đông sở hữu từ 5% vốn điều lệ hoặc vốn cổ phần có quyền biểu quyết trở lên của công ty đó và ngược lại; và
- (v) Cá nhân được ủy quyền đại diện cho tổ chức, cá nhân quy định tại các điểm (i), (ii), (iii), (iv) khoản này với tổ chức, cá nhân ủy quyền; các cá nhân được ủy quyền đại diện phần vốn góp của cùng một tổ chức với nhau.
- (vi) Cá nhân mà trong mối quan hệ với cá nhân khác trực tiếp hoặc gián tiếp kiểm soát hoặc bị kiểm soát bởi người đó hoặc cùng với người đó chịu chung một sự kiểm soát.
- s) **“Người quản lý”** là Chủ tịch HĐQT, các thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng VIETNAM AIRLINES.
- t) **“Pháp luật”** là tất cả các luật, pháp lệnh, nghị định, quy định, thông tư, quyết định và các văn bản Pháp luật khác được các Cơ quan Nhà nước Việt Nam ban hành theo từng thời kỳ bao gồm cả các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế các văn bản Pháp luật này.
- u) **“Quyền chi phối”** là quyền của VIETNAM AIRLINES đối với một doanh nghiệp khác, bao gồm ít nhất một trong các quyền sau đây:
- (i) Quyền của chủ sở hữu duy nhất của doanh nghiệp;
- (ii) Quyền của cổ đông, thành viên góp vốn nắm giữ cổ phần, vốn góp chi phối của doanh nghiệp;
- (iii) Quyền trực tiếp hay gián tiếp bổ nhiệm đa số hoặc tất cả các thành viên Hội đồng quản trị hoặc Hội đồng thành viên, Tổng Giám đốc hoặc Giám đốc của doanh nghiệp;
- (iv) Quyền quyết định phê duyệt, sửa đổi, bổ sung Điều lệ của doanh nghiệp;
- (v) Các trường hợp chi phối khác theo thỏa thuận giữa VIETNAM AIRLINES và doanh nghiệp bị chi phối, được ghi vào Điều lệ của doanh nghiệp bị chi phối.
- v) **“Sổ đăng ký cổ đông”** là một tài liệu bằng văn bản, tệp dữ liệu điện tử hoặc cả hai theo quy định tại Điều 25 Điều lệ này.
- w) **“Thành viên HĐQT không phải là người điều hành”** hay **“thành viên HĐQT không điều hành”** là thành viên Hội đồng quản trị không phải là Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng.
- x) **“Thành viên HĐQT độc lập”** là thành viên Hội đồng Quản trị có đủ các điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định tại khoản 1, Điều 48 Điều lệ này và đáp ứng các điều kiện sau:
- (i) Là thành viên HĐQT không điều hành và không phải là người có liên quan với Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng VIETNAM AIRLINES;
- (ii) Không phải là thành viên HĐQT, Giám đốc (Tổng Giám đốc), Phó Giám đốc (Phó Tổng Giám đốc) của các công ty con, công ty liên kết, công ty do VIETNAM AIRLINES nắm quyền kiểm soát;
- (iii) Không phải cổ đông lớn hoặc người đại diện cổ đông lớn hoặc người có liên quan của cổ đông lớn của VIETNAM AIRLINES;

(iv) Không làm việc tại các tổ chức cung ứng dịch vụ tư vấn Pháp luật, kiểm toán cho VIETNAM AIRLINES trong hai (02) năm gần nhất;

(v) Không phải là đối tác hoặc người có liên quan của đối tác có giá trị giao dịch hàng năm với VIETNAM AIRLINES chiếm từ ba mươi phần trăm (30%) trở lên tổng doanh thu hoặc tổng giá trị hàng hóa, dịch vụ mua vào của VIETNAM AIRLINES trong hai (02) năm gần nhất.

y) “**Việt Nam**” là nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.

z) “**Vốn điều lệ**” là số vốn do tất cả các Cổ đông của VIETNAM AIRLINES thực góp, được ghi vào Điều lệ này và được xác nhận tại giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp do cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cấp. Vốn điều lệ có thể thay đổi trong từng thời kỳ, phù hợp với yêu cầu hoạt động kinh doanh của VIETNAM AIRLINES và quy định của Pháp luật.

2. Trong Điều lệ này, bất kỳ dẫn chiếu nào tới bất cứ quy định hoặc văn bản Pháp luật nào sẽ bao gồm cả những sửa đổi, bổ sung hoặc văn bản Pháp luật thay thế.
3. Các tiêu đề (Chương, Mục, Điều) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc theo dõi và hiểu nội dung mà không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này.
4. Các từ hoặc thuật ngữ khác đã được định nghĩa trong Bộ luật dân sự và Luật Doanh nghiệp và các văn bản Pháp luật khác (nếu không mâu thuẫn với chủ thể hoặc ngữ cảnh) sẽ có nghĩa tương tự trong Điều lệ này.

Mục 2

THÀNH LẬP, MỤC TIÊU VÀ PHẠM VI HOẠT ĐỘNG

Điều 2. Tên gọi, địa chỉ trụ sở chính

1. Tên gọi:

a) Tên tiếng Việt: **TỔNG CÔNG TY HÀNG KHÔNG VIỆT NAM - CTCP.**

Loại hình công ty: Công ty cổ phần.

b) Tên giao dịch: **TỔNG CÔNG TY HÀNG KHÔNG VIỆT NAM.**

c) Tên tiếng Anh: **VIETNAM AIRLINES JSC.**

d) Tên viết tắt: **VIETNAM AIRLINES.**

2. Trụ sở chính:

a) Địa chỉ: **Số 200 Nguyễn Sơn, Bồ Đề, quận Long Biên, Hà Nội.**

b) Điện thoại: **(84-24) 38272289**

c) Fax: **(84-24) 38722375**

d) Email: vanthu.corp@vietnamairlines.com

e) Website: <http://www.vietnamairlines.com>

3. Biểu tượng: “Bông sen vàng” và cụm từ “Vietnam Airlines”, được cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu hàng hóa số 30628 theo Quyết định số 1431/QĐNH này 03 tháng 4 năm 1999 của Cục Sở hữu Công nghiệp và Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu số 197267 theo Quyết định số 70921/QĐ-SHTT ngày 11 tháng 12 năm 2012 của Cục Sở hữu trí tuệ.



4. Thời hạn hoạt động: Trừ trường hợp tổ chức lại; giải thể; phá sản theo qui định tại Điều 97, Điều 98, Điều 99 của Điều lệ này, thời gian hoạt động của VIETNAM AIRLINES là vô thời hạn.

Điều 3. Hình thức pháp lý, chức năng và tư cách pháp nhân của VIETNAM AIRLINES

1. VIETNAM AIRLINES được tổ chức dưới hình thức công ty cổ phần hoạt động theo mô hình công ty mẹ - công ty con, hoạt động kinh doanh theo quy định của Điều lệ này và Pháp luật. VIETNAM AIRLINES có tư cách pháp nhân phù hợp với Pháp luật hiện hành của Việt Nam. Mỗi cổ đông chỉ chịu trách nhiệm trong phạm vi số vốn mà cổ đông đó đã góp vào VIETNAM AIRLINES.
2. VIETNAM AIRLINES có chức năng trực tiếp sản xuất, kinh doanh và đầu tư tài chính vào các công ty con, công ty liên kết; quản lý, chỉ đạo, chi phối các công ty con, công ty liên kết theo tỷ lệ nắm giữ vốn điều lệ tại các công ty đó theo quy định của Pháp luật và Điều lệ này.
3. VIETNAM AIRLINES có:
 - a) Con dấu riêng và được mở tài khoản tiền Đồng Việt Nam và ngoại tệ tại Kho bạc Nhà nước, các ngân hàng trong nước và nước ngoài theo các quy định của Pháp luật có liên quan và Điều lệ này.
 - b) Vốn và tài sản riêng, chịu trách nhiệm đối với các khoản nợ và các nghĩa vụ tài chính khác bằng toàn bộ tài sản của mình; chịu trách nhiệm dân sự và thực hiện quyền, nghĩa vụ của chủ sở hữu đối với các công ty con và công ty liên kết trong phạm vi số vốn do VIETNAM AIRLINES đầu tư.
 - c) Quyền sở hữu đối với tên gọi, thương hiệu, biểu tượng riêng của VIETNAM AIRLINES theo quy định của Pháp luật.

Điều 4. Con dấu

1. HĐQT quyết định thông qua con dấu chính thức của VIETNAM AIRLINES và con dấu được khắc theo quy định của Pháp luật.
2. Đại hội đồng Cổ đông, HĐQT, Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát sử dụng con dấu của VIETNAM AIRLINES theo quy định của Pháp luật.
3. VIETNAM AIRLINES có trách nhiệm ban hành quy chế nội bộ về sử dụng con dấu của VIETNAM AIRLINES, trong đó xác định các chức danh quản lý, chức danh điều hành và các trường hợp được sử dụng con dấu của VIETNAM AIRLINES.

Điều 5. Người đại diện theo pháp luật của VIETNAM AIRLINES

Người đại diện theo pháp luật của VIETNAM AIRLINES là Tổng Giám đốc VIETNAM AIRLINES.

Điều 6. Mục tiêu của VIETNAM AIRLINES

Mục tiêu tổng quát của VIETNAM AIRLINES là:

Xây dựng VIETNAM AIRLINES trở thành doanh nghiệp mạnh, là Hãng hàng không quốc gia, lực lượng vận tải chủ lực, giữ vai trò chủ đạo trong giao thông hàng không Việt Nam với các cơ sở hạ tầng kỹ thuật bảo dưỡng và đào tạo chuyên ngành tiên tiến, là cầu nối quan hệ quốc tế của nước Việt Nam hội nhập, trở thành hãng hàng không có tầm cỡ tại khu vực Đông Nam Á và giữ vị thế chi phối trong khu vực Tiểu vùng CLMV (Campuchia - Lào - Myanmar - Việt Nam), kinh doanh có hiệu quả trên cơ sở cân đối hài hòa lợi ích của cổ đông và nhu cầu phát triển kinh tế của đất nước và là lực lượng dự bị đáng tin cậy cho an ninh quốc phòng.

Điều 7. Cấu trúc tổ chức hoạt động

1. VIETNAM AIRLINES có thể thành lập công ty con do VIETNAM AIRLINES sở hữu 100% vốn, tham gia thành lập hoặc góp vốn, mua cổ phần trong các công ty con khác, công ty liên kết hoạt động trong và ngoài nước để thực hiện hoạt động kinh doanh khác có liên quan hoặc không liên quan đến hoạt động kinh doanh chính theo quy định của Pháp luật.
2. VIETNAM AIRLINES có thể thành lập, mở các Đơn vị trực thuộc ở trong nước, kể cả tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nơi đặt trụ sở chính và chi nhánh, văn phòng đại diện và các hình thức hiện diện thương mại khác ở nước ngoài để thực hiện mục tiêu hoạt động của VIETNAM AIRLINES sau khi được cấp có thẩm quyền chấp thuận bằng văn bản.

Điều 8. Lĩnh vực, phạm vi kinh doanh và hoạt động

1. Lĩnh vực kinh doanh của VIETNAM AIRLINES bao gồm các hoạt động kinh doanh quy định tại Điều lệ này và các hoạt động khác phù hợp quy định của Pháp luật.
2. VIETNAM AIRLINES được phép lập kế hoạch và tiến hành tất cả các hoạt động kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và Điều lệ này phù hợp với quy định của Pháp luật và thực hiện các biện pháp thích hợp để đạt được các mục tiêu của Công ty.
3. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của VIETNAM AIRLINES là ở cả trong và ngoài nước.

Điều 9. Quản lý nhà nước

1. VIETNAM AIRLINES chịu sự quản lý nhà nước của cơ quan quản lý nhà nước các cấp theo quy định của Pháp luật.
2. VIETNAM AIRLINES thực hiện nghĩa vụ với địa phương nơi đặt trụ sở theo quy định của Pháp luật.

Điều 10. Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội trong VIETNAM AIRLINES

1. Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam trong VIETNAM AIRLINES hoạt động theo Hiến pháp, Pháp luật và Điều lệ của Đảng Cộng sản Việt Nam.

2. Các tổ chức chính trị - xã hội khác trong VIETNAM AIRLINES hoạt động theo Hiến pháp, Pháp luật và Điều lệ của các tổ chức chính trị - xã hội đó phù hợp với quy định của Pháp luật.
3. VIETNAM AIRLINES tôn trọng, tạo điều kiện thuận lợi về cơ sở vật chất, thời gian và điều kiện cần thiết khác để các tổ chức Đảng, tổ chức chính trị - xã hội hoạt động theo quy định của Pháp luật và Điều lệ của các tổ chức đó.

Mục 3

NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

Điều 11. Ngành, nghề kinh doanh chính của VIETNAM AIRLINES

1. Vận tải hành khách hàng không (vận chuyển hàng không đối với hành khách), vận tải hàng hóa hàng không (vận chuyển hành lý, hàng hóa, bưu kiện, bưu phẩm, thư);
2. Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải hàng không: (i) Hoạt động hàng không chung (bay chụp ảnh địa hình, khảo sát địa chất, bay hiệu chuẩn các đài đường hàng không, sửa chữa bảo dưỡng đường điện cao thế, phục vụ dầu khí, trồng rừng, kiểm tra môi trường, tìm kiếm cứu nạn, cấp cứu y tế, bay phục vụ cho nhiệm vụ chính trị, kinh tế, xã hội, an ninh, quốc phòng); (ii) Dịch vụ chuyên ngành hàng không khác; (iii) Cung ứng dịch vụ thương mại, du lịch, khách sạn, bán hàng miễn thuế tại khu cách ly ở cửa khẩu quốc tế sân bay, trên tàu bay và tại các tỉnh, thành phố; (iv) Cung ứng các dịch vụ phục vụ kỹ thuật thương mại mặt đất; Các dịch vụ tại nhà ga hành khách, ga hàng hóa và các dịch vụ phục vụ sân đỗ tại các cảng hàng không, sân bay;
3. Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (bảo dưỡng tàu bay, động cơ, phụ tùng vật tư, thiết bị hàng không, thiết bị phục vụ kỹ thuật thương mại mặt đất và các thiết bị kỹ thuật khác);
4. Sản xuất thiết bị đo lường, kiểm tra, định hướng và điều khiển (Sản xuất linh kiện, phụ tùng, vật tư tàu bay, trang thiết bị kỹ thuật và các nội dung khác thuộc lĩnh vực công nghiệp hàng không; Cung ứng các dịch vụ kỹ thuật và vật tư phụ tùng cho các hãng hàng không trong nước và nước ngoài).

Điều 12. Ngành, nghề kinh doanh có liên quan đến ngành, nghề kinh doanh chính của VIETNAM AIRLINES

1. Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải (dịch vụ giao nhận hàng hóa; Đầu tư và khai thác hạ tầng kỹ thuật tại các sân bay: Nhà ga hành khách, hàng hóa, cơ sở hạ tầng kỹ thuật và các dịch vụ đồng bộ trong dây chuyền vận tải hàng không; Vận tải đa phương thức);
2. Sản xuất máy bay, tàu vũ trụ và máy móc liên quan (Xuất, nhập khẩu tàu bay, động cơ, phụ tùng, thiết bị hàng không các trang thiết bị phục vụ dây chuyền vận tải hàng không và những mặt hàng khác theo quy định của Nhà nước; Thuê, cho thuê, thuê mua và mua, bán tàu bay, động cơ, phụ tùng, thiết bị hàng không, thiết bị huấn luyện và các trang thiết bị khác phục vụ dây chuyền vận tải hàng không);
3. Giáo dục nghề nghiệp;

4. Quảng cáo, truyền thông;
5. Xuất bản báo, tạp chí và các ấn phẩm định kỳ; Hoạt động xuất bản khác;
6. Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động (Sản xuất, chế biến, xuất, nhập khẩu thực phẩm và đồ uống);
7. Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan: (i) Cung ứng xăng dầu, mỡ hàng không (bao gồm nhiên liệu, dầu mỡ bôi trơn và chất lỏng chuyên dùng) và xăng dầu khác tại các cảng hàng không sân bay; (ii) Xuất, nhập khẩu xăng dầu, mỡ hàng không (bao gồm nhiên liệu, dầu mỡ bôi trơn và chất lỏng chuyên dùng); (iii) và xăng dầu khác;
8. Đại lý môi giới, đấu giá (Đại lý bán lẻ xăng dầu; Dịch vụ đại lý cho các hãng hàng không, các nhà sản xuất tàu bay, động cơ, thiết bị, phụ tùng tàu bay, các công ty vận tải, du lịch trong nước và nước ngoài);
9. Các dịch vụ hàng không khác.

Điều 13. Các hoạt động khác

Căn cứ quy định Pháp luật hiện hành, VIETNAM AIRLINES được thực hiện các hoạt động khác bao gồm nhưng không hạn chế ở các lĩnh vực sau đây:

1. Hoạt động tư vấn quản lý, bao gồm: Đầu tư, quản lý vốn đầu tư và trực tiếp sản xuất kinh doanh; đầu tư ra nước ngoài; mua, bán doanh nghiệp; góp vốn, mua cổ phần hoặc chuyển nhượng vốn góp, bán cổ phần;
2. In ấn trừ các loại hình nhà nước cấm;
3. Xây dựng nhà các loại;
4. Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan (tư vấn xây dựng không bao gồm thiết kế công trình);
5. Cung ứng và quản lý nguồn lao động, bao gồm: cung ứng lao động (không bao gồm môi giới, giới thiệu, tuyển dụng và cung ứng lao động cho các doanh nghiệp có chức năng xuất khẩu lao động và cung ứng, quản lý lao động đi làm việc ở nước ngoài); Xuất, nhập khẩu lao động;
6. Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác;
7. Kinh doanh bất động sản;
8. Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác: Kinh doanh dịch vụ thương mại điện tử, dịch vụ kết nối trên chuyến bay;
9. Kinh doanh du lịch bao gồm du lịch lữ hành, kinh doanh lưu trú du lịch, vận chuyển hành khách du lịch, phát triển khu du lịch và điểm du lịch, đại lý du lịch và kinh doanh dịch vụ du lịch khác;
10. Kinh doanh viễn thông;
11. Các hoạt động kinh doanh trong các lĩnh vực khác Pháp luật không cấm và được ĐHĐCĐ thông qua.

Điều 14. Áp dụng điều ước quốc tế và tập quán thương mại trong hoạt động hàng không

1. VIETNAM AIRLINES được áp dụng điều ước quốc tế liên quan đến hoạt động hàng không mà Việt Nam là thành viên phù hợp với quy định của Pháp luật.
2. VIETNAM AIRLINES có thể thoả thuận với khách hàng áp dụng tập quán thương mại, kể cả tập quán thương mại quốc tế, liên quan đến hoạt động hàng không nếu tập quán đó không trái với các nguyên tắc cơ bản của Pháp luật Việt Nam.

CHƯƠNG II

VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ PHIẾU, TRÁI PHIẾU

Điều 15. Vốn Điều lệ

1. Vốn Điều lệ của VIETNAM AIRLINES tại thời điểm Điều lệ này được Đại hội đồng cổ đông thông qua là 11.198.648.400.000 VND (Bằng chữ: mười một nghìn một trăm chín tám tỷ sáu trăm bốn tám triệu bốn trăm nghìn đồng).
2. Vốn Điều lệ được hạch toán bằng đồng Việt Nam (VND).
3. Vốn Điều lệ được sử dụng vào các mục đích và theo tỷ lệ theo quy định của Pháp luật.

Điều 16. Tăng, giảm Vốn Điều lệ

1. VIETNAM AIRLINES có thể tăng hoặc giảm Vốn Điều lệ sau khi có quyết định của Đại hội đồng Cổ đông phù hợp với quy định tại Điều lệ này và quy định có liên quan của Pháp luật. VIETNAM AIRLINES phải bảo đảm rằng Điều lệ này và giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp được sửa đổi một cách hợp pháp để phản ánh việc tăng, giảm Vốn Điều lệ.
2. Các hình thức tăng Vốn Điều lệ của VIETNAM AIRLINES:
 - a) Phát hành cổ phần ra công chúng, phát hành cổ phần riêng lẻ để huy động thêm vốn, kể cả trường hợp phát hành cổ phần để trả Cổ tức;
 - b) Chuyển đổi trái phiếu chuyển đổi đã phát hành thành cổ phần (nếu có);
 - c) Kết chuyển nguồn thặng dư vốn để bổ sung Vốn Điều lệ theo quy định của Pháp luật; và
 - d) Các hình thức khác do Đại hội đồng Cổ đông quyết định và phù hợp với quy định của Pháp luật có liên quan.
3. Các hình thức giảm Vốn Điều lệ của VIETNAM AIRLINES:
 - a) VIETNAM AIRLINES mua lại và hủy bỏ một số lượng cổ phần đã phát hành có mệnh giá tương ứng với số vốn dự kiến điều chỉnh giảm; và
 - b) Các hình thức khác theo quy định của Pháp luật.
4. Việc giảm Vốn Điều lệ của VIETNAM AIRLINES phải bảo đảm Vốn Điều lệ sau khi giảm không được thấp hơn Vốn pháp định theo quy định của Pháp luật (nếu có).

Điều 17. Cổ phần

1. Mỗi cổ phần của VIETNAM AIRLINES có mệnh giá là 10.000 VND (Bằng chữ: mười nghìn đồng). Số lượng cổ phần của VIETNAM AIRLINES bằng Vốn Điều lệ chia cho mệnh giá một Cổ phần.
2. Vốn Điều lệ của VIETNAM AIRLINES tại thời điểm Điều lệ này được Đại hội đồng cổ đông thông qua được chia thành 1.119.864.840 cổ phần (Bằng chữ: một tỷ một trăm mười chín triệu tám trăm sáu mươi nghìn tám trăm bốn mươi cổ phần).
3. Toàn bộ cổ phần của VIETNAM AIRLINES vào ngày thông qua Điều lệ này là cổ phần phổ thông.
4. VIETNAM AIRLINES có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi theo các điều kiện do Đại hội đồng Cổ đông quyết định khi được Cơ quan Nhà nước chấp thuận và phù hợp với quy định có liên quan của Pháp luật. Cổ phần phổ thông không thể chuyển đổi thành cổ phần ưu đãi.
5. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho cổ đông sở hữu các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau.

Điều 18. Chào bán cổ phần

1. HĐQT quyết định thời điểm, phương thức và giá chào bán cổ phần trong số cổ phần được quyền chào bán theo phương án tăng Vốn Điều lệ được Đại hội đồng Cổ đông thông qua. Giá chào bán cổ phần không được thấp hơn giá thị trường tại thời điểm chào bán hoặc giá trị được ghi trong sổ sách kế toán tại thời điểm gần nhất (bao gồm giá trị Vốn Điều lệ, các quỹ không chia), trừ những trường hợp sau đây:
 - a) Cổ phần chào bán cho tất cả cổ đông theo tỷ lệ cổ phần hiện có của họ tại VIETNAM AIRLINES;
 - b) Cổ phần chào bán cho người môi giới hoặc người bảo lãnh. Trong trường hợp này, số chiết khấu hoặc tỷ lệ chiết khấu cụ thể phải được chấp thuận bởi số cổ đông đại diện cho ít nhất 75% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết;
 - c) Các trường hợp khác và mức chiết khấu trong các trường hợp đó nếu được chấp thuận bởi số cổ đông đại diện cho ít nhất 75% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.Trường hợp giá bán cổ phần cao hơn mệnh giá cổ phần, phần chênh lệch sau khi trừ chi phí được hạch toán vào thặng dư vốn cổ phần.
2. Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong VIETNAM AIRLINES, trừ trường hợp Đại hội đồng Cổ đông có quyết định khác. Trường hợp VIETNAM AIRLINES phát hành thêm cổ phần phổ thông theo tỷ lệ sở hữu cổ phần hiện có của cổ đông tại VIETNAM AIRLINES thì phải thực hiện theo quy định sau đây:
 - a) VIETNAM AIRLINES phải thông báo bằng văn bản đến các cổ đông theo phương thức bảo đảm đến được địa chỉ thường trú của họ đã đăng ký. Đồng thời VIETNAM AIRLINES sẽ đăng báo việc tăng vốn trên 03 (ba) số báo liên tiếp trong thời hạn 10 (mười) ngày làm việc, kể từ ngày thông báo.

- b) Thông báo gửi cổ đông phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số giấy chứng minh nhân dân, hộ chiếu, hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký doanh nghiệp của cổ đông là tổ chức; số cổ phần và tỷ lệ cổ phần hiện có của cổ đông được quyền mua; giá chào bán cổ phần; thời hạn đăng ký mua; họ, tên, chữ ký của người đại diện theo Pháp luật của VIETNAM AIRLINES. Thời hạn xác định trong thông báo phải hợp lý đủ để cổ đông đăng ký mua được cổ phần. Kèm theo thông báo phải có mẫu phiếu đăng ký mua cổ phần do VIETNAM AIRLINES phát hành.
 - c) Cổ đông có quyền chuyển nhượng quyền ưu tiên mua cổ phần của mình cho người khác.
 - d) Nếu phiếu đăng ký mua cổ phần không được gửi về VIETNAM AIRLINES đúng hạn như đã thông báo (được xác định theo dấu bưu điện hoặc ngày trực tiếp gửi đến đúng địa chỉ theo yêu cầu của VIETNAM AIRLINES) thì cổ đông có liên quan coi như từ bỏ quyền ưu tiên mua cổ phần. Trường hợp số lượng cổ phần dự định phát hành không được cổ đông đăng ký mua hết thì số cổ phần đó sẽ do Hội đồng Quản trị quyết định xử lý. Hội đồng Quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho Cổ đông khác của VIETNAM AIRLINES hoặc người khác theo cách thức hợp lý với điều kiện không thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông, trừ trường hợp Đại hội đồng Cổ đông có chấp thuận khác hoặc cổ phần được bán qua Sở giao dịch chứng khoán theo phương thức đấu giá.
3. Cổ phần được coi là đã bán khi được thanh toán đủ và những thông tin về người mua quy định tại Khoản 1 Điều 25 Điều lệ này được ghi đúng, ghi đủ vào Sổ đăng ký cổ đông; kể từ thời điểm đó, người mua cổ phần trở thành Cổ đông của VIETNAM AIRLINES.
 4. Sau khi cổ phần được bán và người mua cổ phần trở thành cổ đông của VIETNAM AIRLINES, VIETNAM AIRLINES phải phát hành và trao chứng nhận cổ phiếu cho người mua. Tuy nhiên, VIETNAM AIRLINES có thể bán cổ phần mà không trao chứng nhận cổ phiếu (trường hợp VIETNAM AIRLINES không phát hành chứng nhận cổ phiếu hoặc cổ đông đề nghị VIETNAM AIRLINES lưu giữ). Trong trường hợp này, các thông tin về cổ đông quy định tại Khoản 1 Điều 25 Điều lệ này được ghi vào Sổ đăng ký cổ đông là đủ để chứng thực quyền sở hữu cổ phần của cổ đông đó trong VIETNAM AIRLINES.
 5. Các quy định khác về điều kiện, phương thức và thủ tục chào bán cổ phần ra công chúng thực hiện theo quy định của Pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán có liên quan.
 6. Việc chào bán cổ phần riêng lẻ sẽ được thực hiện theo quy định của Pháp luật có liên quan.

Điều 19. Bán cổ phần cho nhà đầu tư chiến lược

VIETNAM AIRLINES sẽ tiếp tục thực hiện việc bán cổ phần cho nhà đầu tư chiến lược theo hình thức phát hành thêm cổ phần để tăng vốn điều lệ sau khi công ty cổ phần đã chính thức hoạt động theo Luật Doanh nghiệp theo Phương án cổ phần hóa đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Điều 20. Mua lại Cổ phần

1. Mua lại cổ phần theo yêu cầu của VIETNAM AIRLINES

VIETNAM AIRLINES có quyền mua lại không quá 30% tổng số cổ phần phổ thông đã bán ra, một phần hoặc toàn bộ cổ phần ưu đãi cổ tức đã bán theo quy định sau đây:

- a) HĐQT có quyền quyết định mua lại không quá 10% tổng số cổ phần của từng loại đã được chào bán trong mỗi 12 (mười hai) tháng. Trong trường hợp khác, việc mua lại cổ phần do Đại hội đồng Cổ đông quyết định.
 - b) HĐQT quyết định giá mua lại cổ phần. Đối với cổ phần phổ thông, giá mua lại không cao hơn giá thị trường tại thời điểm mua lại, trừ trường hợp quy định tại Điểm c) Khoản 1 Điều này. Đối với cổ phần loại khác, nếu VIETNAM AIRLINES và cổ đông có liên quan không có thỏa thuận nào khác thì giá mua lại không được thấp hơn giá thị trường.
 - c) VIETNAM AIRLINES có thể mua lại cổ phần của từng Cổ đông tương ứng với tỷ lệ cổ phần của họ trong VIETNAM AIRLINES. Trong trường hợp này, quyết định mua lại cổ phần của VIETNAM AIRLINES phải được thông báo bằng phương thức bảo đảm đến được tất cả các Cổ đông trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày, kể từ ngày quyết định đó được thông qua. Thông báo phải có tên, địa chỉ trụ sở chính của VIETNAM AIRLINES, tổng số cổ phần và loại cổ phần được mua lại, giá trị mua lại hoặc nguyên tắc định giá mua lại, thủ tục và thời hạn thanh toán, thủ tục và thời hạn để Cổ đông chào bán cổ phần của họ cho VIETNAM AIRLINES.
 - d) Cổ đông đồng ý bán lại cổ phần phải gửi chào bán cổ phần của mình bằng phương thức bảo đảm đến được VIETNAM AIRLINES trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày, kể từ ngày thông báo. Chào bán phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số giấy chứng minh nhân dân, hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký doanh nghiệp của cổ đông là tổ chức; số cổ phần sở hữu và số cổ phần chào bán; phương thức thanh toán, chữ ký của cổ đông hoặc người đại diện theo Pháp luật của cổ đông. VIETNAM AIRLINES chỉ mua lại cổ phần được chào bán trong thời hạn nói trên.
2. Mua lại cổ phần theo yêu cầu của Cổ đông
- a) Cổ đông biểu quyết phản đối quyết định về việc tổ chức lại VIETNAM AIRLINES hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của cổ đông quy định tại Điều lệ này có quyền yêu cầu VIETNAM AIRLINES mua lại cổ phần của mình. Yêu cầu phải lập thành văn bản, trong đó nêu rõ tên, địa chỉ của cổ đông, số lượng cổ phần từng loại, giá dự định bán, lý do yêu cầu VIETNAM AIRLINES mua lại. Yêu cầu phải được gửi đến VIETNAM AIRLINES trong thời hạn 10 (mười) ngày làm việc, kể từ ngày Đại hội đồng Cổ đông thông qua quyết định về các vấn đề quy định tại khoản này.
 - b) VIETNAM AIRLINES phải mua lại cổ phần theo yêu cầu của Cổ đông quy định tại Điểm a) Khoản 2 này với giá thị trường hoặc giá thỏa thuận trong thời hạn 90 (chín mươi) ngày, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trường hợp không thỏa thuận được về giá thì cổ đông có thể bán cổ phần cho người khác hoặc các bên có thể yêu cầu một tổ chức định giá chuyên nghiệp định giá. VIETNAM AIRLINES giới thiệu ít nhất 03 (ba) tổ chức định giá chuyên nghiệp để cổ đông lựa chọn và lựa chọn đó là quyết định cuối cùng.
3. Điều kiện thanh toán và xử lý các cổ phần được mua lại:
- a) VIETNAM AIRLINES chỉ được quyền mua lại cổ phần của cổ đông nếu ngay sau khi thanh toán hết số cổ phần được mua lại cho cổ đông quy định tại khoản 1 và 2 Điều này mà vẫn bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác và giá trị thực của Vốn Điều lệ không giảm thấp hơn mức Vốn pháp định (nếu có); trường hợp mua lại cổ phần dẫn đến việc giảm vốn điều lệ của VIETNAM AIRLINES thì phải được ĐHCĐ thông qua.

- b) Cổ phần được mua lại theo quy định tại Khoản 1 và Khoản 2 Điều này là cổ phiếu quỹ và thuộc sổ cổ phần được quyền chào bán.
- c) Chứng nhận cổ phiếu xác nhận quyền sở hữu cổ phần đã được mua lại được tiêu hủy ngay sau khi cổ phần tương ứng được thanh toán đầy đủ. Chủ tịch HĐQT và Tổng Giám đốc phải liên đới chịu trách nhiệm về thiệt hại do không tiêu hủy hoặc chậm tiêu hủy chứng nhận cổ phiếu gây ra đối với VIETNAM AIRLINES.
- d) Sau khi thanh toán hết số cổ phần mua lại, nếu tổng giá trị tài sản được ghi trong sổ kế toán của VIETNAM AIRLINES giảm hơn 10% thì VIETNAM AIRLINES phải thông báo cho tất cả chủ nợ biết trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày thanh toán hết số cổ phần mua lại.

Điều 21. Thu hồi Cổ phần

1. Trường hợp cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền phải trả mua cổ phần, HĐQT thông báo và có quyền yêu cầu cổ đông đó thanh toán số tiền còn lại cùng với lãi suất trên khoản tiền đó và những chi phí phát sinh do việc không thanh toán đầy đủ gây ra cho VIETNAM AIRLINES. Việc xác định lãi suất chậm thanh toán tiền mua cổ phần theo thỏa thuận giữa VIETNAM AIRLINES và cổ đông phù hợp với quy định của Pháp luật.
2. Thông báo thanh toán tiền mua cổ phần nêu trên phải ghi rõ thời hạn thanh toán mới nhưng không ít hơn 07 (bảy) ngày kể từ ngày gửi thông báo, địa điểm thanh toán và thông báo phải ghi rõ trường hợp không thanh toán theo đúng yêu cầu, số cổ phần chưa thanh toán hết sẽ bị thu hồi.
3. Trường hợp các yêu cầu trong thông báo nêu trên không được thực hiện, trước khi thanh toán đầy đủ tất cả các khoản phải nộp, các khoản lãi và các chi phí liên quan, HĐQT có quyền thu hồi số cổ phần đó. HĐQT có thể chấp nhận việc giao nộp các cổ phần bị thu hồi theo quy định tại các Khoản 4, Khoản 5 và Khoản 6 Điều này và trong các trường hợp khác được quy định tại Điều lệ này.
4. Cổ phần bị thu hồi sẽ trở thành tài sản của VIETNAM AIRLINES và được coi là các cổ phần được quyền chào bán. HĐQT có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối hoặc giải quyết cho người đã sở hữu cổ phần bị thu hồi hoặc các đối tượng khác theo những điều kiện và cách thức mà HĐQT thấy là phù hợp.
5. Cổ đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi phải từ bỏ tư cách cổ đông đối với những cổ phần đó, nhưng vẫn phải thanh toán tất cả các khoản tiền có liên quan cộng với tiền lãi theo tỷ lệ do VIETNAM AIRLINES quy định vào thời điểm thu hồi theo quyết định của HĐQT kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thanh toán thực tế. HĐQT có toàn quyền quyết định việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phần vào thời điểm thu hồi.
6. Thông báo thu hồi được gửi đến người nắm giữ cổ phần bị thu hồi trước thời điểm thu hồi. Việc thu hồi vẫn có hiệu lực kể cả trong trường hợp có sai sót hoặc bất cẩn trong việc gửi thông báo.

Điều 22. Chuyển nhượng Cổ phần

1. Tất cả cổ phần được tự do chuyển nhượng trừ trường hợp Điều lệ này và Pháp luật có quy định khác.

2. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán.
3. Cổ phần mà cổ đông chiến lược mua theo quy định tại Điều 19 Điều lệ này không được chuyển nhượng trong thời hạn thỏa thuận tại hợp đồng mua cổ phần hoặc trong thời hạn hạn chế theo quy định của Pháp luật, tùy thuộc thời hạn nào dài hơn. Cơ chế giải quyết tất các vấn đề phát sinh liên quan đến bán cổ phần cho nhà đầu tư chiến lược thực hiện theo Phương án cổ phần hóa Tổng công ty Hàng không Việt Nam được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, thỏa thuận của các bên tại Hợp đồng bán cổ phần cho nhà đầu tư chiến lược, Hợp đồng hợp tác chiến lược và các Hợp đồng khác có liên quan và các quy định của Pháp luật hiện hành có liên quan.
4. Trong thời gian đang xử lý các hậu quả theo nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông do trách nhiệm cá nhân, các thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc không được chuyển nhượng cổ phần, trừ trường hợp các thành viên này:
 - a) Là đại diện theo ủy quyền của Cổ đông là tổ chức bị sáp nhập, hợp nhất, mua lại, chia, tách, giải thể, phá sản theo quy định của Pháp luật;
 - b) Bị bắt buộc chuyển nhượng cổ phần theo quyết định của Tòa án; hoặc
 - c) Chuyển nhượng cổ phần cho các nhà đầu tư khác nhằm thực hiện việc sáp nhập, hợp nhất bắt buộc theo quy định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền (nếu có).
5. Việc chuyển nhượng được thực hiện bằng văn bản hoặc bằng các phương thức khác do Đại hội đồng Cổ đông quy định. Cổ phần của VIETNAM AIRLINES khi được niêm yết tại Sở Giao dịch chứng khoán sẽ được chuyển nhượng theo quy định của Pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.
6. Giấy tờ chuyển nhượng phải được bên chuyển nhượng và bên nhận chuyển nhượng hoặc đại diện ủy quyền của họ ký. Bên chuyển nhượng vẫn là người sở hữu cổ phần có liên quan đến khi tên của bên nhận chuyển nhượng được đăng ký vào Sổ đăng ký cổ đông.

Điều 23. Thừa kế Cổ phần

1. Việc thừa kế cổ phần thực hiện theo quy định của Điều lệ này, Pháp luật về thừa kế và các quy định của Pháp luật có liên quan.
2. Sau khi xuất trình đầy đủ các giấy tờ chứng minh quyền thừa kế hợp pháp, người thừa kế thực hiện đăng ký các loại cổ phần được thừa kế tại Sổ đăng ký cổ đông và trở thành cổ đông của VIETNAM AIRLINES, được hưởng mọi quyền lợi và nghĩa vụ của cổ đông mà họ thừa kế phù hợp với quy định tại Điều lệ này và Pháp luật.
3. Người thừa kế cổ phần của các thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát và Người quản lý khác được sở hữu cổ phần nhưng không được đương nhiên thừa kế quyền làm thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát và các chức danh quản lý tương ứng.

Điều 24. Giới hạn sở hữu Cổ phần

1. Tổng số cổ phần do bên nước ngoài (bao gồm cổ đông là cá nhân và tổ chức nước ngoài sở hữu không được vượt quá 30% vốn điều lệ của VIETNAM AIRLINES. Một cá nhân Việt

Nam hoặc pháp nhân Việt Nam không có vốn đầu tư nước ngoài phải giữ phần vốn điều lệ lớn nhất của VIETNAM AIRLINES.

2. Phần vốn đầu tư nước ngoài nêu tại khoản 1 Điều này được tính như sau:

- a) Phần vốn góp của tổ chức, cá nhân nước ngoài vào VIETNAM AIRLINES;
- b) Phần vốn góp của doanh nghiệp Việt Nam có vốn đầu tư nước ngoài đầu tư vào VIETNAM AIRLINES nhân với tỷ lệ phần vốn góp của tổ chức, cá nhân nước ngoài trong doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài đó;
- c) Phần vốn góp của doanh nghiệp nước ngoài có vốn đầu tư Việt Nam đầu tư vào VIETNAM AIRLINES nhân với tỷ lệ vốn góp của tổ chức, cá nhân nước ngoài trong doanh nghiệp nước ngoài đó.

Điều 25. Sổ đăng ký Cổ đông

1. Sổ đăng ký cổ đông được thành lập và lưu giữ dưới dạng văn bản, tập dữ liệu điện tử hoặc cả hai loại này từ khi VIETNAM AIRLINES được cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. Sổ đăng ký cổ đông phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a) Tên, địa chỉ trụ sở chính của VIETNAM AIRLINES;
 - b) Tổng số cổ phần được quyền chào bán, loại cổ phần được quyền chào bán và số cổ phần được quyền chào bán từng loại;
 - c) Tổng số cổ phần đã bán của từng loại và giá trị vốn cổ phần đã góp;
 - d) Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số giấy chứng minh nhân dân, hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với Cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc gia nơi cổ đông đăng ký thành lập, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký doanh nghiệp đối với Cổ đông là tổ chức; và
 - e) Số lượng cổ phần từng loại của mỗi Cổ đông, ngày đăng ký Cổ phần.
2. Sổ đăng ký cổ đông được lưu giữ tại Trụ sở chính của VIETNAM AIRLINES hoặc Trung tâm đăng ký, lưu ký, bù trừ và thanh toán chứng khoán (TTLKCK). Cổ đông có quyền kiểm tra, tra cứu hoặc trích lục, sao chép nội dung Sổ đăng ký cổ đông trong giờ làm việc của VIETNAM AIRLINES hoặc TTLKCK. Trường hợp cổ đông có các thay đổi thông tin tại điểm d) Khoản 1 Điều này thì phải thông báo cho VIETNAM AIRLINES để điều chỉnh trong Sổ đăng ký cổ đông. Nếu VIETNAM AIRLINES không nhận được thông báo thay đổi, tất cả thông báo, tuyên bố hoặc thông tin khác sẽ được VIETNAM AIRLINES gửi cho cổ đông theo địa chỉ mới nhất ghi trong Sổ đăng ký cổ đông.
3. Cổ đông sở hữu từ 5% (năm phần trăm) tổng số cổ phần trở lên của VIETNAM AIRLINES phải được đăng ký với cơ quan đăng ký kinh doanh có thẩm quyền trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc, kể từ ngày có được tỷ lệ sở hữu đó.

Điều 26. Chứng nhận Cổ phiếu

1. Cổ đông của VIETNAM AIRLINES được cấp Chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu.
2. Chứng nhận cổ phiếu do VIETNAM AIRLINES phát hành bao gồm các thông tin chủ yếu sau:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính của VIETNAM AIRLINES;
 - b) Số và ngày cấp giấy phép thành lập và hoạt động; giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;
 - c) Số lượng cổ phần và loại cổ phần;
 - d) Mệnh giá mỗi cổ phần và tổng mệnh giá số cổ phần ghi trên Chứng nhận cổ phiếu;
 - e) Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số giấy chứng minh nhân dân, hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc gia nơi cổ đông đăng ký thành lập, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký doanh nghiệp của cổ đông là tổ chức;
 - f) Tóm tắt về thủ tục chuyển nhượng cổ phiếu;
 - g) Chữ ký mẫu của người đại diện theo Pháp luật và dấu của VIETNAM AIRLINES;
 - h) Số đăng ký tại Sở đăng ký cổ đông và ngày phát hành Chứng nhận cổ phiếu tương ứng;
 - i) Đối với cổ phiếu của cổ phần ưu đãi biểu quyết, ngoài những thông tin trên còn phải ghi rõ mức được biểu quyết và thời hạn hiệu lực ưu đãi biểu quyết theo quy định tại Điều lệ này; và
 - j) Các nội dung khác theo quy định của Pháp luật.
3. Theo các quy định của Điều lệ này, bất kỳ người nào có tên ghi trong Sổ đăng ký cổ đông của VIETNAM AIRLINES liên quan đến bất kỳ loại cổ phần nào, sẽ được cấp miễn phí Chứng nhận cổ phiếu sau khi mua hoặc nhận cổ phần chuyển nhượng trong vòng 30 (ba mươi) ngày (hoặc thời hạn khác theo quy định của điều khoản phát hành hoặc quy chế quản lý nội bộ do HĐQT VIETNAM AIRLINES ban hành).
4. VIETNAM AIRLINES có thể, trực tiếp hoặc gián tiếp, quản lý Chứng nhận cổ phiếu cho cổ đông hoặc cấp Chứng nhận cổ phiếu theo yêu cầu của cổ đông. Trường hợp Chứng nhận cổ phiếu bị hỏng, mất, bị cháy hoặc bị tẩy xóa, tiêu hủy dưới hình thức khác, cổ đông phải báo ngay và đề nghị VIETNAM AIRLINES cấp lại Chứng nhận cổ phiếu mới với điều kiện phải đưa ra bằng chứng về việc sở hữu cổ phần và thanh toán mọi chi phí liên quan cho VIETNAM AIRLINES.
5. Sau khi VIETNAM AIRLINES đã niêm yết hoặc đăng ký lưu ký tập trung, cổ phần do các cổ đông sở hữu sẽ được ghi nhận dưới hình thức bút toán ghi sổ. Việc phát hành, chuyển nhượng và các vấn đề liên quan đến các loại cổ phần khi đó sẽ được thực hiện theo quy định của Pháp luật hoặc của HĐQT.

CHƯƠNG III

CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ, ĐIỀU HÀNH

Mục 1

CƠ CẤU TỔ CHỨC

Điều 27. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát

Cơ cấu tổ chức quản lý của VIETNAM AIRLINES gồm:

1. Đại hội đồng Cổ đông;
2. Hội đồng Quản trị;
3. Ban Kiểm soát; và
4. Tổng Giám đốc.

Mục 2

CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 28. Cổ đông

1. Cổ đông có các quyền và nghĩa vụ tương ứng theo số cổ phần và loại cổ phần mà họ sở hữu. Quyền và trách nhiệm của mỗi cổ đông được giới hạn theo tỷ lệ cổ phần mà cổ đông nắm giữ.
2. Cổ đông được công nhận chính thức khi thanh toán đủ tiền mua cổ phần và được ghi tên vào Sổ đăng ký cổ đông của VIETNAM AIRLINES.
3. Người đại diện theo ủy quyền:
 - a) Nếu cổ đông là tổ chức thì cổ đông đó phải chỉ định một hay nhiều người đại diện theo ủy quyền để thực hiện các quyền cổ đông của mình tại Đại hội đồng Cổ đông trừ trường hợp đại diện theo pháp luật của cổ đông trực tiếp tham dự họp. Trong trường hợp có nhiều hơn một người đại diện theo ủy quyền được chỉ định thì cổ đông phải xác định cụ thể số cổ phần và phiếu bầu của mỗi người đại diện theo ủy quyền như vậy.
 - b) Cổ đông có sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền ủy quyền tối đa ba người tham dự họp Đại hội đồng cổ đông. Cổ đông sở hữu dưới 10% tổng số cổ phần phổ thông có quyền ủy quyền cho một người tham dự họp Đại hội đồng cổ đông.
 - c) Việc chỉ định, chấm dứt hoặc thay đổi người đại diện theo ủy quyền của cổ đông phải được thông báo bằng văn bản cho VIETNAM AIRLINES trong vòng 03 ngày làm việc kể từ ngày phát sinh các sự kiện trên đây. Việc chỉ định, chấm dứt hoặc thay đổi người đại diện theo ủy quyền của cổ đông chỉ có giá trị pháp lý với VIETNAM AIRLINES khi VIETNAM AIRLINES đã nhận được thông báo hợp lệ.
 - d) Thông báo chỉ định người đại diện theo ủy quyền phải có các chi tiết sau:
 - (i) Tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số và ngày của quyết định thành lập hoặc giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của cổ đông;
 - (ii) Số lượng cổ phần, loại cổ phần và ngày đăng ký làm cổ đông với VIETNAM AIRLINES;
 - (iii) Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số chứng minh thư nhân dân, hộ chiếu hoặc giấy tờ cá nhân hợp pháp khác của người đại diện theo Pháp luật của cổ đông và đại diện theo ủy quyền;
 - (iv) Số lượng cổ phần mà người đại diện theo ủy quyền được chỉ định để đại diện; và,

- (v) Thời hạn đại diện theo ủy quyền của người đại diện theo ủy quyền.
- e) Việc chỉ định hoặc chấm dứt một người đại diện theo ủy quyền sẽ có hiệu lực kể từ thời điểm cuối cùng trong các thời điểm sau:
 - (i) Ngày VIETNAM AIRLINES nhận được thông báo chỉ định hoặc chấm dứt;
 - (ii) Ngày Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền nhận được thông báo chỉ định hoặc chấm dứt; và,
 - (iii) Ngày khác được ghi cụ thể trong thông báo chỉ định hoặc chấm dứt.
- f) Mỗi cổ đông bồi hoàn cho VIETNAM AIRLINES đối với mọi khiếu nại phát sinh tới hành động sai trái, gian lận, cố ý sai phạm do người đại diện theo ủy quyền của mình gây ra trong thời gian người đó đại diện cho cổ đông và đối với mọi khiếu nại phát sinh tới việc bãi nhiệm người đại diện theo ủy quyền khỏi chức vụ của người đó do sự gian lận của người đại diện theo ủy quyền.
- g) Mỗi cổ đông phải bảo đảm rằng người đại diện theo ủy quyền của mình có khả năng và mong muốn hành động với tư cách là đại diện theo ủy quyền trước Đại hội đồng Cổ đông và cam kết rằng mình sẽ bảo đảm rằng người đại diện theo ủy quyền đó sẽ không cố tình vắng mặt hoặc không tham dự Đại hội đồng Cổ đông mà không có lý do chính đáng nhằm ngăn cản hoạt động của VIETNAM AIRLINES.
- h) Người đại diện theo ủy quyền không được hưởng thù lao của VIETNAM AIRLINES về việc thực hiện công việc ủy quyền.

Điều 29. Quyền của Cổ đông

1. Cổ đông phổ thông có các quyền sau đây:

- a) Tham dự và phát biểu trong các cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp tại Đại hội đồng Cổ đông hoặc thông qua người đại diện theo ủy quyền hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa; mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết. Cổ đông có quyền gửi ý kiến biểu quyết bằng văn bản theo thẩm quyền và thể thức quy định tại Điều 40 của Điều lệ này;
- b) Được nhận cổ tức với mức theo nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông;
- c) Được ưu tiên mua cổ phần mới chào bán tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông của từng cổ đông trong VIETNAM AIRLINES;
- d) Được tự do chuyển nhượng cổ phần đã được thanh toán đầy đủ và được ghi trong Sổ đăng ký cổ đông của VIETNAM AIRLINES cho Cổ đông khác hoặc cá nhân, tổ chức khác không phải là cổ đông theo quy định tại Điều lệ này và Pháp luật có liên quan trừ một số trường hợp bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của Pháp luật, Điều lệ và quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- e) Quyền được đối xử công bằng. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho cổ đông sở hữu các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang bằng nhau. Trường hợp VIETNAM AIRLINES có các loại cổ phần ưu đãi, các quyền và nghĩa vụ gắn liền với các loại cổ phần ưu đãi phải được công bố đầy đủ cho cổ đông và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua;
- f) Quyền được thông báo đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường về hoạt động của VIETNAM AIRLINES;

- g) Xem xét, tra cứu và trích lục các thông tin trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác;
 - h) Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ của VIETNAM AIRLINES, sổ biên bản họp Đại hội đồng Cổ đông và các nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông;
 - i) Được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với số cổ phần nắm giữ tại VIETNAM AIRLINES sau khi VIETNAM AIRLINES đã thanh toán cho chủ nợ và các cổ đông nắm giữ các loại cổ phần ưu đãi của VIETNAM AIRLINES theo quy định của Pháp luật khi VIETNAM AIRLINES giải thể hoặc phá sản;
 - j) Được ủy quyền bằng văn bản cho người khác thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình; người được ủy quyền không được ứng cử với tư cách của chính mình;
 - k) Được ứng cử, đề cử người vào HĐQT, Ban Kiểm soát theo quy định tại Điều lệ và theo quy định của Pháp luật. Danh sách ứng cử viên phải được gửi tới HĐQT theo thời hạn do HĐQT quy định;
 - l) Yêu cầu VIETNAM AIRLINES mua lại cổ phần của mình phù hợp với quy định của Điều lệ này và Pháp luật; và
 - m) Các quyền khác theo quy định tại Điều lệ này và Pháp luật.
2. Cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi, nếu có, sẽ có các quyền theo quyết định của Đại hội đồng Cổ đông phù hợp với quy định của Điều lệ và Pháp luật có liên quan.
3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu trên 10% (mười phần trăm) số cổ phần phổ thông trong thời gian liên tục ít nhất 06 (sáu) tháng có thêm các quyền sau:
- a) Yêu cầu Ban Kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của VIETNAM AIRLINES khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải thể hiện bằng văn bản; phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số giấy chứng minh nhân dân, hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc gia nơi thành lập, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký doanh nghiệp đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của VIETNAM AIRLINES; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra; và
 - b) Đề cử người vào HĐQT và Ban Kiểm soát VIETNAM AIRLINES theo quy định tương ứng tại Khoản 4 Điều 44 và Khoản 2 Điều 57 của Điều lệ này; và
 - c) Xem xét và trích lục sổ biên bản và các nghị quyết, quyết định của HĐQT, báo cáo tài chính 06 (sáu) tháng đầu năm và hàng năm theo mẫu của hệ thống kế toán Việt Nam và các báo cáo của Ban Kiểm soát; và
 - d) Yêu cầu triệu tập Đại hội đồng Cổ đông trong các trường hợp sau đây:
 - HĐQT vi phạm nghiêm trọng các quyền của cổ đông, nghĩa vụ của Người quản lý VIETNAM AIRLINES hoặc ra quyết định vượt quá thẩm quyền được giao;
 - Nhiệm kỳ của HĐQT đã vượt quá 06 (sáu) tháng mà HĐQT mới chưa được bầu thay thế.

Yêu cầu triệu tập họp phải được lập bằng văn bản và phải có họ tên, địa chỉ thường trú, số chứng minh nhân dân, hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với các cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký doanh

nghiệp đối với cổ đông là tổ chức; số cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của VIETNAM AIRLINES, căn cứ và lý do yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông. Kèm theo yêu cầu có các tài liệu, chứng từ về các vi phạm của HĐQT, mức độ vi phạm hoặc về quyết định vượt quá thẩm quyền; và

e) Các quyền khác theo Điều lệ này và theo quy định của Pháp luật.

Điều 30. Nghĩa vụ của Cổ đông

Cổ đông có các nghĩa vụ sau:

1. Thanh toán đủ tiền mua số cổ phần đã cam kết mua trong thời hạn do VIETNAM AIRLINES quy định và chịu trách nhiệm trước Pháp luật về tính hợp pháp của nguồn vốn mua cổ phần;
2. Tuân thủ Điều lệ và các quy chế quản lý nội bộ của VIETNAM AIRLINES;
3. Chấp hành các nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng Cổ đông và HĐQT;
4. Tham gia các cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa. Cổ đông có thể ủy quyền cho Thành viên HĐQT làm đại diện cho mình tại Đại hội đồng Cổ đông;
5. Chịu trách nhiệm về các khoản nợ và các nghĩa vụ tài chính khác của VIETNAM AIRLINES trong phạm vi số vốn đã góp;
6. Không được rút vốn cổ phần dưới bất cứ hình thức nào trừ trường hợp được VIETNAM AIRLINES hoặc người khác mua lại cổ phần theo quy định tại Điều lệ và của Pháp luật;
7. Không được sử dụng cổ phần, chứng nhận cổ phiếu làm tài sản thế chấp, cầm cố tại VIETNAM AIRLINES;
8. Bảo vệ uy tín, tài sản và giữ bí mật về các hoạt động của VIETNAM AIRLINES;
9. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh VIETNAM AIRLINES dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:
 - a) Vi phạm Pháp luật;
 - b) Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
 - c) Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước nguy cơ tài chính có thể xảy ra đối với VIETNAM AIRLINES.
10. Cổ đông nhận ủy thác đầu tư cho tổ chức, cá nhân khác phải cung cấp thông tin về chủ sở hữu thực sự của số cổ phần mà mình nhận ủy thác đầu tư trong VIETNAM AIRLINES. VIETNAM AIRLINES có quyền đình chỉ quyền cổ đông của các cổ đông này trong trường hợp phát hiện họ không cung cấp thông tin xác thực về chủ sở hữu thực sự của các cổ phần; và
11. Thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định của Điều lệ này và quy định của Pháp luật.

Điều 31. Trách nhiệm của cổ đông lớn

1. Cổ đông lớn không được lợi dụng ưu thế của mình gây tổn hại đến các quyền, lợi ích của VIETNAM AIRLINES và của các cổ đông khác.
2. Cổ đông lớn có nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định của Pháp luật.

Điều 32. Đại hội đồng Cổ đông

1. Đại hội đồng Cổ đông là cơ quan quyết định cao nhất của VIETNAM AIRLINES, bao gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, hoạt động thông qua cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông thường niên, Đại hội đồng Cổ đông bất thường và thông qua việc lấy ý kiến bằng văn bản.
2. Các cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông phải có đủ số lượng cổ đông tham dự tối thiểu theo quy định tại Điều 38 của Điều lệ này.
3. Quyết định của Đại hội đồng Cổ đông chỉ có giá trị khi được các cổ đông hoặc người được cổ đông ủy quyền hợp lệ thông qua theo quy định tại Điều 39 của Điều lệ này.

Điều 33. Quyền hạn và nhiệm vụ của Đại hội đồng Cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông thường niên có quyền thảo luận và thông qua:
 - a) Báo cáo tài chính năm được kiểm toán;
 - b) Báo cáo của Hội đồng quản trị;
 - c) Báo cáo của Ban kiểm soát;
 - d) Chiến lược phát triển, các chỉ tiêu chính của kế hoạch sản xuất kinh doanh, kế hoạch đầu tư phát triển hàng năm và dài hạn của VIETNAM AIRLINES (gồm: sản lượng, doanh thu, tổng mức đầu tư, quỹ lương và phân phối lương, lợi nhuận).
2. Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường thông qua quyết định về các vấn đề sau:
 - a) Thông qua báo cáo tài chính năm;
 - b) Mức cổ tức thanh toán hàng năm cho mỗi loại cổ phần phù hợp với Luật doanh nghiệp và các quyền gắn liền với loại cổ phần đó. Mức cổ tức này không cao hơn mức mà HĐQT đề nghị sau khi đã tham khảo ý kiến của các cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông;
 - c) Số lượng thành viên của HĐQT và của Ban kiểm soát;
 - d) Lựa chọn công ty kiểm toán;
 - e) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm và thay thế thành viên HĐQT và Ban kiểm soát;
 - f) Tổng số tiền thù lao, tiền lương của các thành viên HĐQT và Ban Kiểm soát; Báo cáo tiền thù lao, tiền lương của HĐQT và Ban Kiểm soát;
 - g) Bổ sung và sửa đổi Điều lệ;
 - h) Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần;
 - i) Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi hình thức pháp lý của VIETNAM AIRLINES; chủ trương thành lập, tổ chức lại, chuyển đổi sở hữu, giải thể, phá sản công ty con do VIETNAM AIRLINES sở hữu 100% vốn;

- j) Tổ chức lại và giải thể (thanh lý), phá sản VIETNAM AIRLINES và chỉ định người thanh lý;
 - k) Kiểm tra và xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát gây thiệt hại cho VIETNAM AIRLINES và các cổ đông của VIETNAM AIRLINES;
 - l) Chủ trương đầu tư đối với các dự án mua tàu bay, bao gồm cả động cơ dự phòng thuộc dự án tàu bay; quyết định đầu tư, mua tài sản khác có giá trị bằng hoặc lớn hơn 20% tổng giá trị tài sản của VIETNAM AIRLINES được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất được kiểm toán; Quyết định các khoản đầu tư không thuộc kế hoạch kinh doanh và ngân sách hoặc các khoản đầu tư có tổng mức đầu tư vượt quá 10% giá trị kế hoạch và ngân sách kinh doanh hàng năm;
 - m) Chủ trương đối với phương án thanh lý, nhượng bán tàu bay chưa khấu hao hết; Chủ trương đối với phương án thanh lý, nhượng bán tài sản cố định khác có tổng giá trị còn lại bằng hoặc lớn hơn 20% tổng giá trị tài sản của VIETNAM AIRLINES được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất được kiểm toán;
 - n) Chủ trương đối với các hợp đồng vay vốn của VIETNAM AIRLINES có giá trị bằng hoặc lớn hơn 50% vốn điều lệ của VIETNAM AIRLINES;
 - o) VIETNAM AIRLINES mua lại hơn 10% một loại cổ phần phát hành;
 - p) VIETNAM AIRLINES hoặc các chi nhánh của VIETNAM AIRLINES ký kết hợp đồng với những người được quy định tại Khoản 1 Điều 120 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 20% tổng giá trị tài sản của VIETNAM AIRLINES và các chi nhánh của VIETNAM AIRLINES được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất được kiểm toán;
 - q) Các vấn đề khác theo quy định của Điều lệ này và các quy chế quản lý nội bộ khác của VIETNAM AIRLINES.
3. Cổ đông không được tham gia bỏ phiếu trong các trường hợp sau đây:
- a) Thông qua các hợp đồng quy định tại Điểm p) Khoản 2 Điều 33 khi cổ đông đó hoặc người có liên quan tới cổ đông đó là một bên của hợp đồng;
 - b) Việc mua lại cổ phần của cổ đông đó hoặc của người có liên quan tới cổ đông đó trừ trường hợp việc mua lại cổ phần được thực hiện theo tỷ lệ sở hữu của tất cả các cổ đông hoặc việc mua lại được thực hiện thông qua khớp lệnh hoặc chào mua công khai trên Sở giao dịch chứng khoán.
4. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông.

Điều 34. Thẩm quyền triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông

- 1. Đại hội đồng Cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm 01 (một) lần do HĐQT triệu tập trong thời hạn 04 (bốn) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Trường hợp đặc biệt, theo đề nghị của HĐQT, Cơ quan đăng ký kinh doanh có thể gia hạn, nhưng không quá 6 (sáu) tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Đại hội đồng Cổ đông thường niên thảo luận và thông qua các vấn đề thuộc thẩm quyền theo quy định tại Điều 33 Điều lệ này.
- 2. HĐQT phải triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:
 - a) HĐQT xét thấy cần thiết vì lợi ích của VIETNAM AIRLINES;

- b) Số thành viên của HĐQT còn lại ít hơn số thành viên tối thiểu theo quy định của Pháp luật hoặc ít hơn 1/3 số thành viên quy định trong Điều lệ này;
 - c) Bảng cân đối kế toán năm, các báo cáo sáu (06) tháng hoặc quý hoặc báo cáo kiểm toán của năm tài chính phản ánh vốn chủ sở hữu đã bị mất một nửa (1/2) so với số đầu kỳ;
 - d) Theo yêu cầu bằng văn bản của cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu trên 10% tổng số cổ phần phổ thông của VIETNAM AIRLINES trong thời gian liên tục ít nhất 06 (sáu) tháng. Yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản, trong đó mỗi bản phải có chữ ký của tối thiểu một cổ đông có liên quan;
 - e) Ban kiểm soát yêu cầu triệu tập cuộc họp nếu Ban kiểm soát có lý do tin tưởng rằng các thành viên HĐQT hoặc cán bộ quản lý cấp cao vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ của họ theo Điều 119 Luật Doanh nghiệp hoặc HĐQT hành động hoặc có ý định hành động ngoài phạm vi quyền hạn của mình;
 - f) Các trường hợp khác theo quy định của Pháp luật và Điều lệ công ty.
3. HĐQT phải triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày số thành viên HĐQT còn lại như quy định tại Điểm b) Khoản 2 Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại Điểm d), e) và f) Khoản 2 Điều này.
 4. Trường hợp HĐQT không triệu tập cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông như quy định tại Khoản 2 và Khoản 3 Điều này thì trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày tiếp theo, Ban Kiểm soát phải thay thế HĐQT triệu tập Đại hội đồng Cổ đông theo quy định tại Điều lệ này và quy định của Pháp luật.
 5. Trường hợp Ban Kiểm soát không triệu tập cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông theo quy định tại Khoản 4 Điều này, thì trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày tiếp theo, Cổ đông lớn hoặc nhóm Cổ đông có yêu cầu quy định tại Điểm d) Khoản 2 Điều này có quyền thay thế HĐQT, Ban Kiểm soát triệu tập Đại hội đồng Cổ đông theo quy định của Pháp luật và theo quy định tại Điều lệ này. Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông có quyền đề nghị cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập và tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng Cổ đông.
 6. Địa điểm họp Đại hội đồng Cổ đông là trên lãnh thổ Việt Nam. Địa điểm cụ thể do người triệu tập họp quyết định căn cứ vào tình hình thực tế.
 7. Tất cả các chi phí cần thiết để triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng Cổ đông theo quy định tại Khoản 3, Khoản 4 và Khoản 5 Điều này sẽ do VIETNAM AIRLINES thanh toán. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự Đại hội đồng Cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.
 8. Trường hợp HĐQT, Ban Kiểm soát không thực hiện được nhiệm vụ quy định tại Khoản 3 và Khoản 4 Điều này thì Chủ tịch HĐQT, Trưởng Ban Kiểm soát phải chịu trách nhiệm trước Pháp luật và phải bồi thường thiệt hại phát sinh đối với VIETNAM AIRLINES.

Điều 35. Thông báo mời họp, chương trình và nội dung họp Đại hội đồng Cổ đông

1. Người triệu tập Đại hội đồng Cổ đông tại Điều 34 Điều lệ này phải lập danh sách cổ đông có quyền dự họp và biểu quyết; chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu cuộc họp và dự thảo quyết định đối với từng vấn đề trong chương trình họp.

2. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng Cổ đông được lập dựa trên Sổ đăng ký cổ đông của VIETNAM AIRLINES. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng Cổ đông được lập khi có quyết định triệu tập và phải lập xong chậm nhất ba mươi (30) ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng Cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng Cổ đông phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số giấy chứng minh nhân dân, hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần từng loại, số và ngày đăng ký cổ đông của từng Cổ đông.
3. Thông báo mời họp phải có tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, nơi đăng ký kinh doanh của VIETNAM AIRLINES; tên, địa chỉ thường trú của cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền của cổ đông, thời gian và địa điểm họp.
4. Thông báo họp Đại hội đồng Cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông đồng thời công bố trên phương tiện thông tin của Sở giao dịch chứng khoán (khi VIETNAM AIRLINES niêm yết cổ phiếu trên Sở giao dịch chứng khoán), trên trang thông tin điện tử (website) của VIETNAM AIRLINES. Thông báo họp Đại hội đồng Cổ đông phải được gửi ít nhất 15 (mười lăm) ngày trước ngày họp Đại hội đồng Cổ đông, tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư. Chương trình họp Đại hội đồng Cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại Đại hội đồng Cổ đông, dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp, mẫu chỉ định đại diện theo ủy quyền dự họp được gửi cho các cổ đông và/hoặc đăng trên trang thông tin điện tử của VIETNAM AIRLINES. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng Cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ địa chỉ trang thông tin điện tử để các cổ đông có thể tiếp cận.
5. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu trên 10% tổng số cổ phần phổ thông của VIETNAM AIRLINES trong thời hạn liên tục ít nhất 06 (sáu) tháng có quyền đề xuất các vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng Cổ đông. Đề xuất phải được làm bằng văn bản và phải được gửi cho VIETNAM AIRLINES ít nhất 03 (ba) ngày làm việc trước ngày khai mạc Đại hội đồng Cổ đông. Đề xuất phải bao gồm họ và tên cổ đông, số lượng và loại cổ phần cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ, và nội dung đề nghị đưa vào chương trình họp.
6. Người triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông chỉ có quyền từ chối những đề xuất liên quan đến Khoản 5 Điều này trong các trường hợp sau:
 - a) Đề xuất được gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung;
 - b) Vào thời điểm đề xuất, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không có đủ trên 10% tổng số cổ phần phổ thông trong thời gian liên tục ít nhất 06 (sáu) tháng; hoặc
 - c) Vấn đề đề xuất không thuộc phạm vi thẩm quyền của Đại hội đồng Cổ đông bàn bạc và thông qua.
7. Người triệu tập Đại hội đồng Cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại Khoản 5 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại Khoản 6 Điều này; đề xuất được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng Cổ đông chấp thuận.
8. Trường hợp tất cả Cổ đông đại diện 100% số cổ phần có quyền biểu quyết trực tiếp tham dự hoặc tham dự thông qua đại diện được ủy quyền tại Đại hội đồng Cổ đông, những quyết định

được Đại hội đồng Cổ đông nhất trí thông qua đều được coi là hợp lệ kể cả trong trường hợp việc triệu tập Đại hội đồng Cổ đông không theo đúng trình tự và thủ tục hoặc nội dung biểu quyết không có trong chương trình.

Điều 36. Quyền dự họp Đại hội đồng Cổ đông

1. Các cổ đông là cá nhân hoặc người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có quyền trực tiếp tham dự hoặc ủy quyền bằng văn bản cho người khác dự họp Đại hội đồng Cổ đông. Người được ủy quyền không nhất thiết phải là cổ đông của VIETNAM AIRLINES. Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng Cổ đông không được ủy quyền tiếp cho người khác dự họp Đại hội đồng Cổ đông và không được tham gia ứng cử với tư cách cá nhân mình. Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện được cử thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu được ủy quyền cho mỗi người đại diện.
2. Trường hợp cổ đông là pháp nhân mới sáp nhập, hợp nhất hoặc thừa kế quyền và nghĩa vụ cổ đông thì cổ đông này gửi cho HĐQT các văn bản có hiệu lực Pháp luật về việc sáp nhập, hợp nhất hoặc thừa kế để HĐQT quyết định về cổ đông, cổ phiếu, cổ phần và người dự họp theo quy định của Pháp luật.
3. Việc ủy quyền cho người khác dự họp Đại hội đồng Cổ đông phải được lập bằng văn bản theo mẫu của VIETNAM AIRLINES. Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng Cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền này trước khi vào phòng họp. Văn bản ủy quyền của cổ đông phải bao gồm các chữ ký theo quy định sau:
 - a) Trường hợp Cổ đông là cá nhân thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của cổ đông đó và chữ ký của người được ủy quyền dự họp;
 - b) Trường hợp người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức là người ủy quyền cho người khác dự họp thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của người này, chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cổ đông và chữ ký của người được ủy quyền dự họp;
 - c) Trong trường hợp khác thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp.
4. Trường hợp luật sư thay mặt cho người ủy quyền ký giấy chỉ định đại diện, việc chỉ định đại diện trong trường hợp này chỉ được coi là có hiệu lực nếu giấy chỉ định đại diện đó được xuất trình cùng với giấy ủy quyền cho luật sư hoặc bản sao hợp lệ của giấy ủy quyền đó (nếu trước đó chưa đăng ký với VIETNAM AIRLINES).
5. Trừ trường hợp quy định tại Khoản 4 trên đây, phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi có một trong các trường hợp sau đây:
 - a) Người ủy quyền chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự; hoặc
 - b) Người ủy quyền đã hủy bỏ hoặc chấm dứt việc ủy quyền.Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp VIETNAM AIRLINES nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.
6. Trường hợp cổ phần được chuyển nhượng trong thời gian từ ngày lập xong danh sách Cổ đông đến ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông thì người nhận chuyển nhượng có

quyền dự họp Đại hội đồng Cổ đông thay thế cho người chuyển nhượng đối với số cổ phần đã chuyển nhượng.

Điều 37. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng Cổ đông

1. Vào ngày tổ chức họp Đại hội đồng Cổ đông, các cổ đông có quyền dự họp theo danh sách tiến hành đăng ký việc dự họp Đại hội đồng Cổ đông đến khi bảo đảm việc đăng ký đầy đủ các cổ đông có quyền dự họp có mặt.
2. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, VIETNAM AIRLINES cấp cho từng cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền có quyền biểu quyết thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên cổ đông, họ và tên người đại diện theo ủy quyền và số phiếu biểu quyết của Cổ đông đó.
3. Chủ tọa, Thư ký và Ban kiểm phiếu của cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông:
 - a) Chủ tịch HĐQT làm Chủ tọa các cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông do HĐQT triệu tập. Trường hợp Chủ tịch HĐQT vắng mặt hoặc mất khả năng làm việc thì các thành viên HĐQT còn lại bầu một người trong số họ làm Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông. Trường hợp không có người có thể làm Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông, thành viên HĐQT chức vụ cao nhất có mặt điều khiển để Đại hội đồng Cổ đông bầu Chủ tọa của cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông. Chủ tọa không nhất thiết phải là thành viên HĐQT. Trường hợp bầu Chủ tọa, tên Chủ tọa được đề cử trong số những người dự họp và số phiếu bầu cho Chủ tọa phải được công bố, người có số phiếu bầu cao nhất làm Chủ tọa cuộc họp;
 - b) Trong các trường hợp khác, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông điều khiển để Đại hội đồng Cổ đông bầu Chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm Chủ tọa cuộc họp;
 - c) Chủ tọa cử một hoặc một số người làm Thư ký lập biên bản cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông;
 - d) Đại hội đồng Cổ đông bầu Ban kiểm phiếu không quá 03 (ba) người theo đề nghị của Chủ tọa cuộc họp.
4. Đại hội đồng Cổ đông thông qua chương trình và nội dung họp ngay trong phiên khai mạc. Chương trình nêu rõ thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp. Chủ tọa là người có quyền quyết định về trình tự, thủ tục và các sự kiện phát sinh ngoài chương trình của Đại hội đồng Cổ đông.
5. Đại hội đồng Cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Khi tiến hành biểu quyết tại Đại hội, số thẻ biểu quyết thu theo thứ tự sau đây: thẻ tán thành, thẻ không tán thành, thẻ không có ý kiến, cuối cùng đếm tổng số của từng loại phiếu biểu quyết tán thành, không tán thành, không có ý kiến. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành hoặc bỏ phiếu trắng hoặc không hợp lệ đối với từng vấn đề được Chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.
6. Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp đến sau khi cuộc họp đã khai mạc được đăng ký và có quyền tham gia biểu quyết ngay sau khi đăng ký. Tuy nhiên, Chủ tọa không được dừng cuộc họp để người đến muộn đăng ký; hiệu lực của những biểu quyết đã tiến hành không bị ảnh hưởng.
7. Người triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông có quyền:

- a) Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh; và
 - b) Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của Chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông.
8. Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông có thể hoãn họp Đại hội ngay cả trong trường hợp đã có đủ số đại biểu cần thiết đến một thời điểm khác hoặc thay đổi địa điểm họp do Chủ tọa quyết định mà không cần lấy ý kiến của Đại hội đồng Cổ đông nếu nhận thấy rằng:
- a) Các thành viên tham dự không thể có chỗ ngồi thuận tiện ở địa điểm tổ chức Đại hội;
 - b) Hành vi của những người có mặt làm mất trật tự hoặc có khả năng làm mất trật tự cuộc họp có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp; hoặc
 - c) Sự trì hoãn là cần thiết để các công việc của Đại hội được tiến hành một cách hợp lệ. Đại hội họp lại vẫn phải đủ số lượng cổ đông có quyền biểu quyết như quy định tại Khoản 1 Khoản 2 và Khoản 3 Điều 38 và sẽ chỉ xem xét các công việc lẽ ra đã được giải quyết hợp pháp tại Đại hội bị trì hoãn trước đó.
- Ngoài ra, Chủ tọa có thể hoãn Đại hội khi có sự nhất trí hoặc yêu cầu của Đại hội đồng Cổ đông đã có đủ số lượng đại biểu dự họp cần thiết. Thời gian hoãn tối đa không quá 03 (ba) ngày kể từ ngày dự định khai mạc đại hội. Đại hội họp lại sẽ chỉ xem xét các công việc lẽ ra đã được giải quyết hợp pháp tại Đại hội bị trì hoãn trước đó.
9. Trường hợp Chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng họp Đại hội đồng Cổ đông trái với quy định tại Khoản 8 Điều này, Đại hội đồng Cổ đông bầu một người khác trong số người dự họp để thay thế Chủ tọa điều hành cuộc họp đến lúc kết thúc và hiệu lực của các biểu quyết tại cuộc họp đó không bị ảnh hưởng.
10. Chủ tọa của Đại hội hoặc Thư ký Đại hội có thể tiến hành các hoạt động mà họ thấy cần thiết để điều khiển Đại hội đồng Cổ đông một cách hợp lệ và có trật tự; hoặc để Đại hội phản ánh được mong muốn của đa số cổ đông, người đại diện được cổ đông ủy quyền tham dự.
11. HĐQT, sau khi đã xem xét một cách cẩn trọng, có thể tiến hành các biện pháp được HĐQT cho là thích hợp để:
- a) Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng Cổ đông;
 - b) Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại các địa điểm họp; và
 - c) Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) Đại hội.
- HĐQT có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp nếu HĐQT thấy cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.
12. Trong trường hợp tại Đại hội đồng Cổ đông có áp dụng các biện pháp nói trên, HĐQT khi xác định địa điểm đại hội có thể:
- a) Thông báo đại hội được tiến hành tại địa điểm ghi trong thông báo và Chủ tọa Đại hội sẽ có mặt tại đó (“Địa điểm chính của đại hội”);

- b) Bố trí, tổ chức để những cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền không dự họp được hoặc cố gắng tối đa trong việc áp dụng các công nghệ hiện đại để nhóm các cổ đông ở xa có thể đồng thời tham gia vào cuộc họp Đại hội đồng cổ đông một cách tốt nhất tại địa điểm khác với Địa điểm chính của đại hội, bao gồm hướng dẫn cổ đông bỏ phiếu từ xa, biểu quyết thông qua họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến.

Thông báo về việc tổ chức đại hội không cần nêu chi tiết những biện pháp tổ chức theo Điều khoản này.

13. Trong Điều lệ này (trừ khi hoàn cảnh yêu cầu khác), mọi cổ đông được coi là tham gia Đại hội ở địa điểm chính của đại hội.
14. Hàng năm VIETNAM AIRLINES tổ chức Đại hội đồng cổ đông ít nhất một (01) lần. Đại hội đồng cổ đông thường niên không được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

Điều 38. Điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng Cổ đông

1. Đại hội đồng Cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho ít nhất 65% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.
2. Trường hợp không có đủ số lượng đại biểu cần thiết trong vòng 30 (ba mươi) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc Đại hội, người triệu tập họp hủy cuộc họp. Đại hội đồng Cổ đông phải được triệu tập lại trong vòng 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày dự định tổ chức Đại hội đồng Cổ đông lần thứ nhất. Đại hội đồng Cổ đông triệu tập lại chỉ được tiến hành khi có thành viên tham dự là các cổ đông và những người đại diện theo ủy quyền dự họp đại diện cho ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.
3. Trường hợp Đại hội lần thứ hai không được tiến hành do không có đủ số đại biểu cần thiết trong vòng 30 (ba mươi) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc Đại hội, Đại hội đồng Cổ đông lần thứ ba có thể được triệu tập trong vòng 20 (hai mươi) ngày kể từ ngày dự định tiến hành Đại hội lần hai, và trong trường hợp này Đại hội được tiến hành không phụ thuộc vào số lượng cổ đông hay đại diện ủy quyền tham dự và được coi là hợp lệ và có quyền quyết định tất cả các vấn đề dự kiến được phê chuẩn tại Đại hội đồng Cổ đông lần thứ nhất.
4. Theo đề nghị của Chủ tọa, Đại hội đồng Cổ đông có quyền thay đổi chương trình họp đã được gửi kèm theo thông báo mời họp theo quy định tại Điều lệ này.

Điều 39. Thông qua quyết định của Đại hội đồng Cổ đông

1. Đại hội đồng Cổ đông thông qua các quyết định thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản. Đại hội đồng Cổ đông thường niên không được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.
2. Các quyết định của Đại hội đồng Cổ đông liên quan đến các vấn đề sau đây phải được thực hiện thông qua hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông:
 - a) Sửa đổi, bổ sung Điều lệ VIETNAM AIRLINES;
 - b) Thông qua định hướng phát triển của VIETNAM AIRLINES;
 - c) Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán;
 - d) Quyết định số lượng thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát; Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát;

- e) Thông qua báo cáo tài chính hàng năm;
 - f) Quyết định giao dịch bán tài sản VIETNAM AIRLINES hoặc chi nhánh hoặc giao dịch mua có giá trị từ 50% trở lên tổng giá trị tài sản của VIETNAM AIRLINES và các chi nhánh của VIETNAM AIRLINES được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất được kiểm toán.
 - g) Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, mua lại, chuyển đổi hình thức sở hữu, giải thể, hoặc yêu cầu phá sản VIETNAM AIRLINES;
3. Quyết định của Đại hội đồng Cổ đông được thông qua tại cuộc họp nếu:
- a) Được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua người đại diện theo ủy quyền dự họp chấp thuận trừ trường hợp được quy định tại điểm b) khoản 3 Điều 39 này; hoặc
 - b) Được số cổ đông đại diện từ 75% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua người đại diện theo ủy quyền có mặt tại Đại hội đồng Cổ đông chấp thuận, đối với các vấn đề sau:
 - (i) Sửa đổi, bổ sung Điều lệ VIETNAM AIRLINES;
 - (ii) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán;
 - (iii) Quyết định việc chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, tổ chức lại, chuyển đổi hình thức pháp lý, giải thể hoặc yêu cầu mở thủ tục phá sản đối với VIETNAM AIRLINES;
 - (iv) Quyết định giao dịch bán tài sản VIETNAM AIRLINES hoặc chi nhánh hoặc giao dịch mua có giá trị từ 50% trở lên tổng giá trị tài sản của VIETNAM AIRLINES và các chi nhánh của VIETNAM AIRLINES được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất được kiểm toán.
4. Việc biểu quyết bầu thành viên HĐQT và Ban Kiểm soát thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của HĐQT và Ban Kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên.
5. Trong trường hợp thông qua các quyết định dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản thì quyết định của Đại hội đồng Cổ đông được thông qua khi được số cổ đông đại diện ít nhất 75% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết chấp thuận.
6. Các quyết định được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông với số cổ đông trực tiếp và người ủy quyền tham dự đại diện cho 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết cùng bỏ phiếu là hợp pháp và có hiệu lực thi hành, kể cả khi trình tự, thủ tục triệu tập, nội dung chương trình họp và thể thức tiến hành họp không được thực hiện đúng như quy định.
7. Trừ trường hợp quy định tại Khoản 4 Điều 39 này, số phiếu biểu quyết của mỗi cổ đông biểu quyết bằng số cổ phần mà cổ đông sở hữu hoặc là người đại diện chủ sở hữu.
8. Cổ đông không được tham gia biểu quyết về các vấn đề sau đây:
- a) Việc thông qua các hợp đồng quy định tại Điều 77 của Điều lệ này khi cổ đông đó hoặc Người có liên quan tới cổ đông đó là một bên của hợp đồng.
 - b) Việc mua lại cổ phần của cổ đông đó hoặc của Người có liên quan tới cổ đông đó trừ trường hợp việc mua lại cổ phần được thực hiện theo tỷ lệ sở hữu của tất cả cổ đông hoặc

việc mua lại được thực hiện thông qua khớp lệnh hoặc chào mua công khai trên Sở giao dịch chứng khoán.

9. Quyết định hợp lệ của Đại hội đồng Cổ đông có hiệu lực thi hành đối với tất cả các cổ đông vắng mặt hay bất đồng ý kiến và được thông báo đến tất cả các cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng Cổ đông trong vòng 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày quyết định được thông qua.

Điều 40. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng Cổ đông

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng Cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:

1. HĐQT có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng Cổ đông bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của VIETNAM AIRLINES, trừ những vấn đề buộc phải thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp ĐHĐCĐ quy định tại Khoản 1 và Khoản 2 Điều 39 Điều lệ này.
2. HĐQT phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo quyết định của Đại hội đồng Cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo quyết định. Phiếu lấy ý kiến kèm theo dự thảo quyết định và tài liệu giải trình phải được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ đăng ký của từng cổ đông. HĐQT phải đảm bảo gửi, công bố tài liệu cho các cổ đông trong một thời gian hợp lý để xem xét biểu quyết và phải gửi ít nhất 15 (mười lăm) ngày trước ngày hết hạn nhận phiếu lấy ý kiến.
3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, nơi đăng ký kinh doanh của VIETNAM AIRLINES;
 - b) Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;
 - c) Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số giấy chứng minh nhân dân, hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký doanh nghiệp của cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;
 - d) Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;
 - e) Thời hạn phải gửi về VIETNAM AIRLINES phiếu lấy ý kiến đã được trả lời; và
 - f) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch HĐQT và người đại diện theo Pháp luật của VIETNAM AIRLINES.
4. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức.
5. Phiếu lấy ý kiến gửi về VIETNAM AIRLINES phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu. Các phiếu lấy ý kiến gửi về VIETNAM AIRLINES nhận được sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở đều không hợp lệ. Nếu hết thời hạn trả lời ghi trong phiếu lấy ý kiến mà cổ đông không trả lời thì coi như cổ đông đó đã đồng ý về vấn đề cần lấy ý kiến, trừ trường hợp Pháp luật có quy định khác.

6. HĐQT kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban Kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý VIETNAM AIRLINES. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp giấy đăng ký doanh nghiệp của VIETNAM AIRLINES, nơi đăng ký kinh doanh;
 - b) Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;
 - c) Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số phiếu biểu quyết không hợp lệ, kèm theo phụ lục danh sách Cổ đông tham gia biểu quyết;
 - d) Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;
 - e) Các quyết định đã được thông qua; và
 - f) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch HĐQT, người đại diện theo pháp luật của VIETNAM AIRLINES và của người giám sát kiểm phiếu.

Các thành viên HĐQT và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

7. Biên bản kết quả kiểm phiếu phải được công bố trên website của VIETNAM AIRLINES trong thời hạn 24 (hai mươi tư) giờ và gửi đến cho tất cả các cổ đông có quyền tham dự Đại hội đồng Cổ đông của VIETNAM AIRLINES trong vòng 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu.
8. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại Trụ sở chính của VIETNAM AIRLINES.
9. Quyết định được thông qua dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản phải được số cổ đông đại diện ít nhất 75% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết chấp thuận và có giá trị như quyết định được Đại hội đồng Cổ đông trực tiếp biểu quyết thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông.

Điều 41. Thay đổi các quyền

1. Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với từng loại cổ phần ưu đãi (nếu có) có hiệu lực khi được cổ đông nắm giữ ít nhất 65% cổ phần phổ thông tham dự họp thông qua đồng thời được cổ đông nắm giữ ít nhất 75% quyền biểu quyết của cổ phần ưu đãi nói trên biểu quyết thông qua.
2. Việc tổ chức cuộc họp của các cổ đông nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi để thông qua việc thay đổi quyền nêu trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu 02 (hai) cổ đông (hoặc đại diện được ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu 1/3 (một phần ba) giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì cuộc họp được tổ chức lại trong vòng 30 (ba mươi) ngày sau đó và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại cuộc họp của cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực

tiếp hoặc qua người đại diện có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.

3. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 38 và Điều 39 của Điều lệ này.
4. Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến việc phân phối lợi nhuận hoặc tài sản của VIETNAM AIRLINES không bị thay đổi khi VIETNAM AIRLINES phát hành thêm các cổ phần cùng loại.

Điều 42. Biên bản họp Đại hội đồng Cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông được ghi vào sổ biên bản của VIETNAM AIRLINES. Biên bản họp được lập bằng tiếng Việt gồm các nội dung chủ yếu sau:
 - a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, nơi đăng ký kinh doanh của VIETNAM AIRLINES;
 - b) Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng Cổ đông;
 - c) Chương trình và nội dung cuộc họp;
 - d) Chủ tọa và Thư ký;
 - e) Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại Đại hội đồng Cổ đông về từng vấn đề trong nội dung chương trình họp;
 - f) Số cổ đông và tổng số cổ phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;
 - g) Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết trong đó nêu rõ tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến, tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của Cổ đông dự họp;
 - h) Các quyết định đã được thông qua; và
 - i) Họ, tên, chữ ký của Chủ tọa và Thư ký.

2. Biên bản họp Đại hội đồng Cổ đông phải làm xong và thông qua trước khi bế mạc cuộc họp.
3. Chủ tọa và Thư ký cuộc họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản. Biên bản họp Đại hội đồng Cổ đông phải được công bố trên website của VIETNAM AIRLINES trong thời hạn 24 (hai mươi bốn) giờ và gửi đến tất cả Cổ đông thời gian 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày bế mạc cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông.

Biên bản Đại hội đồng Cổ đông được coi là bằng chứng xác thực về những công việc đã được tiến hành tại Đại hội đồng Cổ đông trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản được đưa ra theo đúng thủ tục quy định trong vòng 10 (mười) ngày kể từ khi gửi biên bản.

Biên bản họp Đại hội đồng Cổ đông, phụ lục danh sách Cổ đông đăng ký dự họp, toàn văn quyết định đã được thông qua và các tài liệu có liên quan gửi kèm theo thông báo mời họp phải được lưu giữ tại Trụ sở chính của VIETNAM AIRLINES.

Điều 43. Yêu cầu hủy bỏ các quyết định của Đại hội đồng Cổ đông

Trong thời hạn 90 (chín mươi) ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng Cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng Cổ đông, cổ đông, thành viên HĐQT, thành viên Ban kiểm soát và Tổng Giám đốc có quyền yêu cầu Tòa án có thẩm quyền hoặc Trọng tài xem xét và hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng Cổ đông trong các trường hợp sau:

1. Trình tự và thủ tục triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông không thực hiện theo quy định hiện hành của Pháp luật và Điều lệ này trừ trường hợp quy định tại khoản 6 Điều 39.
2. Trình tự, thủ tục ra quyết định và nội dung quyết định vi phạm quy định của Pháp luật hoặc Điều lệ này.

Trường hợp quyết định của Đại hội đồng Cổ đông bị hủy bỏ theo quyết định của Tòa án hoặc Trọng tài, người triệu tập cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông bị hủy bỏ có thể xem xét tổ chức lại Đại hội đồng Cổ đông trong vòng 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày ban hành quyết định của Tòa án hoặc Trọng tài theo trình tự, thủ tục quy định của Pháp luật và Điều lệ này.

Mục 3 HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 44. Hội đồng Quản trị

1. HĐQT là cơ quan quản lý VIETNAM AIRLINES, có toàn quyền nhân danh VIETNAM AIRLINES để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của VIETNAM AIRLINES không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng Cổ đông.
2. HĐQT phải có tối thiểu là 05 (năm) thành viên và không quá 09 (chín) thành viên, số lượng thành viên HĐQT cụ thể sẽ do Đại hội đồng Cổ đông quyết định phù hợp với yêu cầu hoạt động trong từng thời kỳ. Cơ cấu thành viên HĐQT cần bảo đảm sự cân đối giữa các thành viên có kiến thức và kinh nghiệm về Pháp luật, tài chính và lĩnh vực hoạt động kinh doanh của VIETNAM AIRLINES, trong đó có các thành viên HĐQT chuyên trách và các thành viên HĐQT kiêm nhiệm. Đồng thời, cơ cấu thành viên HĐQT cần đảm bảo sự cân đối giữa các thành viên điều hành với các thành viên không điều hành và thành viên độc lập. Tổng số thành viên HĐQT không điều hành và/hoặc thành viên HĐQT độc lập chiếm ít nhất một phần ba (1/3) tổng số thành viên HĐQT. Số lượng tối thiểu thành viên HĐQT không điều hành và/hoặc thành viên HĐQT độc lập được xác định theo phương thức làm tròn xuống.
3. Nhiệm kỳ của HĐQT là 05 (năm) năm. Nhiệm kỳ của thành viên HĐQT theo nhiệm kỳ của HĐQT và có thể được bầu lại với số lần không hạn chế. Thành viên HĐQT có thể bị miễn nhiệm, bãi nhiệm hoặc được Đại hội đồng Cổ đông bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên bị bãi nhiệm, miễn nhiệm trong thời hạn nhiệm kỳ, khi đó nhiệm kỳ của thành viên mới là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ HĐQT.
4. Nguyên tắc đề cử người vào HĐQT được thực hiện như sau: Các cổ đông nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất 06 (sáu) tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng cử viên HĐQT. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ:

- a) Từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử 01 (một) ứng cử viên;
 - b) Từ 10% đến dưới 30% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa 02 (hai) ứng cử viên;
 - c) Từ 30% đến dưới 40% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa 03 (ba) ứng cử viên;
 - d) Từ 40% đến dưới 50% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa 04 (bốn) ứng cử viên;
 - e) Từ 50% đến dưới 60% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa 05 (năm) ứng cử viên;
 - f) Từ 60% đến dưới 70% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa 06 (sáu) ứng cử viên;
 - g) Từ 70% đến dưới 80% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa 07 (bảy) ứng cử viên; và
 - h) Từ 80% đến dưới 90% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa 08 (tám) ứng cử viên.
5. Trường hợp số lượng các ứng cử viên HĐQT thông qua đề cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, HĐQT đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế được quy định tại Quy định nội bộ về quản trị VIETNAM AIRLINES. Cơ chế đề cử hay cách thức HĐQT đương nhiệm đề cử ứng cử viên HĐQT phải được công bố rộng rãi và phải được Đại hội đồng Cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.
6. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong các trường hợp sau:
- a) Thành viên đó không đủ tư cách làm thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp hoặc bị luật pháp cấm không được làm thành viên Hội đồng quản trị;
 - b) Thành viên đó gửi đơn bằng văn bản xin từ chức đến trụ sở chính của Công ty;
 - c) Thành viên đó bị rối loạn tâm thần và thành viên khác của Hội đồng quản trị có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi;
 - d) Thành viên đó không tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị liên tục trong vòng sáu (06) tháng mà không có sự chấp thuận của Hội đồng quản trị và Hội đồng quản trị quyết định chức vụ của người này bị bỏ trống;
 - e) Thành viên đó bị bãi nhiệm theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.
 - f) Các trường hợp khác theo Quy chế tổ chức và hoạt động của HĐQT do HĐQT ban hành.
7. Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm người khác tạm thời làm thành viên HĐQT để thay thế chỗ trống phát sinh và thành viên mới này phải được chấp thuận tại ĐHĐCĐ ngay tiếp sau đó. Sau khi được ĐHĐCĐ chấp thuận, việc bổ nhiệm thành viên mới đó được coi là có hiệu lực vào ngày được Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Nhiệm kỳ của thành viên HĐQT mới được tính từ ngày việc bổ nhiệm có hiệu lực đến ngày kết thúc nhiệm kỳ của HĐQT. Trong trường hợp thành viên mới không được ĐHĐCĐ chấp thuận, mọi quyết định của HĐQT cho đến

trước thời điểm diễn ra ĐHĐCĐ có sự tham gia biểu quyết của thành viên HĐQT thay thế vẫn được coi là có hiệu lực.

8. Việc bổ nhiệm các thành viên HĐQT phải được công bố thông tin theo các quy định của Pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.
9. Thành viên HĐQT có thể không phải là người nắm giữ cổ phần của Công ty.
10. Trường hợp cổ đông nước ngoài bao gồm cả cổ đông chiến lược nước ngoài, nhà đầu tư tài chính, người Việt Nam định cư ở nước ngoài cử đại diện tham gia HĐQT phải có thêm các điều kiện sau:
 - a) Tỷ lệ số người tham gia thành viên HĐQT chỉ được tương ứng với tỷ lệ vốn góp của tất cả các cổ đông nước ngoài tại VIETNAM AIRLINES;
 - b) Không làm thành viên HĐQT trong quá 02 (hai) doanh nghiệp tại Việt Nam; và
 - c) Không được giữ chức Chủ tịch HĐQT của VIETNAM AIRLINES.

Điều 45. Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng Quản trị

1. Hoạt động kinh doanh và các công việc của VIETNAM AIRLINES phải chịu sự giám sát và chỉ đạo của HĐQT. HĐQT là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện tất cả các quyền nhân danh VIETNAM AIRLINES trừ những thẩm quyền thuộc về ĐHĐCĐ.
2. HĐQT có trách nhiệm giám sát Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý khác.
3. HĐQT sử dụng văn phòng, các ban chuyên môn, nghiệp vụ và các cơ quan tương đương của VIETNAM AIRLINES để giúp việc cho HĐQT thực hiện quyền hạn và nhiệm vụ của HĐQT.
4. Quyền và nghĩa vụ của HĐQT do luật pháp, Điều lệ VIETNAM AIRLINES và quyết định của ĐHĐCĐ quy định. Cụ thể, HĐQT có những quyền hạn và nhiệm vụ sau:
 - a) Bầu, bổ nhiệm, miễn nhiệm Chủ tịch HĐQT;
 - b) Quyết định kế hoạch sản xuất kinh doanh, kế hoạch đầu tư phát triển hàng năm, kế hoạch dài hạn và ngân sách hàng năm của VIETNAM AIRLINES;
 - c) Xác định các mục tiêu hoạt động trên cơ sở các mục tiêu chiến lược được ĐHĐCĐ thông qua;
 - d) Quyết định cơ cấu tổ chức của VIETNAM AIRLINES; Quyết định ban hành quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị và các quy chế quản lý nội bộ của VIETNAM AIRLINES phù hợp với Điều lệ này và quy định Pháp luật;
 - e) Quyết định thành lập, tổ chức lại, giải thể Đơn vị trực thuộc; văn phòng, các ban chuyên môn nghiệp vụ của VIETNAM AIRLINES và các Ủy ban thuộc HĐQT;
 - f) Quyết định thành lập, tổ chức lại, chuyển đổi sở hữu, giải thể, phá sản công ty con do VIETNAM AIRLINES sở hữu 100% vốn sau khi đã được ĐHĐCĐ phê duyệt chủ trương; Quyết định các trường hợp đầu tư vốn ra ngoài doanh nghiệp;
 - g) Quyết định ban hành, bổ sung, sửa đổi điều lệ công ty con do VIETNAM AIRLINES sở hữu 100% vốn; quy chế tổ chức và hoạt động của Đơn vị trực thuộc, văn phòng, các ban chuyên môn, nghiệp vụ và các Ủy ban thuộc HĐQT.

h) Quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm, ký, chấm dứt Hợp đồng lao động với Tổng giám đốc;

i) Quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng; Thư ký VIETNAM AIRLINES; Chủ tịch, Phó chủ tịch các Ủy ban thuộc HĐQT; cấp Trưởng Đơn vị trực thuộc; cấp Trưởng các văn phòng, ban chuyên môn, nghiệp vụ và tương đương của VIETNAM AIRLINES; quyết định mức lương, thưởng và lợi ích của họ;

j) Quyết định bổ nhiệm Chủ tịch, Thành viên Hội đồng thành viên, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc công ty con 100% vốn đầu tư của VIETNAM AIRLINES;

k) Báo cáo ĐHCĐ việc HĐQT bổ nhiệm Tổng giám đốc;

l) Quyết định cử người đại diện phần vốn góp, cử người của VIETNAM AIRLINES tham gia Ban Kiểm soát tại doanh nghiệp khác; giao nhiệm vụ và quyết định tiền lương, thưởng và lợi ích khác của những người này.

m) Giải quyết các khiếu nại của VIETNAM AIRLINES đối với cán bộ quản lý cũng như quyết định lựa chọn đại diện của VIETNAM AIRLINES để giải quyết các vấn đề liên quan tới các thủ tục pháp lý đối với cán bộ quản lý đó;

n) Đề xuất các loại cổ phiếu có thể phát hành và tổng số cổ phiếu phát hành theo từng loại;

o) Đề xuất việc phát hành trái phiếu chuyển đổi và các chứng quyền cho phép người sở hữu mua cổ phiếu theo mức giá định trước;

p) Quyết định giá chào bán trái phiếu, cổ phiếu và các chứng khoán chuyển đổi trong trường hợp được ĐHCĐ uỷ quyền;

q) Đề xuất mức cổ tức hàng năm và xác định mức cổ tức tạm ứng; tổ chức việc chi trả cổ tức;

r) Đề xuất việc tổ chức lại hoặc giải thể VIETNAM AIRLINES;

5. Những vấn đề sau đây phải được HĐQT phê chuẩn:

a) Trong phạm vi quy định tại Khoản 2 Điều 108 Luật Doanh nghiệp và trừ trường hợp quy định tại Khoản 3 Điều 120 Luật Doanh nghiệp phải do ĐHCĐ phê chuẩn, HĐQT tùy từng thời điểm quyết định việc thực hiện, sửa đổi và huỷ bỏ các hợp đồng lớn của VIETNAM AIRLINES (bao gồm các hợp đồng mua, bán, sáp nhập, thuê mua công ty và liên doanh);

b) Chỉ định và bãi nhiệm những người được VIETNAM AIRLINES uỷ nhiệm là đại diện thương mại và luật sư của VIETNAM AIRLINES;

c) Quyết định các hợp đồng vay vốn của VIETNAM AIRLINES có giá trị bằng hoặc lớn hơn 50% vốn điều lệ của VIETNAM AIRLINES sau khi ĐHCĐ phê duyệt chủ trương; Quyết định các hợp đồng vay vốn của VIETNAM AIRLINES có giá trị nhỏ hơn 50% vốn điều lệ của VIETNAM AIRLINES; Phê duyệt tổng hạn mức tín dụng cả năm đối với các tổ chức tín dụng có áp dụng hạn mức tín dụng cả năm; Phê duyệt bảo lãnh cho từng khoản vay vốn của các công ty con theo tỷ lệ vốn góp của VIETNAM AIRLINES trong vốn điều lệ của các công ty con và tổng giá trị khoản bảo lãnh không vượt quá số vốn góp thực tế của VIETNAM AIRLINES tại công ty con;

d) Quyết định các khoản đầu tư không thuộc kế hoạch kinh doanh và ngân sách hoặc các khoản đầu tư thuộc kế hoạch kinh doanh và ngân sách có tổng mức đầu tư bằng hoặc nhỏ hơn 10% giá trị kế hoạch và ngân sách kinh doanh hàng năm;

e) Quyết định đầu tư đối với các dự án mua tàu bay, bao gồm cả động cơ dự phòng thuộc dự án tàu bay sau khi được ĐHĐCĐ phê duyệt chủ trương; Quyết định đầu tư, mua tài sản (trừ tàu bay) có giá trị nhỏ hơn 20% tổng giá trị tài sản của VIETNAM AIRLINES được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất được kiểm toán;

f) Quyết định phương án thanh lý, nhượng bán tàu bay chưa khấu hao hết sau khi ĐHĐCĐ phê duyệt chủ trương; Quyết định phương án thanh lý, nhượng bán tài sản cố định khác có tổng giá trị còn lại bằng hoặc lớn hơn 20% tổng giá trị tài sản của VIETNAM AIRLINES được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất được kiểm toán sau khi đã được ĐHĐCĐ phê duyệt chủ trương; Quyết định phương án thanh lý, nhượng bán tàu bay đã khấu hao hết; Quyết định phương án thanh lý, nhượng bán tài sản cố định khác có tổng giá trị còn lại nhỏ hơn 20% tổng giá trị tài sản của VIETNAM AIRLINES được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất được kiểm toán;

g) Việc định giá các tài sản góp vào VIETNAM AIRLINES không phải bằng tiền liên quan đến việc phát hành cổ phiếu hoặc trái phiếu của VIETNAM AIRLINES, bao gồm vàng, quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ và bí quyết công nghệ;

h) Việc VIETNAM AIRLINES mua hoặc thu hồi không quá 10% mỗi loại cổ phần;

i) Quyết định mức giá mua hoặc thu hồi cổ phần của VIETNAM AIRLINES;

j) Các vấn đề kinh doanh hoặc giao dịch mà HĐQT quyết định cần phải có sự chấp thuận trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của mình.

6. HĐQT thông qua quyết định bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản theo nguyên tắc đa số quá bán. Mỗi thành viên HĐQT có một phiếu biểu quyết có giá trị ngang nhau.

7. HĐQT phải báo cáo ĐHĐCĐ về hoạt động của mình, cụ thể là về việc giám sát của HĐQT đối với Tổng giám đốc và những cán bộ quản lý khác trong năm tài chính. Trường hợp HĐQT không trình báo cáo cho ĐHĐCĐ, báo cáo tài chính năm của VIETNAM AIRLINES bị coi là không có giá trị và chưa được HĐQT thông qua.

8. Trừ khi luật pháp và Điều lệ quy định khác, HĐQT có thể uỷ quyền cho nhân viên cấp dưới và các cán bộ quản lý đại diện xử lý công việc thay mặt cho VIETNAM AIRLINES.

9. HĐQT có trách nhiệm tuân thủ đúng các quyết định của ĐHĐCĐ, quy định của Điều lệ này và của Pháp luật. Trong trường hợp quyết định do HĐQT thông qua trái với quy định của Điều lệ VIETNAM AIRLINES và/hoặc Pháp luật gây thiệt hại cho VIETNAM AIRLINES thì các thành viên chấp nhận thông qua quyết định đó cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về quyết định đó và phải đền bù thiệt hại cho VIETNAM AIRLINES; thành viên phản đối thông qua quyết định nói trên được miễn trừ trách nhiệm. Trong trường hợp này, cổ đông sở hữu cổ phần của VIETNAM AIRLINES liên tục trong thời hạn ít nhất 01 (một) năm có quyền yêu cầu HĐQT đình chỉ thực hiện quyết định nói trên.

10. Thành viên HĐQT có quyền yêu cầu Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, người giữ chức vụ quản lý trong VIETNAM AIRLINES, người giữ chức vụ quản lý trong các công ty con do VIETNAM AIRLINES nắm giữ 100% vốn điều lệ, Người đại diện phần vốn của VIETNAM

AIRLINES cung cấp thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động của đơn vị theo quy chế quản lý nội bộ do HĐQT ban hành. Người được yêu cầu cung cấp thông tin, tài liệu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác các thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên HĐQT, trừ trường hợp HĐQT có quyết định khác.

Điều 46. Chủ tịch Hội đồng Quản trị

1. HĐQT bầu ra một Chủ tịch trong số các thành viên HĐQT theo nguyên tắc đa số quá bán. Chủ tịch HĐQT phải thường trú tại Việt Nam trong suốt nhiệm kỳ của mình.
2. Chủ tịch HĐQT phải là công dân Việt Nam, thành viên HĐQT không điều hành và không đồng thời là thành viên Ban Kiểm soát của VIETNAM AIRLINES. Chủ tịch HĐQT phải có kinh nghiệm ít nhất 03 năm làm công tác quản lý, điều hành doanh nghiệp thuộc ngành, nghề kinh doanh chính của VIETNAM AIRLINES.
3. Chủ tịch HĐQT có các quyền hạn và nhiệm vụ sau đây:
 - a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của HĐQT;
 - b) Thay mặt HĐQT triệu tập và Chủ tọa các cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông;
 - c) Chuẩn bị hoặc tổ chức chuẩn bị nội dung, tài liệu, chương trình phục vụ cuộc họp HĐQT hoặc lấy ý kiến của các thành viên HĐQT; triệu tập và chủ tọa các cuộc họp HĐQT;
 - d) Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của HĐQT;
 - e) Thay mặt HĐQT ký các quyết định, nghị quyết của HĐQT; tổ chức thực hiện và giám sát hoặc tổ chức giám sát việc thực hiện các quyết định, nghị quyết đó; ký các văn bản khác để xử lý công việc thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của HĐQT;
 - f) Đảm bảo các thành viên HĐQT nhận được thông tin đầy đủ, khách quan, chính xác và đủ thời gian thảo luận các vấn đề mà HĐQT phải xem xét;
 - g) Chuẩn bị kế hoạch làm việc và phân công nhiệm vụ của các thành viên HĐQT. Nội dung phân công nhiệm vụ cụ thể của từng thành viên phải được thể hiện dưới dạng văn bản và có chữ ký của Chủ tịch HĐQT;
 - h) Phân công nhiệm vụ cho các thành viên HĐQT;
 - i) Giám sát các thành viên HĐQT trong việc thực hiện các công việc được phân công và các nhiệm vụ, quyền hạn của họ;
 - j) Đánh giá hiệu quả làm việc của từng thành viên HĐQT, các Ủy ban của HĐQT tối thiểu mỗi năm 01 (một) lần; báo cáo với ĐHĐCĐ về kết quả đánh giá này;
 - k) Đảm bảo việc HĐQT gửi báo cáo tài chính hàng năm, báo cáo hoạt động của VIETNAM AIRLINES, báo cáo kiểm toán và báo cáo kiểm tra của HĐQT cho các Cổ đông tại cuộc họp ĐHĐCĐ;
 - l) Đảm bảo rằng người lao động có thể được báo cáo về những bất bình thường liên quan đến tình hình tài chính, hoạt động và các vấn đề chung, kể cả các vi phạm về quy tắc đạo đức của VIETNAM AIRLINES, với Chủ tịch HĐQT và thành viên độc lập của HĐQT;
 - m) Ủy quyền, phân công cho một trong số thành viên HĐQT đảm nhiệm công việc của mình trong thời gian vắng mặt;
 - n) Trình HĐQT quyết định thành lập, tổ chức lại, giải thể các Ủy ban thuộc HĐQT;

- o) Trình HĐQT quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm, ký, chấm dứt hợp đồng lao động với Chủ tịch, Phó chủ tịch các Ủy ban thuộc HĐQT; và
- p) Thực hiện các quyền hạn và nhiệm vụ khác theo quy định của Pháp luật và Điều lệ này.

Điều 47. Tiền lương, thù lao, và lợi ích khác của thành viên Hội đồng Quản trị

1. VIETNAM AIRLINES trả tiền lương, thù lao và lợi ích khác cho thành viên HĐQT theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.
2. Thành viên HĐQT (không tính các đại diện được ủy quyền thay thế) được nhận tiền lương, thù lao cho công việc của mình dưới tư cách là thành viên HĐQT. Tổng mức tiền lương, thù lao cho HĐQT do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Khoản tiền lương, thù lao này được chia cho các thành viên HĐQT theo thoả thuận trong HĐQT hoặc chia đều trong trường hợp không thoả thuận được.
3. Thành viên HĐQT chuyên trách trong ban quản lý, điều hành tại doanh nghiệp được hưởng tiền lương, phụ cấp trách nhiệm (nếu có). Thành viên HĐQT kiêm nhiệm không tham gia ban quản lý, điều hành tại doanh nghiệp được hưởng thù lao, phụ cấp trách nhiệm (nếu có). Khi thành viên HĐQT thực hiện những công việc khác mà theo HĐQT là nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên HĐQT (chuyên trách hoặc kiêm nhiệm), có thể được trả thêm tiền thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của HĐQT.
4. Tiền lương, thù lao của thành viên HĐQT được tính vào chi phí kinh doanh của VIETNAM AIRLINES theo quy định của Pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, các quy định khác có liên quan của Pháp luật và tổng số tiền trả cho từng thành viên HĐQT bao gồm tiền lương, thù lao, chi phí, hoa hồng, quyền mua cổ phần và các lợi ích khác được hưởng từ VIETNAM AIRLINES, công ty con, công ty liên kết của VIETNAM AIRLINES và các công ty khác mà thành viên HĐQT là đại diện phần vốn góp phải ghi thành mục riêng trong báo cáo tài chính hàng năm của VIETNAM AIRLINES, phải báo cáo Đại hội đồng Cổ đông tại các cuộc họp thường niên.
5. Các thành viên của HĐQT được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác theo quy định khi thực hiện nhiệm vụ được giao bao gồm các khoản chi phí phát sinh trong việc tham gia các cuộc họp của HĐQT, hoặc các Ủy ban của HĐQT. Chi phí hoạt động của HĐQT được tính vào chi phí kinh doanh của VIETNAM AIRLINES.

Điều 48. Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Hội đồng Quản trị

1. Thành viên HĐQT phải đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện sau:
 - a) Là cá nhân sở hữu hoặc người được ủy quyền đại diện sở hữu ít nhất 5% tổng số cổ phần phổ thông hoặc người khác tốt nghiệp đại học trở lên, có năng lực kinh doanh và kinh nghiệm quản lý doanh nghiệp hoặc trong các ngành nghề kinh doanh chủ yếu của VIETNAM AIRLINES;
 - b) Có sức khỏe, phẩm chất đạo đức tốt, trung thực, liêm khiết, hiểu biết Pháp luật và có ý thức chấp hành Pháp luật;
 - c) Có đủ năng lực hành vi dân sự, không thuộc đối tượng bị cấm đảm nhiệm chức vụ quản lý điều hành doanh nghiệp theo quy định của Pháp luật;

- d) Các tiêu chuẩn khác theo quy định của Pháp luật.
- 2. Thành viên HĐQT của VIETNAM AIRLINES không được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của trên năm (05) công ty khác, trừ trường hợp là thành viên Hội đồng quản trị của các công ty con, công ty liên kết của VIETNAM AIRLINES.

Điều 49. Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị tại Đại hội đồng cổ đông thường niên

Báo cáo hoạt động của HĐQT trình Đại hội đồng cổ đông thường niên tối thiểu phải bao gồm các nội dung sau:

- 1. Đánh giá tình hình hoạt động của VIETNAM AIRLINES trong năm tài chính;
- 2. Hoạt động, thù lao và chi phí hoạt động của HĐQT và từng thành viên HĐQT;
- 3. Tổng kết các cuộc họp của HĐQT và các nghị quyết, quyết định của HĐQT;
- 4. Kết quả giám sát đối với Tổng Giám đốc;
- 5. Kết quả giám sát đối với cán bộ quản lý khác;
- 6. Các kế hoạch trong tương lai.

Điều 50. Hợp Hội đồng Quản trị

- 1. Cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ HĐQT để bầu Chủ tịch HĐQT và ra các quyết định khác thuộc thẩm quyền phải được tổ chức trong vòng 07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử HĐQT nhiệm kỳ đó. Thành viên HĐQT có số phiếu bầu cao nhất sẽ phải triệu tập cuộc họp HĐQT đầu tiên. Trường hợp có nhiều hơn 01 (một) thành viên có số phiếu bầu cao nhất ngang nhau thì các thành viên này bầu một người trong số họ triệu tập họp HĐQT theo nguyên tắc đa số.
- 2. HĐQT họp định kỳ ít nhất mỗi quý 01 (một) lần và có thể được triệu tập họp bất thường để kịp thời giải quyết những công việc đột xuất do Chủ tịch HĐQT hoặc người tạm thời giữ chức Chủ tịch HĐQT triệu tập khi thấy cần thiết vì lợi ích của VIETNAM AIRLINES.
- 3. Trong trường hợp cần thiết, Chủ tịch HĐQT phải triệu tập cuộc họp bất thường theo đề nghị của một trong các đối tượng sau:
 - a) Tổng Giám đốc hoặc Ban Kiểm soát;
 - b) Ít nhất 02 (hai) thành viên HĐQT;
 - c) Ít nhất 05 (năm) người quản lý của VIETNAM AIRLINES; hoặc
 - d) Các trường hợp khác do HĐQT quyết định tại Quy chế tổ chức và hoạt động của HĐQT.

Đề nghị triệu tập cuộc họp bất thường phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của HĐQT. Người có thẩm quyền triệu tập họp HĐQT có quyền từ chối đề nghị nêu trên nếu vấn đề cần thảo luận và quyết định không thuộc thẩm quyền của HĐQT nhưng phải thông báo cho người đề nghị và các thành viên HĐQT.

- 4. Chủ tịch HĐQT hoặc người tạm thời giữ chức vụ Chủ tịch HĐQT triệu tập họp trong vòng 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được đề nghị triệu tập nêu tại khoản 3 Điều này. Trường hợp Chủ tịch HĐQT không chấp nhận triệu tập cuộc họp, người đề nghị nêu tại khoản 3 Điều này có thể thay thế triệu tập họp HĐQT, các thành viên HĐQT dự họp bỏ

phiếu bầu Chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trong trường hợp này, Chủ tịch HĐQT hoặc người tạm thời giữ chức Chủ tịch HĐQT phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với VIETNAM AIRLINES, trừ trường hợp không thể triệu tập được vì lý do bất khả kháng.

5. Trường hợp có yêu cầu của kiểm toán viên độc lập, Chủ tịch HĐQT phải triệu tập họp HĐQT để bàn về báo cáo kiểm toán và tình hình VIETNAM AIRLINES.
6. Chủ tịch HĐQT hoặc người triệu tập họp HĐQT gửi thông báo mời họp ít nhất 05 (năm) ngày trước ngày họp, các thành viên HĐQT có thể khước từ quyền nhận thông báo mời họp bằng văn bản và việc khước từ này có thể có hiệu lực hồi tố. Thông báo mời họp làm bằng văn bản và bằng tiếng Việt, trong đó nêu rõ chương trình, thời gian và địa điểm họp, các vấn đề thảo luận và quyết định. Kèm theo thông báo mời họp là các tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên HĐQT. Thông báo mời họp gửi bằng bưu điện, fax, thư điện tử hoặc phương thức khác và phải bảo đảm đến được địa chỉ của từng thành viên HĐQT được đăng ký tại VIETNAM AIRLINES. Thông báo mời họp và tài liệu họp không kèm theo phiếu biểu quyết cũng phải đảm bảo gửi đến các thành viên Ban Kiểm soát và Tổng Giám đốc.
7. Các cuộc họp của HĐQT tiến hành tại trụ sở VIETNAM AIRLINES hoặc những địa điểm khác thuận tiện trên lãnh thổ Việt Nam hoặc tại địa điểm khác theo sự nhất trí của các thành viên HĐQT.
8. Cuộc họp HĐQT lần thứ nhất được tiến hành khi có ít nhất 3/4 (ba phần tư) tổng số thành viên HĐQT có mặt trực tiếp tham dự hoặc qua người đại diện thay thế là một trong các thành viên HĐQT được ủy quyền nếu được đa số thành viên HĐQT chấp thuận.

Trường hợp triệu tập họp HĐQT định kỳ lần thứ nhất nhưng không đủ số thành viên tham dự theo quy định, Chủ tịch HĐQT phải triệu tập tiếp cuộc họp HĐQT lần hai trong thời gian không quá 15 (mười lăm) ngày tiếp theo. Trong trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn ½ (một phần hai) số thành viên HĐQT dự họp.

9. Thành viên HĐQT phải tham dự đầy đủ các cuộc họp của HĐQT. Khi không trực tiếp dự họp, thành viên HĐQT được ủy quyền biểu quyết cho thành viên HĐQT khác hoặc gửi ý kiến biểu quyết bằng văn bản. Thành viên Ban Kiểm soát hoặc Tổng Giám đốc không phải là thành viên HĐQT có quyền dự các cuộc họp HĐQT, có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.
10. Cuộc họp HĐQT có thể tổ chức theo hình thức họp bằng điện thoại hội đàm trực tuyến (video, tele-conference) giữa các thành viên HĐQT khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia đều có thể:
 - a) Nghe từng thành viên HĐQT khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp; và
 - b) Nếu muốn, thành viên đó có thể phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời.

Việc trao đổi giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác hoặc là kết hợp tất cả các phương thức này. Thành viên HĐQT tham gia cuộc họp như vậy được coi là “có mặt” tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp trong trường hợp này là địa điểm nơi nhóm thành viên HĐQT đông nhất tập họp lại, hoặc nếu không có một nhóm như vậy, là địa điểm Chủ tọa cuộc họp hiện diện.

Điều 51. Thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng Quản trị

1. HĐQT thông qua nghị quyết, quyết định bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản, thư điện tử hoặc fax.
2. Quyền biểu quyết của thành viên HĐQT tại cuộc họp:
 - a) Trừ quy định tại Điểm b) Khoản 2 Điều này, mỗi thành viên HĐQT tham dự cuộc họp HĐQT sẽ có một phiếu biểu quyết tại cuộc họp HĐQT. Nếu thành viên HĐQT không thể tham dự cuộc họp thì có thể ủy quyền biểu quyết của mình bằng văn bản cho một thành viên HĐQT khác (là đối tượng được phép tham gia biểu quyết) thực hiện biểu quyết thay.
 - b) Thành viên HĐQT không được biểu quyết về các hợp đồng, giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc Người có liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của VIETNAM AIRLINES và sự có mặt của thành viên đó không được tính vào số lượng đại biểu yêu cầu có mặt tại cuộc họp, đồng thời cũng không được nhận ủy quyền của thành viên HĐQT khác để tham gia biểu quyết vấn đề đó.
 - c) Nếu có nghi ngờ nào nảy sinh tại một cuộc họp liên quan đến quyền lợi của thành viên HĐQT hoặc liên quan đến quyền được biểu quyết của thành viên HĐQT và những nghi ngờ đó không được thành viên HĐQT đó tự nguyện giải quyết bằng cách chấp thuận từ bỏ quyền biểu quyết, thì nghi ngờ đó sẽ được chuyển tới Chủ tọa của cuộc họp quyết định.

Phán quyết của Chủ tọa sẽ có giá trị cuối cùng và có tính kết luận trừ trường hợp khi bản chất hoặc mức độ quyền lợi, của thành viên HĐQT có liên quan đó chưa được công bố đầy đủ.
 - d) Bất kỳ thành viên HĐQT nào hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại Điều 77 của Điều lệ này sẽ được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó.
 - e) Thành viên HĐQT trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến ký kết với VIETNAM AIRLINES và biết bản thân là người có lợi ích trong đó có trách nhiệm công khai bản chất, nội dung của quyền lợi đó trong cuộc họp mà HĐQT lần đầu tiên xem xét vấn đề ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này. Trường hợp một thành viên HĐQT không biết bản thân và người liên quan có lợi ích vào thời điểm hợp đồng, giao dịch được ký với VIETNAM AIRLINES, thành viên HĐQT này phải công khai các lợi ích liên quan tại cuộc họp đầu tiên của HĐQT được tổ chức sau khi thành viên này biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng liên quan.
3. Thông qua nghị quyết, quyết định của HĐQT tại cuộc họp:
 - a) Nghị quyết, quyết định của HĐQT được thông qua nếu được đa số thành viên HĐQT (trên 50%) có quyền tham gia biểu quyết dự họp chấp thuận bao gồm cả phiếu biểu quyết bằng văn bản và biểu quyết theo ủy quyền. Trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch HĐQT hoặc thành viên HĐQT được Chủ tịch HĐQT ủy quyền chủ tọa cuộc họp (trường hợp Chủ tịch HĐQT vắng mặt);
 - b) Thành viên không trực tiếp dự họp có quyền biểu quyết thông qua bỏ phiếu bằng văn bản. Phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến Chủ tịch HĐQT chậm nhất một giờ trước giờ khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp. Phiếu biểu quyết hợp lệ bằng văn bản có giá trị ngang bằng với phiếu biểu quyết của những người trực tiếp dự họp;

- c) Các nghị quyết, quyết định được thông qua trong một cuộc họp qua điện thoại hoặc các phương tiện thông tin liên lạc được tổ chức và tiến hành một cách hợp lệ theo quy định tại Khoản 10 Điều 50 Điều lệ này sẽ có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản của tất cả thành viên HĐQT tham dự cuộc họp này.
4. Trường hợp HĐQT lấy ý kiến bằng văn bản để thông qua quyết định về một vấn đề thì quyết định được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành bằng văn bản của đa số thành viên HĐQT có quyền tham gia biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được các thành viên HĐQT thông qua tại một cuộc họp được triệu tập và tổ chức theo thông lệ. Nghị quyết cũng có thể được thông qua bằng cách sử dụng nhiều bản sao của cùng một văn bản nếu mỗi bản sao đó có ít nhất một chữ ký của thành viên HĐQT. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến thành viên HĐQT bằng văn bản được thực hiện theo quy định của Luật Doanh nghiệp và cụ thể hóa tại Quy chế tổ chức và hoạt động của HĐQT VIETNAM AIRLINES.

Điều 52. Biên bản họp Hội đồng Quản trị

1. Các cuộc họp của HĐQT phải được ghi vào Sổ biên bản và/hoặc ghi âm, ghi hình (nếu cần thiết). Trong trường hợp ghi biên bản thì biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể bằng tiếng Anh (nếu có thành viên HĐQT là người nước ngoài), và bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của VIETNAM AIRLINES, nơi đăng ký kinh doanh;
 - b) Mục đích, chương trình và nội dung họp;
 - c) Thời gian, hình thức và/hoặc địa điểm họp;
 - d) Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do; thành viên biểu quyết bằng văn bản;
 - e) Các vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;
 - f) Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;
 - g) Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
 - h) Các nghị quyết, quyết định được thông qua; và
 - i) Họ, tên, chữ ký của tất cả thành viên hoặc đại diện theo ủy quyền dự họp. Trường hợp thành viên không ký vào biên bản thì phải ghi rõ lý do không ký biên bản; nếu không ghi rõ lý do thì biểu quyết của thành viên đó với những nội dung tại cuộc họp không có giá trị. Biên bản có thể được lập thành nhiều bản và mỗi biên bản có chữ ký của ít nhất 01 (một) thành viên HĐQT tham gia cuộc họp.
2. Chủ tọa và Thư ký phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp HĐQT.

Chủ tịch HĐQT có trách nhiệm chuyển biên bản cuộc họp của HĐQT cho các thành viên HĐQT và những biên bản đó sẽ được coi là những bằng chứng mang tính xác thực và kết luận về công việc tiến hành tại các cuộc họp đó, trừ trường hợp có những khiếu nại, phản đối liên quan đến nội dung của biên bản đó trong thời hạn 10 (mười) ngày kể từ ngày gửi biên bản.

3. Biên bản họp HĐQT và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của VIETNAM AIRLINES.
4. Biên bản lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh có giá trị pháp lý ngang nhau. Trường hợp hai biên bản này có sự khác biệt về nội dung thì biên bản lập bằng tiếng Việt được dùng làm cơ sở áp dụng.

Điều 53. Đương nhiên mất tư cách, miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế thành viên Hội đồng Quản trị

1. Thành viên HĐQT sẽ đương nhiên mất tư cách thành viên HĐQT khi xảy ra một trong các trường hợp sau:
 - a) Mất năng lực hành vi dân sự;
 - b) Chết, mất tích;
 - c) Vi phạm quy định của Pháp luật về những trường hợp không được đảm nhiệm chức vụ;
 - d) Tư cách pháp nhân của Cổ đông là tổ chức mà thành viên HĐQT đó là người đại diện theo ủy quyền chấm dứt;
 - e) Bị Tòa án quyết định trục xuất khỏi lãnh thổ Việt Nam;
 - f) VIETNAM AIRLINES bị thu hồi giấy phép thành lập và hoạt động.
2. Thành viên HĐQT bị bãi nhiệm, miễn nhiệm khi xảy ra một trong các trường hợp sau:
 - a) Không bảo đảm tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 48 Điều lệ này;
 - b) Vi phạm quy định của Pháp luật đến mức bị truy tố;
 - c) Có đơn xin từ chức (trong đó nêu rõ lý do xin từ chức) gửi HĐQT VIETNAM AIRLINES;
 - d) Không tham gia các hoạt động của HĐQT trong 06 (sáu) tháng liên tục mà không có sự chấp thuận của HĐQT, trừ trường hợp bất khả kháng;
 - e) Không đảm bảo yêu cầu về tính độc lập đối với thành viên HĐQT độc lập;
 - f) Bị cơ quan Nhà nước xác định là vi phạm nghiêm trọng các quy định về công khai các lợi ích có liên quan và nghĩa vụ của thành viên HĐQT;
 - g) Theo quyết định của Đại hội đồng Cổ đông; và
 - h) Các trường hợp khác theo quy định tại Điều lệ này và quy định của Pháp luật.
3. Thành viên Hội đồng quản trị được thay thế trong những trường hợp sau:
 - a) Khi đương nhiên mất tư cách, bị miễn nhiệm, bãi nhiệm theo quy định tại Khoản 1, 2 Điều này.
 - b) Không đủ năng lực đảm nhận công việc được giao, bị mất hoặc bị hạn chế năng lực hành vi dân sự.
 - c) Tự nguyện xin từ chức và được cơ quan có thẩm quyền chấp thuận.
 - d) Khi có quyết định nghỉ chế độ hoặc chủ sở hữu điều chuyển, phân công công việc khác.

4. Sau khi đương nhiên bị mất tư cách theo khoản 1 Điều này và sau khi bị miễn nhiệm, bãi nhiệm theo Khoản 2 Điều này, thành viên HĐQT vẫn phải chịu trách nhiệm cá nhân đối với các quyết định của mình trong thời gian đương nhiệm.
5. Trường hợp bị giảm quá 1/3 (một phần ba) so với tổng số thành viên HĐQT do Đại hội đồng Cổ đông quyết định hoặc không đủ số thành viên HĐQT tối thiểu theo quy định của Điều lệ này, thì trong thời hạn không quá 60 (sáu mươi) ngày kể từ ngày bị giảm quá 1/3 (một phần ba) và/hoặc không đủ số lượng thành viên HĐQT theo quy định, HĐQT phải triệu tập Đại hội đồng Cổ đông để bầu bổ sung thành viên HĐQT.

Điều 54. Các Ủy ban giúp việc của Hội đồng Quản trị

1. HĐQT có thể thành lập và ủy quyền cho các Ủy ban trực thuộc, giúp việc cho HĐQT, bao gồm:
 - a) Ủy ban chiến lược và đầu tư;
 - b) Ủy ban kiểm toán;
 - c) Ủy ban nhân sự và tiền lương; và
 - d) Ủy ban khác theo quyết định của HĐQT.
2. Nhiệm vụ và quyền hạn cụ thể, số lượng, tiêu chuẩn, điều kiện và quyền lợi của các thành viên của các Ủy ban này và cơ chế làm việc của các Ủy ban do HĐQT quyết định phù hợp với quy định của Pháp luật.

Điều 55. Thư ký VIETNAM AIRLINES

Thư ký VIETNAM AIRLINES hoạt động theo quy định pháp luật và quy định tại Điều lệ này.

Điều 56. Sử dụng dịch vụ tư vấn chuyên nghiệp

HĐQT và các Ủy ban của HĐQT có quyền thuê nhân viên và tư vấn độc lập, các kế toán độc lập và các tư vấn bên ngoài để thực hiện các công việc liên quan phù hợp với Điều lệ và quy định của Pháp luật, nếu cần thiết để thực hiện quyền hạn và nhiệm vụ của họ bằng chi phí của VIETNAM AIRLINES mà không cần phải tham khảo trước bất kỳ một Người quản lý nào của VIETNAM AIRLINES.

Mục 4 BAN KIỂM SOÁT

Điều 57. Ban Kiểm soát

1. Ban Kiểm soát là cơ quan do ĐHĐCĐ bầu ra, thay mặt các Cổ đông để kiểm soát, đánh giá một cách độc lập, khách quan và trung thực mọi hoạt động kinh doanh, quản trị và điều hành VIETNAM AIRLINES, thực trạng tài chính của VIETNAM AIRLINES và chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng Cổ đông trong thực hiện nhiệm vụ được giao.

Ban Kiểm soát có từ 03 (ba) đến 05 (năm) thành viên do ĐHĐCĐ bầu, trong đó có hơn ½ (một phần hai) tổng số thành viên thường trú tại Việt Nam. Các thành viên Ban Kiểm soát không phải là người trong bộ phận kế toán, tài chính của VIETNAM AIRLINES và không

phải là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện việc kiểm toán các báo cáo tài chính của VIETNAM AIRLINES. Trong Ban kiểm soát có ít nhất một thành viên là kế toán viên hoặc kiểm toán viên.

2. Cổ đông nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất 06 (sáu) tháng có thể tập hợp phiếu bầu vào với nhau để đề cử các ứng cử viên vào Ban Kiểm soát. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông đại diện/nắm giữ:
 - a) Từ 5% (năm phần trăm) đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử 01 (một) ứng cử viên;
 - b) Từ 10% đến dưới 30% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa 02 (hai) ứng cử viên;
 - c) Từ 30% đến dưới 40% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa 03 (ba) ứng cử viên;
 - d) Từ 40% đến dưới 50% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử 04 (bốn) ứng cử viên;
 - e) Từ 50% đến dưới 60% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử đủ tối đa 05 (năm) ứng cử viên.
3. Trường hợp số lượng các ứng cử viên Ban Kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Ban Kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế được quy định tại Quy định nội bộ về quản trị VIETNAM AIRLINES. Cơ chế Ban Kiểm soát đương nhiệm đề cử ứng cử viên Ban Kiểm soát phải được công bố rõ ràng và phải được ĐHCĐ thông qua trước khi tiến hành đề cử.
4. Ban Kiểm soát bầu một thành viên làm Trưởng Ban Kiểm soát. Trưởng Ban Kiểm soát là người có chuyên môn về kế toán.
5. Nhiệm kỳ của Ban Kiểm soát không quá 05 (năm) năm; các thành viên Ban Kiểm soát có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
6. Nhiệm kỳ của thành viên Ban Kiểm soát theo nhiệm kỳ của Ban Kiểm soát. Nhiệm kỳ của thành viên Ban Kiểm soát được bổ sung hoặc thay thế là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ. Ban Kiểm soát của nhiệm kỳ vừa kết thúc tiếp tục hoạt động cho đến khi Ban Kiểm soát của nhiệm kỳ mới tiếp quản công việc.
7. Thành viên Ban Kiểm soát không được đồng thời là thành viên Hội đồng Quản trị, Người quản lý, nhân viên của công ty con của VIETNAM AIRLINES; hoặc là nhân viên của doanh nghiệp mà thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc của VIETNAM AIRLINES là thành viên hội đồng quản trị, người điều hành hoặc cổ đông lớn của doanh nghiệp đó.
8. Trưởng Ban Kiểm soát không được đồng thời là thành viên Ban Kiểm soát, người quản lý của doanh nghiệp khác.

Điều 58. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Kiểm soát

Ban Kiểm soát có nhiệm vụ và quyền hạn như sau:

1. Giám sát hoạt động, tình hình tài chính công ty và tính hợp pháp trong các hoạt động của thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc, cán bộ quản lý khác, sự phối hợp hoạt động giữa Ban Kiểm soát với HĐQT, Tổng Giám đốc và Cổ đông. Giám sát việc tuân thủ theo quy định của

Pháp luật và Điều lệ VIETNAM AIRLINES, các nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng Cổ đông đối với HĐQT, Tổng Giám đốc và Người quản lý khác trong việc quản lý và điều hành VIETNAM AIRLINES; chịu trách nhiệm trước Pháp luật, Đại hội đồng Cổ đông trong việc thực hiện các nhiệm vụ được giao nhằm bảo vệ quyền lợi hợp pháp của VIETNAM AIRLINES và Cổ đông;

2. Ban hành các quy định nội bộ của Ban Kiểm soát; định kỳ hàng năm xem xét lại quy định nội bộ của Ban Kiểm soát, các chính sách quan trọng về kế toán và báo cáo;
3. Có quyền sử dụng tư vấn độc lập và quyền được tiếp cận, cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời các thông tin, tài liệu liên quan đến hoạt động quản lý, điều hành VIETNAM AIRLINES để thực hiện nhiệm vụ được giao;
4. Thẩm định báo cáo tài chính 06 tháng đầu năm và hằng năm của VIETNAM AIRLINES. Báo cáo Đại hội đồng Cổ đông về kết quả thẩm định báo cáo tài chính, đánh giá tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ can trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; trong tổ chức công tác hạch toán, kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính. Ban Kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của HĐQT trước khi trình báo cáo và kiến nghị lên ĐHĐCĐ;
5. Thẩm định báo cáo đánh giá công tác quản lý của HĐQT và trình báo cáo thẩm định lên Đại hội đồng Cổ đông tại các cuộc họp thường niên;
6. Kiểm tra sổ kế toán và các tài liệu khác và công việc kinh doanh, quản lý, điều hành của VIETNAM AIRLINES bất cứ khi nào nếu xét thấy cần thiết hoặc theo quyết định của Đại hội đồng Cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông lớn hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông của VIETNAM AIRLINES trong thời hạn liên tục ít nhất 06 (sáu) tháng. Trường hợp thực hiện kiểm tra khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% trở lên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của VIETNAM AIRLINES trong thời hạn ít nhất 06 (sáu) tháng, Ban Kiểm soát triển khai thực hiện kiểm tra trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban Kiểm soát phải báo cáo, giải trình về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến HĐQT và các cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu đó. Việc kiểm tra của Ban Kiểm soát không được gây cản trở đến hoạt động bình thường của HĐQT, không gây gián đoạn việc điều hành hoạt động kinh doanh của VIETNAM AIRLINES;
7. Kịp thời thông báo cho HĐQT bằng văn bản khi phát hiện trường hợp vi phạm của thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc hoặc Người quản lý của VIETNAM AIRLINES đối với các nghĩa vụ quy định tại Điều 76 Điều lệ này, các quy định khác của Điều lệ này và quy định của Pháp luật hiện hành có liên quan, đồng thời yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả;
8. Triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông bất thường trong trường hợp HĐQT, thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của người quản lý quy định tại Luật Doanh nghiệp hoặc vượt quá thẩm quyền được giao và các trường hợp khác theo quy định tại Điều lệ này;
9. Có quyền hạn và trách nhiệm trong việc đề xuất Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn lựa chọn tổ chức kiểm toán độc lập, mức phí kiểm toán và mọi vấn đề có liên quan đến thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính; giám sát quá trình thực hiện công việc của kiểm toán độc lập; đánh giá hiệu quả công việc của kiểm toán độc lập; xem xét báo cáo tài chính định kỳ của

VIETNAM AIRLINES do tổ chức kiểm toán độc lập thực hiện; thảo luận về những vấn đề khó khăn và tồn tại phát hiện từ các kết quả kiểm toán giữa kỳ hoặc cuối kỳ cũng như mọi vấn đề mà kiểm toán viên độc lập muốn bàn bạc; xem xét thư quản lý của kiểm toán viên độc lập và ý kiến phản hồi của HĐQT, Tổng Giám đốc.

10. Đề xuất và kiến nghị HĐQT hoặc Đại hội đồng Cổ đông các biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của VIETNAM AIRLINES;
11. Có quyền tiếp cận các hồ sơ, tài liệu của VIETNAM AIRLINES lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh, Đơn vị trực thuộc và các địa điểm khác; có quyền đến các địa điểm nơi Người quản lý và nhân viên của VIETNAM AIRLINES làm việc;
12. Lập, lưu giữ và cập nhật danh sách những Người có liên quan của thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và cổ đông sở hữu tối thiểu 5% số cổ phần có quyền biểu quyết của VIETNAM AIRLINES;
13. Đề nghị HĐQT họp bất thường hoặc đề nghị HĐQT triệu tập Đại hội đồng Cổ đông bất thường theo quy định tại Điều lệ này và quy định của Pháp luật;
14. Được sử dụng hệ thống kiểm tra và kiểm soát nội bộ của VIETNAM AIRLINES để thực hiện các nhiệm vụ của mình;
15. Xem xét những kết quả điều tra nội bộ và ý kiến phản hồi của HĐQT, Tổng Giám đốc; và
16. Các nhiệm vụ và quyền hạn khác theo quy định của Pháp luật và Điều lệ này.

Điều 59. Quyền hạn và nhiệm vụ của Trưởng Ban Kiểm soát

Ngoài các nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại Điều 60 Điều lệ này, Trưởng Ban Kiểm soát có nhiệm vụ và quyền hạn sau:

1. Chuẩn bị chương trình cho các cuộc họp của Ban Kiểm soát trên cơ sở xem xét các vấn đề và mối quan tâm của tất cả thành viên Ban Kiểm soát liên quan đến các vấn đề quy định tại Điều 58 của Điều lệ này;
2. Triệu tập và chủ tọa các cuộc họp của Ban Kiểm soát;
3. Thay mặt Ban Kiểm soát yêu cầu HĐQT họp bất thường khi cần thiết để thực hiện nhiệm vụ của Ban Kiểm soát; thay mặt Ban Kiểm soát triệu tập Đại hội đồng Cổ đông bất thường khi HĐQT có hành vi vi phạm Pháp luật theo quy định của Điều lệ này và Pháp luật;
4. Thay mặt Ban Kiểm soát ký các văn bản thuộc thẩm quyền của Ban Kiểm soát;
5. Chuẩn bị kế hoạch làm việc và phân công nhiệm vụ cụ thể cho các thành viên của Ban Kiểm soát theo Quy định nội bộ của Ban Kiểm soát;
6. Yêu cầu HĐQT, Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban Kiểm soát;
7. Đảm bảo các thành viên Ban Kiểm soát nhận được thông tin đầy đủ, khách quan, chính xác, và dễ hiểu liên quan đến các vấn đề mà Ban Kiểm soát phải xem xét; đảm bảo việc có đủ thời gian trước và trong các cuộc họp của Ban Kiểm soát để thảo luận và cân nhắc các vấn đề phức tạp hoặc gây tranh cãi;
8. Giám sát, chỉ đạo các thành viên Ban Kiểm soát trong việc thực hiện các công việc được phân công và các nhiệm vụ quyền hạn chung của Ban Kiểm soát;

9. Ủy quyền cho một thành viên khác của Ban Kiểm soát thực hiện nhiệm vụ của mình trong thời gian vắng mặt;
10. Tham dự các cuộc họp HĐQT, tham gia ý kiến và đưa ra kiến nghị nhưng không được biểu quyết;
11. Yêu cầu ghi lại ý kiến của mình trong Biên bản cuộc họp HĐQT nếu ý kiến của mình khác với quyết định của HĐQT;
12. Các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của Điều lệ này và của Pháp luật.

Điều 60. Nhiệm vụ, quyền hạn các thành viên Ban Kiểm soát

Thành viên Ban Kiểm soát có nhiệm vụ và quyền hạn như sau:

1. Thực hiện các nhiệm vụ và quyền hạn của thành viên Ban Kiểm soát theo quy định của Pháp luật, Điều lệ VIETNAM AIRLINES, quy định nội bộ của Ban Kiểm soát một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích của VIETNAM AIRLINES, của Cổ đông;
2. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Trưởng Ban Kiểm soát;
3. Yêu cầu Trưởng Ban Kiểm soát triệu tập cuộc họp Ban Kiểm soát bất thường;
4. Kiểm soát các hoạt động kinh doanh, kiểm tra sổ sách kế toán, tài sản, các báo cáo, bản quyết toán năm tài chính và kiến nghị khắc phục các sai phạm (nếu có);
5. Báo cáo Trưởng Ban Kiểm soát về những sự kiện tài chính bất thường, chịu trách nhiệm cá nhân về những đánh giá và kết luận của mình trước Đại hội đồng Cổ đông;
6. Tham dự các cuộc họp HĐQT, phát biểu ý kiến và có những kiến nghị, nhưng không tham gia biểu quyết. Nếu có ý kiến khác với những quyết nghị của HĐQT được quyền đề nghị ghi ý kiến của mình vào biên bản phiên họp và được trực tiếp báo cáo trước Đại hội đồng Cổ đông;
7. Tham dự các cuộc họp của Ban Kiểm soát, tham gia góp ý và biểu quyết về những vấn đề thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Ban Kiểm soát trừ những vấn đề có xung đột lợi ích với thành viên đó. Trong cuộc họp Ban Kiểm soát, thành viên Ban Kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc, thành viên kiểm toán nội bộ (nếu có) và kiểm toán viên độc lập tham dự và trả lời các vấn đề mà thành viên Ban Kiểm soát quan tâm.
8. 2/3 (hai phần ba) số thành viên Ban Kiểm soát trở lên có quyền đề nghị HĐQT họp phiên bất thường và triệu tập Đại hội đồng Cổ đông bất thường trong trường hợp HĐQT có vi phạm nghiêm trọng theo quy định tại Điều lệ này;
9. Chịu trách nhiệm trước Pháp luật, trước cổ đông về việc xác định tính chính xác, trung thực của các số liệu, hồ sơ. Trường hợp che dấu hoặc không kịp thời kiến nghị xử lý đối với những sai phạm sẽ phải chịu trách nhiệm liên đới khi thực hiện nhiệm vụ; và
10. Thực hiện các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của Điều lệ này và của Pháp luật.

Điều 61. Quyền được cung cấp thông tin của Ban Kiểm soát

1. Thông báo mời họp, phiếu lấy ý kiến thành viên HĐQT và các tài liệu kèm theo phải được gửi đến thành viên Ban Kiểm soát vào cùng thời điểm và theo phương thức như cung cấp cho thành viên HĐQT.

2. Báo cáo của Tổng Giám đốc trình HĐQT hoặc tài liệu khác do VIETNAM AIRLINES phát hành được gửi đến thành viên Ban Kiểm soát vào cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên HĐQT.
3. Thành viên Ban Kiểm soát có quyền tiếp cận các hồ sơ, tài liệu của VIETNAM AIRLINES lưu trữ tại trụ sở chính, chi nhánh và các địa điểm khác; có quyền đến các địa điểm nơi Người quản lý và nhân viên VIETNAM AIRLINES làm việc.
4. HĐQT, thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc và những Người quản lý khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời tất cả các thông tin và tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của VIETNAM AIRLINES theo yêu cầu của Ban Kiểm soát và phải bảo đảm rằng tất cả bản sao chụp các thông tin tài chính và các thông tin khác được cung cấp cho các thành viên HĐQT cũng như các biên bản họp HĐQT sẽ phải được cung cấp cho thành viên Ban Kiểm soát vào cùng thời điểm và theo phương thức như đối với các thành viên HĐQT.

Điều 62. Tiền lương, thù lao và lợi ích khác của thành viên Ban Kiểm soát

1. Thành viên Ban Kiểm soát được trả tiền lương, thù lao theo công việc và được hưởng lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng Cổ đông.
2. Các chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng phí tư vấn độc lập của thành viên Ban Kiểm soát được VIETNAM AIRLINES thanh toán theo quy định.
3. Tiền lương, thù lao và chi phí hoạt động của Ban Kiểm soát tính vào chi phí kinh doanh của VIETNAM AIRLINES theo quy định của Pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, các quy định khác có liên quan của Pháp luật và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính của VIETNAM AIRLINES.

Điều 63. Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban Kiểm soát

Thành viên Ban Kiểm soát phải đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện sau:

1. Từ 21 tuổi trở lên, có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp;
2. Có đạo đức nghề nghiệp;
3. Có trình độ từ Đại học trở lên;
4. Không phải là Người có liên quan của Người quản lý VIETNAM AIRLINES; và
5. Cư trú tại Việt Nam trong thời gian đương nhiệm (đối với thành viên Ban Kiểm soát chuyên trách).

Điều 64. Miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát

1. Thành viên Ban Kiểm soát bị miễn nhiệm, bãi nhiệm khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây:
 - a) Không đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban Kiểm soát theo quy định tại Điều 63 của Điều lệ này;
 - b) Có đơn xin từ chức;

- c) Không thực hiện quyền và nhiệm vụ của mình trong 06 (sáu) tháng liên tục trừ trường hợp bất khả kháng; hoặc
 - d) Các trường hợp khác theo quy định tại Điều lệ này và quy định của Pháp luật.
2. Ngoài các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này, thành viên Ban Kiểm soát có thể bị miễn nhiệm bất cứ khi nào theo quyết định của HĐQT.
 3. Trường hợp Ban Kiểm soát vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của mình có nguy cơ gây thiệt hại cho VIETNAM AIRLINES thì HĐQT triệu tập HĐQT để xem xét và miễn nhiệm Ban Kiểm soát đương nhiệm và bầu Ban Kiểm soát mới thay thế.

Điều 65. Các cuộc họp của Ban Kiểm soát

1. Cuộc họp Ban Kiểm soát đầu tiên của nhiệm kỳ Ban Kiểm soát để bầu Trưởng Ban và ra các quyết định khác thuộc thẩm quyền phải được tổ chức trong vòng 07 (bảy) ngày sau ngày bầu cử Ban Kiểm soát đó. Thành viên Ban Kiểm soát có số phiếu bầu cao nhất sẽ phải triệu tập cuộc họp Ban Kiểm soát đầu tiên, dự kiến chương trình, thời gian và địa điểm họp trước ngày họp dự kiến ít nhất 05 (năm) ngày. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên đã bầu theo nguyên tắc đa số một người trong số họ triệu tập họp Ban Kiểm soát.
 2. Ban Kiểm soát họp định kỳ ít nhất mỗi quý một lần và có thể được triệu tập họp bất thường để kịp thời giải quyết những công việc đột xuất. Cuộc họp Ban Kiểm soát do Trưởng ban hoặc người tạm thời giữ chức Trưởng ban triệu tập và làm chủ tọa.
 3. Cuộc họp bất thường của Ban Kiểm soát được tiến hành theo đề nghị của một trong các đối tượng sau đây:
 - a) Chủ tịch HĐQT;
 - b) Ít nhất 2/3 (hai phần ba) số thành viên HĐQT;
 - c) Trưởng Ban Kiểm soát;
 - d) Ít nhất 2/3 (hai phần ba) số thành viên Ban Kiểm soát trở lên;
 - e) Tổng Giám đốc; hoặc
 4. Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị họp Ban Kiểm soát bất thường của một trong các đối tượng nêu tại điểm a), b), d), e) của khoản 3 Điều này, Trưởng Ban Kiểm soát phải triệu tập và tiến hành cuộc họp Ban Kiểm soát bất thường.
- Trường hợp, sau hai lần đề nghị kế tiếp mà Trưởng Ban Kiểm soát không triệu tập cuộc họp Ban Kiểm soát, HĐQT và các thành viên Ban Kiểm soát phải tiến hành họp Ban Kiểm soát để xử lý công việc, đồng thời quyết định việc miễn nhiệm, bãi nhiệm chức danh Trưởng ban, bầu một thành viên Ban Kiểm soát đảm bảo các điều kiện giữ chức danh Trưởng ban, tổ chức Đại hội đồng Cổ đông bất thường để xử lý những tồn tại, vướng mắc chưa thể giải quyết (nếu có).
5. Địa điểm họp: Các cuộc họp Ban Kiểm soát sẽ được tiến hành ở địa chỉ đã đăng ký của VIETNAM AIRLINES.
 6. Thông báo và chương trình họp:

Thông báo mời họp Ban Kiểm soát phải được gửi cho các thành viên Ban Kiểm soát tối thiểu 05 (năm) ngày trước ngày họp. Thông báo về cuộc họp Ban Kiểm soát được làm bằng văn bản tiếng

Việt, trong đó nêu rõ về: chương trình họp, thời gian, địa điểm và phải được kèm theo những tài liệu cần thiết về những vấn đề sẽ được bàn bạc và biểu quyết tại cuộc họp Ban Kiểm soát và cả các phiếu bầu cho những thành viên Ban Kiểm soát. Những thành viên Ban Kiểm soát không thể dự họp sẽ gửi phiếu biểu quyết cho Ban Kiểm soát trước khi họp.

Điều 66. Nguyên tắc làm việc của Ban Kiểm soát

1. Số thành viên tham dự yêu cầu.

- a) Cuộc họp Ban Kiểm soát được tiến hành khi có từ 2/3 (hai phần ba) số thành viên Ban Kiểm soát trở lên trực tiếp tham dự hoặc thông qua người thay thế là một trong các thành viên Ban Kiểm soát được ủy quyền.
- b) Trường hợp triệu tập họp Ban Kiểm soát định kỳ lần đầu nhưng không đủ số thành viên tham dự theo quy định, Trưởng Ban Kiểm soát phải triệu tập tiếp cuộc họp Ban Kiểm soát lần hai trong thời gian không quá 15 (mười lăm) ngày tiếp theo. Cuộc họp Ban Kiểm soát lần hai được tiến hành khi có từ 1/3 (một phần ba) số thành viên Ban Kiểm soát trực tiếp tham dự hoặc thông qua người thay thế là một trong các thành viên Ban Kiểm soát được ủy quyền.
- c) Trường hợp triệu tập họp Ban Kiểm soát lần hai nhưng không đủ số thành viên tham dự theo quy định, Trưởng Ban Kiểm soát triệu tập tiếp cuộc họp Ban Kiểm soát lần ba trong thời gian không quá 15 (mười lăm) ngày tiếp theo. Cuộc họp Ban Kiểm soát lần ba được tiến hành với số thành viên Ban Kiểm soát có mặt tại cuộc họp.

2. Nguyên tắc biểu quyết:

- a) Mỗi thành viên tham dự cuộc họp Ban Kiểm soát sẽ có một phiếu biểu quyết tại cuộc họp Ban Kiểm soát. Nếu thành viên Ban Kiểm soát không thể tham dự cuộc họp thì có thể ủy quyền biểu quyết của mình bằng văn bản cho một thành viên Ban Kiểm soát khác (là đối tượng được phép tham gia biểu quyết) thực hiện biểu quyết thay.
- b) Thành viên Ban Kiểm soát có quyền lợi liên quan tới vấn đề được đưa ra Ban Kiểm soát để quyết định sẽ không được phép tham gia biểu quyết đối với vấn đề đó và không được tính vào số lượng đại biểu yêu cầu có mặt tại cuộc họp, đồng thời cũng không được nhận ủy quyền của thành viên Ban Kiểm soát khác để tham gia biểu quyết vấn đề đó.
- c) Nếu có nghi ngờ nào nảy sinh tại một cuộc họp liên quan đến quyền lợi của thành viên Ban Kiểm soát hoặc liên quan đến quyền được biểu quyết của thành viên Ban Kiểm soát và những nghi ngờ đó không được thành viên Ban Kiểm soát đó tự nguyện giải quyết bằng cách chấp thuận từ bỏ quyền biểu quyết, thì nghi ngờ đó sẽ được chuyển tới Chủ tọa của cuộc họp. Phán quyết của Chủ tọa sẽ có giá trị cuối cùng và có tính kết luận trừ trường hợp khi bản chất hoặc mức độ quyền lợi của thành viên Ban Kiểm soát có liên quan đó chưa được biết rõ.
- d) Bất kỳ thành viên Ban Kiểm soát nào có liên quan đến một hợp đồng được nêu trong Khoản 1 Điều 77 của Điều lệ này sẽ được coi là có quyền lợi vật chất đối với hợp đồng đó.

3. Biểu quyết theo đa số:

- a) Quyết định của Ban Kiểm soát được thông qua nếu được đa số thành viên Ban Kiểm soát có quyền tham gia biểu quyết dự họp chấp thuận.

- b) Trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Trưởng Ban Kiểm soát hoặc thành viên được Trưởng Ban Kiểm soát ủy quyền chủ tọa cuộc họp (trường hợp Trưởng Ban Kiểm soát vắng mặt).
- c) Trường hợp Ban Kiểm soát lấy ý kiến bằng văn bản để thông qua quyết định về một vấn đề thì quyết định đó được coi là có giá trị tương đương với một quyết định được thông qua bởi các thành viên Ban Kiểm soát tại một cuộc họp được triệu tập và tổ chức thông thường, nếu được sự nhất trí bằng văn bản của đa số các thành viên Ban Kiểm soát có quyền tham gia biểu quyết đối với vấn đề đưa ra xin ý kiến và số lượng thành viên Ban Kiểm soát tham gia lấy ý kiến bằng văn bản phải đáp ứng được điều kiện về số lượng thành viên bắt buộc phải có để tiến hành họp Ban Kiểm soát.

Điều 67. Biên bản họp Ban Kiểm soát

1. Cuộc họp Ban Kiểm soát phải được ghi đầy đủ vào sổ biên bản. Biên bản họp Ban Kiểm soát được lập bằng tiếng Việt và có thể bằng tiếng Anh (nếu có thành viên Ban Kiểm soát là người nước ngoài) và phải được tất cả các thành viên Ban Kiểm soát tham dự cuộc họp ký tên và phải liên đới chịu trách nhiệm về tính chính xác và trung thực của biên bản.
2. Chủ tọa cuộc họp có trách nhiệm bố trí lập và gửi biên bản cuộc họp Ban Kiểm soát cho các thành viên Ban Kiểm soát và Biên bản đó sẽ được coi là những bằng chứng mang tính kết luận về công việc tiến hành tại các cuộc họp đó, trừ trường hợp có những khiếu nại liên quan đến nội dung của Biên bản đó trong thời hạn 10 (mười) ngày kể từ ngày gửi biên bản.
3. Sổ biên bản và biên bản cuộc họp Ban Kiểm soát phải được lưu giữ và bảo quản tại VIETNAM AIRLINES bởi Ban Kiểm soát.

Điều 68. Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát tại Đại hội đồng cổ đông thường niên

Báo cáo hoạt động của Ban Kiểm soát trình Đại hội đồng cổ đông thường niên tối thiểu phải bao gồm các nội dung sau:

1. Hoạt động, thù lao, chi phí hoạt động của Ban Kiểm soát và từng thành viên Ban Kiểm soát;
2. Tổng kết các cuộc họp của Ban Kiểm soát và các quyết định của Ban Kiểm soát;
3. Kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính của công ty;
4. Kết quả giám sát đối với thành viên HĐQT, Ban Điều hành và cán bộ quản lý khác;
5. Báo cáo đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với HĐQT, Tổng Giám đốc và Cổ đông.

Điều 69. Sử dụng dịch vụ tư vấn chuyên nghiệp

Trong quá trình thực hiện các nhiệm vụ và quyền hạn của mình, Ban Kiểm soát có quyền thuê các nhân viên và tư vấn bên ngoài, kế toán viên độc lập hoặc các nhà tư vấn khác khi cần thiết để thực hiện nhiệm vụ quyền hạn của mình bằng chính chi phí của VIETNAM AIRLINES phù hợp với quy định của Điều lệ này và Pháp luật mà không phải xin ý kiến trước của bất kỳ Người quản lý nào của VIETNAM AIRLINES.

Mục 5

TỔNG GIÁM ĐỐC

Điều 70. Tổng Giám đốc

1. Tổng Giám đốc là Người đại diện theo pháp luật của VIETNAM AIRLINES và là người điều hành hoạt động hàng ngày của VIETNAM AIRLINES.
2. Tổng Giám đốc do HĐQT bổ nhiệm một người trong số các thành viên HĐQT, chịu sự giám sát của HĐQT, chịu trách nhiệm trước HĐQT, trước Pháp luật về việc điều hành hoạt động hàng ngày của VIETNAM AIRLINES và về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao. Tổng Giám đốc không được đồng thời là Chủ tịch HĐQT.
3. Trừ trường hợp HĐQT có quy định khác, nhiệm kỳ của Tổng Giám đốc là 05 (năm) năm. Tổng Giám đốc có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm và từ chức của Tổng Giám đốc được thực hiện theo quy định của Pháp luật có liên quan.
4. Tổng Giám đốc không đồng thời kiêm nhiệm bất cứ một chức vụ quản trị, kiểm soát, điều hành nào tại bất kỳ doanh nghiệp nào, trừ trường hợp là Đơn vị trực thuộc của VIETNAM AIRLINES hoặc trường hợp khác theo quy định của Điều lệ này và Pháp luật và chỉ được giữ chức danh quản trị, kiểm soát tại Đơn vị trực thuộc đó; không đồng thời tham gia điều hành doanh nghiệp khác.

Điều 71. Nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc điều hành hoạt động hàng ngày của VIETNAM AIRLINES, chịu trách nhiệm trước HĐQT và ĐHĐCĐ về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo các cơ quan này khi được yêu cầu. Tổng giám đốc có nhiệm vụ, quyền hạn sau:

1. Tổ chức thực hiện các nghị quyết của HĐQT và ĐHĐCĐ, kế hoạch kinh doanh sản xuất – kinh doanh và kế hoạch đầu tư đã được HĐQT và ĐHĐCĐ thông qua;
2. Đề nghị Hội đồng quản trị quyết định các nội dung thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ, HĐQT;
3. Quyết định thành lập, tổ chức lại, giải thể các tổ chức trừ các tổ chức thuộc thẩm quyền của HĐQT.
4. Tổ chức và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh hàng ngày của VIETNAM AIRLINES theo những thông lệ quản lý tốt nhất; Quyết định tất cả các vấn đề không cần phải có nghị quyết của HĐQT, bao gồm việc thay mặt VIETNAM AIRLINES ký kết các hợp đồng kinh tế và thương mại;
5. Kiến nghị số lượng và các vị trí quản lý mà VIETNAM AIRLINES cần tuyển dụng để HĐQT bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm nhằm thực hiện các hoạt động quản lý theo yêu cầu của HĐQT, và tư vấn để HĐQT quyết định mức lương, thù lao, các lợi ích và các điều khoản khác của hợp đồng lao động của cán bộ quản lý;
6. Đề nghị HĐQT quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng, khen thưởng, kỷ luật đối với Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng của VIETNAM AIRLINES;

7. Quyết định số lượng người lao động, mức lương, trợ cấp, lợi ích, các điều khoản khác liên quan đến hợp đồng lao động, bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, tuyển dụng, chấm dứt hợp đồng lao động với các chức danh quản lý, người lao động trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của HĐQT và ĐHĐCĐ theo quy định tại Điều lệ này và phân cấp nội bộ do HĐQT ban hành;
8. Trước ngày 01 tháng 12 hàng năm, Tổng giám đốc phải trình HĐQT phê chuẩn kế hoạch sản xuất kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách phù hợp cũng như kế hoạch tài chính năm (05) năm;
9. Đề xuất những biện pháp nâng cao hoạt động sản xuất kinh doanh và quản lý của VIETNAM AIRLINES; Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ công ty và thực hiện thẩm quyền ban hành văn bản quản lý nội bộ, quy trình, thủ tục tác nghiệp theo phân cấp thẩm quyền tại quy chế quản lý nội bộ do HĐQT ban hành để vận hành hệ thống điều hành kinh doanh, hệ thống thông tin báo cáo;
10. Chuẩn bị các bản dự toán dài hạn, hàng năm và hàng quý của VIETNAM AIRLINES (sau đây gọi là bản dự toán) phục vụ hoạt động quản lý dài hạn, hàng năm và hàng quý của VIETNAM AIRLINES theo kế hoạch kinh doanh. Bản dự toán hàng năm (bao gồm cả bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ dự kiến) cho từng năm tài chính phải được trình để HĐQT thông qua và phải bao gồm những thông tin quy định tại các quy chế quản lý nội bộ của VIETNAM AIRLINES do HĐQT ban hành; Đồng thời thực hiện các biện pháp huy động các nguồn tài chính dài hạn, hàng năm và hàng tháng của VIETNAM AIRLINES để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh.
11. Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;
12. Xây dựng và trình HĐQT xem xét, thông qua trước khi trình ĐHĐCĐ quyết định chiến lược đầu tư phát triển của VIETNAM AIRLINES;
13. Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư hàng năm do ĐHĐCĐ và HĐQT thông qua;
14. Tổ chức tốt công tác thống kê, hạch toán kế toán, lập báo cáo tài chính quý, bán niên và hàng năm, công bố thông tin của VIETNAM AIRLINES theo đúng quy định của nhà nước. Trình HĐQT báo cáo tài chính đã được kiểm toán và báo cáo chung về tình hình sản xuất kinh doanh định kỳ của VIETNAM AIRLINES;
15. Thiết lập, duy trì và phát triển hệ thống kiểm tra, kiểm soát nội bộ hợp lý và hoạt động có hiệu quả;
16. Đưa ra các quyết định vượt thẩm quyền của mình trong trường hợp bất khả kháng, khẩn cấp (như thiên tai, hỏa hoạn hay sự cố) và chịu trách nhiệm về những quyết định đó, đồng thời phải báo cáo HĐQT và cơ quan nhà nước có thẩm quyền để giải quyết tiếp;
17. Ký các hợp đồng kinh tế, hợp đồng vay, cho vay; về nhượng bán, cho thuê, thế chấp, cầm cố, thanh lý tài sản và các quyết định liên quan đến công tác tổ chức, cán bộ theo thẩm quyền quy định tại quy chế quản lý nội bộ của VIETNAM AIRLINES do HĐQT ban hành;
18. Thực hiện tất cả các hoạt động khác theo quy định của Pháp luật, Điều lệ này, quy chế quản lý nội bộ, các nghị quyết, quyết định của HĐQT, hợp đồng lao động của Tổng giám đốc (nếu có).

Điều 72. Giúp việc cho Tổng Giám đốc

1. Giúp việc cho Tổng Giám đốc là các Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, văn phòng, các ban chuyên môn, nghiệp vụ và các cơ quan tương đương của VIETNAM AIRLINES..
2. Phó Tổng Giám đốc là người giúp việc Tổng Giám đốc trong việc quản lý, điều hành một hoặc một số lĩnh vực hoạt động của VIETNAM AIRLINES theo sự phân công, ủy quyền của Tổng Giám đốc, báo cáo và chịu trách nhiệm trước Tổng Giám đốc và trước Pháp luật về nhiệm vụ được Tổng Giám đốc phân công, ủy quyền.
3. Kế toán trưởng giúp việc Tổng giám đốc chỉ đạo thực hiện công tác quản lý, giám sát hoạt động tài chính, công tác kế toán, thống kê của VIETNAM AIRLINES, có các quyền và nhiệm vụ theo quy định của Pháp luật. Kế toán trưởng không được kiêm nhiệm chức vụ Phó Tổng Giám đốc. Vai trò, địa vị, quyền hạn và nhiệm vụ của Kế toán trưởng được quy định cụ thể tại Quy định nội bộ của VIETNAM AIRLINES do HĐQT ban hành.

Điều 73. Tiền lương và lợi ích khác của Tổng Giám đốc

1. HĐQT quyết định tiền lương, thưởng và các lợi ích khác của Tổng Giám đốc căn cứ vào kết quả và hiệu quả kinh doanh của VIETNAM AIRLINES.
2. Tiền lương và chi phí cho hoạt động của Tổng Giám đốc tính vào chi phí kinh doanh của VIETNAM AIRLINES theo quy định Pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, các quy định khác có liên quan của Pháp luật.

Điều 74. Tiêu chuẩn và điều kiện làm Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc

1. Tổng Giám đốc VIETNAM AIRLINES phải đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện sau:
 - a) Là cư dân thường trú tại Việt Nam;
 - b) Có đủ năng lực hành vi dân sự;
 - c) Có trình độ đại học trở lên, có năng lực quản lý và kinh doanh; phải có kinh nghiệm ít nhất 03 năm quản lý, điều hành doanh nghiệp thuộc ngành, nghề kinh doanh chính hoặc ngành, nghề có liên quan đến ngành, nghề kinh doanh chính của VIETNAM AIRLINES;
 - d) Có sức khỏe, phẩm chất đạo đức tốt, trung thực, liêm khiết, hiểu biết Pháp luật và có ý thức chấp hành Pháp luật;
 - e) Không phải là người có liên quan của thành viên HĐQT, Ban Kiểm soát, Kế toán trưởng VIETNAM AIRLINES;
 - f) Đáp ứng tiêu chuẩn, điều kiện bổ nhiệm theo quy định Pháp luật.
2. Phó Tổng Giám đốc VIETNAM AIRLINES phải đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện sau:
 - a) Đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại Điểm a), b), d), e) và f) Điều này;
 - b) Có trình độ từ Đại học trở lên về một trong các chuyên ngành kinh tế, quản trị kinh doanh, luật hoặc lĩnh vực chuyên môn phù hợp.
3. Đương nhiên mất tư cách, miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế Tổng Giám đốc
Tổng Giám đốc đương nhiên mất tư cách trong các trường hợp sau:
 - a) Mất năng lực hành vi dân sự, chết;

- b) Vi phạm quy định của Pháp luật về những trường hợp không được đảm nhiệm chức vụ;
 - c) Khi bị Tòa án quyết định trục xuất khỏi lãnh thổ Việt Nam;
 - d) VIETNAM AIRLINES bị thu hồi giấy phép thành lập và hoạt động;
4. Tổng Giám đốc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây:
- a) Bị hạn chế năng lực hành vi dân sự;
 - b) Không đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 74 Điều lệ này;
 - c) Có đơn xin từ chức (trong đó nêu rõ lý do xin từ chức) gửi HĐQT và Ban Kiểm soát VIETNAM AIRLINES trước khi ngừng thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của mình ít nhất 45 (bốn mươi lăm) ngày;
 - d) Theo quyết định của HĐQT;
 - e) Để VIETNAM AIRLINES bị lỗ hoặc không đạt chỉ tiêu tỷ suất lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu hai năm liên tiếp hoặc để VIETNAM AIRLINES trong tình trạng lỗ lãi đan xen nhau nhưng không khắc phục được, trừ trường hợp lỗ hoặc giảm tỷ suất lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu đầu tư được cấp có thẩm quyền phê duyệt; lỗ hoặc giảm tỷ suất lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu có lý do khách quan, liên quan đến đặc thù của ngành hàng không và đã được cơ quan có thẩm quyền chấp thuận.
 - f) Không trung thực trong thực thi các nhiệm vụ hoặc lạm dụng địa vị, quyền hạn để thu lợi cho bản thân hoặc cho người khác; báo cáo không trung thực tình hình tài chính, tình hình kinh doanh của VIETNAM AIRLINES.
 - g) VIETNAM AIRLINES lâm vào tình trạng phá sản nhưng không nộp đơn yêu cầu phá sản theo quy định của Pháp luật về phá sản.
 - h) Sức khỏe giảm sút, không đáp ứng được yêu cầu quản lý, điều hành VIETNAM AIRLINES;
 - i) Vi phạm Pháp luật đến mức bị truy tố hoặc các trường hợp bị miễn nhiệm, thay thế được quy định tại Điều lệ này.
 - j) Cố tình vi phạm hoặc vi phạm gây hậu quả nghiêm trọng trong việc thực hiện Điều lệ VIETNAM AIRLINES, chế độ quản lý tài chính và các quy chế quản lý nội bộ khác; vi phạm nghị quyết, quyết định của HĐQT VIETNAM AIRLINES.
 - k) Các trường hợp khác theo quy định tại Điều lệ này và quy định của Pháp luật.
5. Tổng Giám đốc được thay thế khi xảy ra một trong các trường hợp sau:
- a) Đương nhiên mất tư cách, bị miễn nhiệm, bãi nhiệm theo quy định tại Khoản 3 và Khoản 4 Điều này.
 - b) Tự nguyện xin từ chức và được HĐQT chấp thuận.
 - c) Khi có quyết định của cấp có thẩm quyền về việc nghỉ chế độ, điều chuyển hoặc bố trí công việc khác.
6. HĐQT miễn nhiệm, bãi nhiệm Tổng Giám đốc theo Điểm d) Khoản 4 Điều này khi có đa số thành viên HĐQT dự họp có quyền biểu quyết tán thành và bổ nhiệm một Tổng Giám đốc

mới thay thế. Tổng Giám đốc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm có quyền phản đối việc miễn nhiệm, bãi nhiệm này tại ĐHĐCĐ tiếp theo gần nhất.

7. Trong trường hợp Tổng Giám đốc đương nhiên mất tư cách hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, HĐQT gửi thông báo bằng văn bản cho Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền khác và cử người tạm thay thế. Trong thời hạn tối đa 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày thông báo, HĐQT tiến hành các thủ tục để bổ nhiệm Tổng Giám đốc mới.
8. Trường hợp Tổng Giám đốc vi phạm nghiêm trọng quy định của Pháp luật, và Điều lệ này, HĐQT có quyền tạm đình chỉ quyền điều hành của Tổng Giám đốc, đồng thời phải cử ngay một Phó Tổng Giám đốc đảm bảo các điều kiện theo quy định tại Điều 74 Điều lệ này để đảm nhiệm công việc của Tổng Giám đốc, báo cáo ngay ĐHĐCĐ gần nhất và tiến hành xử lý những sai phạm của Tổng Giám đốc, cũng như bổ nhiệm người thay thế Tổng Giám đốc.

Người được HĐQT cử tạm thời thay thế Tổng Giám đốc bị đình chỉ hoặc người được HĐQT bổ nhiệm chức danh Tổng Giám đốc, Chủ tịch HĐQT và các thành viên HĐQT, Trưởng Ban Kiểm soát và các thành viên Ban Kiểm soát hoàn toàn chịu trách nhiệm trước Pháp luật và trước cổ đông về mọi hoạt động của VIETNAM AIRLINES.

Mục 6

NGHĨA VỤ CỦA THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT VÀ NGƯỜI QUẢN LÝ VIETNAM AIRLINES

Điều 75. Nghĩa vụ của thành viên Ban Kiểm soát và Người quản lý VIETNAM AIRLINES

1. Thành viên Ban Kiểm soát và Người quản lý VIETNAM AIRLINES có nghĩa vụ:
 - a) Tuân thủ Pháp luật, Điều lệ VIETNAM AIRLINES, quyết định của ĐHĐCĐ và quy định của Pháp luật trong việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao;
 - b) Thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các Ủy ban của HĐQT, một cách trung thực và theo cách thức mà mình tin là có lợi ích cao nhất cho VIETNAM AIRLINES và với một mức độ cẩn trọng mà một người thận trọng thường có khi đảm nhiệm vị trí tương đương và trong hoàn cảnh tương tự;
 - c) Trung thành với lợi ích của VIETNAM AIRLINES và cổ đông của VIETNAM AIRLINES; không sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của VIETNAM AIRLINES, lạm dụng địa vị, chức vụ và tài sản của VIETNAM AIRLINES để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của bất kỳ tổ chức kinh tế hoặc cá nhân nào khác hoặc làm tổn hại đến lợi ích của VIETNAM AIRLINES;
 - d) Thông báo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho VIETNAM AIRLINES về bất kỳ quyền lợi nào có thể gây xung đột mà họ có thể có được ở các tổ chức kinh tế khác, các giao dịch hoặc cá nhân khác, và chỉ có thể sử dụng những cơ hội đó khi HĐQT (gồm các thành viên HĐQT không có quyền lợi liên quan) đã xem xét và chấp thuận;
 - e) Không được cạnh tranh bất hợp pháp với VIETNAM AIRLINES hoặc tạo điều kiện cho bên thứ ba gây tổn hại lợi ích của VIETNAM AIRLINES;

- f) Không được đòi hỏi hoặc nhận các quà tặng vật chất của VIETNAM AIRLINES cho riêng mình hoặc người thân của mình;
 - g) Không được bố trí, thu xếp, tạo điều kiện dưới mọi hình thức trá hình để cá nhân mình hoặc Người có liên quan của mình, những pháp nhân mà mình có lợi ích tài chính đề nghị VIETNAM AIRLINES cho vay hoặc cấp bảo lãnh, và VIETNAM AIRLINES cũng không cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho các đối tượng này, trừ trường hợp các khoản vay và bảo lãnh nêu trên đã được ĐHĐCĐ chấp thuận; và
 - h) Thành viên Ban Kiểm soát, Người quản lý VIETNAM AIRLINES và những người có liên quan với những người này không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của VIETNAM AIRLINES hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan.
 - i) Các nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều lệ này và quy định của Pháp luật.
2. Ngoài các nghĩa vụ nêu tại Khoản 1 Điều này, HĐQT và Tổng Giám đốc không được tăng lương, trả thưởng khi VIETNAM AIRLINES không thanh toán đủ các khoản nợ đến hạn.
 3. Để tránh nhầm lẫn, trừ khi được quy định rõ tại Điều lệ này và theo quy định của Pháp luật, cổ đông sẽ không phải chịu trách nhiệm về bất kỳ hành động, nghĩa vụ, quyết định, ý kiến, hay việc không hoàn thành nhiệm vụ của Thành viên Ban Kiểm soát, Người quản lý do cổ đông đó đề cử hoặc là người có liên quan đến cổ đông đó.

Điều 76. Công khai các lợi ích có liên quan

1. Thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng của VIETNAM AIRLINES phải kê khai các lợi ích liên quan của họ với VIETNAM AIRLINES bao gồm:
 - a) Tên, địa chỉ, trụ sở chính, ngành nghề kinh doanh, số và ngày cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, nơi đăng ký kinh doanh của doanh nghiệp, tổ chức kinh tế mà họ và Người có liên quan trực tiếp đứng tên sở hữu phần vốn góp, cổ phần hoặc ủy quyền, ủy thác cho người khác đứng tên quản lý trên 5% Vốn Điều lệ của doanh nghiệp, tổ chức đó, tỷ lệ và thời điểm sở hữu phần vốn góp hoặc số cổ phần đó.
 - b) Tên, trụ sở chính, ngành nghề kinh doanh, số và ngày cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, nơi đăng ký kinh doanh của doanh nghiệp, tổ chức kinh tế mà họ đang là thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc.
 - c) Tên, trụ sở chính, ngành nghề kinh doanh, số và ngày cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, nơi đăng ký kinh doanh của doanh nghiệp mà những Người có liên quan của họ cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng số cổ phần hoặc phần vốn góp từ 35% vốn điều lệ của doanh nghiệp đó.
2. Việc kê khai quy định tại Khoản 1 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được khai báo với VIETNAM AIRLINES trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc, kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.
3. Việc kê khai quy định tại Khoản 1 và Khoản 2 Điều này phải được thông báo cho ĐHĐCĐ tại cuộc họp thường niên gần nhất hoặc thông báo định kỳ hàng năm cho Cổ đông của

VIETNAM AIRLINES và được niêm yết, lưu giữ tại trụ sở chính của VIETNAM AIRLINES.

Điều 77. Hợp đồng, giao dịch phải được Đại hội đồng Cổ đông, Hội đồng quản trị chấp thuận

1. Các hợp đồng dân sự, hợp đồng trong kinh doanh, thương mại giữa VIETNAM AIRLINES với các đối tượng sau đây phải được Đại hội đồng Cổ đông hoặc HĐQT chấp thuận:
 - a) Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc, thành viên Ban Kiểm soát, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng;
 - b) Cổ đông lớn, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông lớn và những người có liên quan của họ;
 - c) Doanh nghiệp quy định tại Điểm a), b) Khoản 1 Điều 76 Điều lệ này và Người có liên quan của thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng; và
 - d) Công ty con, công ty liên kết của VIETNAM AIRLINES.
2. Các hợp đồng, giao dịch với các đối tượng nêu tại khoản 1 Điều này có giá trị lớn hơn 20% (hai mươi phần trăm) tổng giá trị tài sản của VIETNAM AIRLINES ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất thì phải được Đại hội đồng Cổ đông chấp thuận. Trong trường hợp này, cổ đông có liên quan không được phép tham gia biểu quyết. HĐQT trình dự thảo hợp đồng hoặc giải trình về nội dung chủ yếu của giao dịch tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản. Hợp đồng hoặc giao dịch được chấp thuận khi có số cổ đông đại diện 65% tổng số phiếu biểu quyết còn lại đồng ý.
3. Các hợp đồng, giao dịch với các đối tượng nêu tại khoản 1 Điều này có giá trị bằng hoặc nhỏ hơn 20% (hai mươi phần trăm) tổng giá trị tài sản của VIETNAM AIRLINES ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất thì phải được HĐQT chấp thuận. Tổng Giám đốc VIETNAM AIRLINES gửi đến các thành viên HĐQT và niêm yết tại trụ sở chính, chi nhánh của VIETNAM AIRLINES dự thảo hợp đồng hoặc thông báo nội dung chủ yếu của giao dịch. HĐQT quyết định việc chấp thuận hợp đồng hoặc giao dịch trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày niêm yết; thành viên có lợi ích liên quan không có quyền biểu quyết.
4. Trường hợp hợp đồng được ký kết hoặc thực hiện mà chưa được Đại hội đồng Cổ đông hoặc HĐQT chấp thuận theo quy định tại Khoản 2 và khoản 3 Điều này thì hợp đồng đó bị vô hiệu, không phát sinh hiệu lực đối với VIETNAM AIRLINES và được xử lý theo quy định của Pháp luật. Những người gây thiệt hại cho VIETNAM AIRLINES bị xử lý kỷ luật và phải có trách nhiệm bồi thường thiệt hại phát sinh, hoàn trả lại VIETNAM AIRLINES các khoản lợi thu được từ việc thực hiện hợp đồng, giao dịch đó.

Điều 78. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường

1. Trách nhiệm về thiệt hại:

Thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng không thực hiện nghĩa vụ của mình một cách trung thực, với sự cẩn trọng, miễn cưỡng và năng lực chuyên môn sẽ phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại của VIETNAM AIRLINES do hành vi vi phạm của mình gây ra.

2. Bồi thường:

- a) Trong khuôn khổ Pháp luật cho phép, VIETNAM AIRLINES sẽ bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự hay hành chính và không phải là các vụ kiện do VIETNAM AIRLINES là người khởi kiện hoặc có quyền khởi kiện) nếu người đó đã và hoặc đang là Người quản lý của VIETNAM AIRLINES hoặc đại diện được VIETNAM AIRLINES ủy quyền hoặc người đó đã hoặc đang làm theo yêu cầu của VIETNAM AIRLINES với tư cách là Người quản lý hoặc đại diện được VIETNAM AIRLINES ủy quyền, với điều kiện là người đó đã hành động với thiện chí, sự cẩn trọng, cẩn mẫn và kỹ năng chuyên môn hợp lý theo cách thức mà người đó cho rằng sẽ có lợi nhất cho VIETNAM AIRLINES hoặc không gây thiệt hại đến lợi ích của VIETNAM AIRLINES, trên cơ sở tuân thủ Pháp luật và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm những trách nhiệm của mình. Khi thực hiện chức năng, nhiệm vụ hoặc thực thi các công việc theo ủy quyền của VIETNAM AIRLINES, Người quản lý hoặc đại diện theo ủy quyền của VIETNAM AIRLINES được VIETNAM AIRLINES bồi thường khi trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (ngoài những trường hợp mà VIETNAM AIRLINES sẽ là người khởi kiện hoặc có quyền khởi kiện) trong các trường hợp sau:
- (i) Đã hành động trung thực, cẩn trọng, mẫn cán vì lợi ích và không mâu thuẫn với lợi ích của VIETNAM AIRLINES; và
 - (ii) Tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận đã không thực hiện trách nhiệm của mình.
- b) Các khoản bồi hoàn bao gồm tất cả các chi phí phát sinh (gồm cả chi phí pháp lý), các khoản tiền phạt, và các khoản phải trả thực tế đã phát sinh hoặc được coi là hợp lý để chi trả cho những trách nhiệm, thiệt hại, khiếu nại, kiện tụng đó.
3. VIETNAM AIRLINES có thể mua bảo hiểm cho những Người quản lý đối với những rủi ro và trách nhiệm mà VIETNAM AIRLINES thấy hợp lý.

Mục 7

LAO ĐỘNG VÀ CÔNG ĐOÀN

Điều 79. Lao động

Tất cả các vấn đề liên quan đến người lao động của VIETNAM AIRLINES, bao gồm cả hợp đồng lao động, thời giờ làm việc và ngày nghỉ, tiền lương, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, tuyển dụng, đào tạo, thanh tra lao động, giải quyết tranh chấp lao động và các vấn đề có liên quan khác phải được ghi nhận tại Nội quy lao động và Thỏa ước lao động tập thể phù hợp với các quy định của Pháp luật.

Điều 80. Công đoàn

1. Tổng Giám đốc phải lập kế hoạch đề HĐQT thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, lao động, xây dựng quy chế phúc lợi, khen thưởng, kỷ luật đối với người lao động

cũng như mối quan hệ giữa VIETNAM AIRLINES và các tổ chức công đoàn để HĐQT thông qua.

2. Tổ chức công đoàn được đại diện tập thể người lao động nắm giữ số cổ phần mua ưu đãi (nếu có) theo quy định của Nhà nước khi VIETNAM AIRLINES bán cổ phần lần đầu ra công chúng. Người đại diện theo pháp luật của tổ chức công đoàn VIETNAM AIRLINES có quyền và trách nhiệm của cổ đông phổ thông theo quy định tại Điều lệ này và quy định Pháp luật tương ứng với số cổ phần nắm giữ.

CHƯƠNG IV

QUAN HỆ GIỮA VIETNAM AIRLINES VỚI CÁC ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC, CÔNG TY CON, CÔNG TY LIÊN KẾT

Mục 1

CƠ CẤU TỔ CHỨC CỦA VIETNAM AIRLINES

Điều 81. Cơ cấu tổ chức của VIETNAM AIRLINES

1. VIETNAM AIRLINES được tổ chức theo hệ thống thống nhất (như mô tả tại Phụ lục I đính kèm), bao gồm:
 - a) Trụ sở chính;
 - b) Các Đơn vị trực thuộc;
 - c) Các công ty con; và
 - d) Các công ty liên kết.

Danh sách các Đơn vị trực thuộc, các công ty con, các công ty liên kết của VIETNAM AIRLINES tại thời điểm phê duyệt Điều lệ được ghi tại Phụ lục II và Phụ lục III đính kèm. Danh sách này được thay đổi, bổ sung khi có sự tách, nhập, giải thể, thành lập mới theo quy định của Pháp luật.

2. VIETNAM AIRLINES có thể thành lập các Đơn vị trực thuộc, đầu tư vào công ty con, công ty liên kết ở trong nước và ngoài nước để hỗ trợ hoạt động của VIETNAM AIRLINES theo nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng Cổ đông và/hoặc HĐQT theo thẩm quyền quy định tại Điều lệ này và trong phạm vi Pháp luật cho phép.

Mục 2

QUAN HỆ GIỮA VIETNAM AIRLINES VỚI CÁC ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC

Điều 82. Quan hệ giữa VIETNAM AIRLINES với các Đơn vị trực thuộc

Các Đơn vị trực thuộc hạch toán phụ thuộc VIETNAM AIRLINES, thực hiện hoạt động kinh doanh, hạch toán, tổ chức, nhân sự và các hoạt động khác theo chế độ phân cấp, ủy quyền

của VIETNAM AIRLINES và được cụ thể hóa tại Quy chế tổ chức và hoạt động của các đơn vị này. Quy chế tổ chức và hoạt động của các Đơn vị trực thuộc do Tổng Giám đốc xây dựng và trình HĐQT phê duyệt. VIETNAM AIRLINES chịu trách nhiệm về các nghĩa vụ tài chính phát sinh đối với các hợp đồng cam kết hợp pháp của các Đơn vị trực thuộc.

Mục 3

QUAN HỆ GIỮA VIETNAM AIRLINES VỚI CÁC CÔNG TY CỔ VỐN GÓP CỦA VIETNAM AIRLINES

Điều 83. Quản lý phần vốn của VIETNAM AIRLINES đầu tư tại doanh nghiệp khác

1. VIETNAM AIRLINES quyết định thành lập, tổ chức lại, chuyển đổi sở hữu, giải thể, phá sản các công ty con do VIETNAM AIRLINES sở hữu 100% vốn và tham gia đầu tư, góp vốn, mua cổ phần tại các công ty con khác, công ty liên kết của VIETNAM AIRLINES; điều chỉnh mức đầu tư của VIETNAM AIRLINES vào các Công ty con, Công ty liên kết đang hoạt động phù hợp với chiến lược và kế hoạch sản xuất kinh doanh của VIETNAM AIRLINES.
2. Quyền và nghĩa vụ của VIETNAM AIRLINES đối với các Công ty con, Công ty liên kết thực hiện theo quy định tại Luật doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định hiện hành của Nhà nước.
3. VIETNAM AIRLINES ủy quyền cho người đại diện phần vốn góp của VIETNAM AIRLINES trực tiếp thay mặt VIETNAM AIRLINES quản lý các khoản đầu tư của VIETNAM AIRLINES tại các Công ty con, Công ty liên kết. Quyền và nghĩa vụ của người đại diện phần vốn góp của VIETNAM AIRLINES tại các Công ty con, Công ty liên kết được quy định tại quy chế quản lý nội bộ do HĐQT ban hành.
4. Người đại diện phần vốn góp của VIETNAM AIRLINES thực hiện toàn bộ quyền, trách nhiệm và nghĩa vụ của chủ sở hữu tại Công ty con, Công ty liên kết. VIETNAM AIRLINES chỉ ủy quyền cho các cá nhân khác (không phải Người đại diện) để thực hiện quyền, trách nhiệm, nghĩa vụ của chủ sở hữu tại Công ty con, Công ty liên kết mà VIETNAM AIRLINES không cử Người đại diện. Trong một số trường hợp đặc biệt HĐQT quyết định khác.
5. Trường hợp VIETNAM AIRLINES cử nhiều người đại diện phần vốn góp tham gia quản lý vốn góp tại Công ty con, Công ty liên kết thì VIETNAM AIRLINES quy định cụ thể tỷ lệ đại diện để ủy quyền cho từng người đại diện phần vốn góp và phân công trưởng nhóm người đại diện điều hành, phụ trách chung trong nhóm người đại diện phần vốn góp của VIETNAM AIRLINES. Nội dung cụ thể do HĐQT quy định.

Điều 84. Nguyên tắc quan hệ với các công ty có vốn góp của VIETNAM AIRLINES

1. VIETNAM AIRLINES sẽ không trực tiếp quyết định hoặc trực tiếp tham gia quản lý đối với các Công ty có vốn góp của VIETNAM AIRLINES. Quy định này không loại trừ quyền của người đại diện phần vốn góp của VIETNAM AIRLINES thực hiện các vai trò quản lý, điều hành tại các Công ty này
2. VIETNAM AIRLINES sẽ hỗ trợ cho các Công ty có vốn góp của VIETNAM AIRLINES bằng cách xác định và đưa ra định hướng phát triển chung cho cả tổ hợp Công ty mẹ - Công

ty con trên cơ sở phát huy được thế mạnh của từng công ty và tránh sự cạnh tranh nội bộ không lành mạnh và phân tán nguồn lực giữa các công ty. Hoạt động hợp tác, hỗ trợ, thương mại, đầu tư giữa các thành viên trong tổ hợp Công ty mẹ - Công ty con được xác định trên cơ sở điều kiện thương mại vì lợi ích tốt nhất của toàn bộ tổ hợp Công ty mẹ - Công ty con phù hợp với quy định Pháp luật.

CHƯƠNG V

CƠ CHẾ TÀI CHÍNH

Mục 1

CƠ CHẾ TÀI CHÍNH, HỆ THỐNG KẾ TOÁN VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Điều 85. Chế độ tài chính

1. VIETNAM AIRLINES chấp hành chế độ tài chính theo quy định của Pháp luật. Việc quản lý vốn, tài sản, doanh thu, chi phí, giá thành, lợi nhuận và phân phối lợi nhuận, trích lập và sử dụng các quỹ thực hiện theo quy định của Pháp luật, được cụ thể trong Quy chế quản lý tài chính của VIETNAM AIRLINES.
2. Nội dung Quy chế quản lý tài chính của VIETNAM AIRLINES được xây dựng trên nguyên tắc quản lý đối với công ty cổ phần do Nhà nước nắm quyền chi phối. HĐQT có trách nhiệm xây dựng và ban hành Quy chế quản lý tài chính của VIETNAM AIRLINES.

Quy chế quản lý tài chính tối thiểu phải có các nội dung sau:

- a) Cơ chế quản lý và sử dụng vốn;
 - b) Cơ chế quản lý và sử dụng tài sản;
 - c) Cơ chế quản lý doanh thu, chi phí và kết quả hoạt động kinh doanh của VIETNAM AIRLINES;
 - d) Cơ chế phân phối lợi nhuận; các quỹ và mục đích sử dụng các quỹ của VIETNAM AIRLINES;
 - e) Cơ chế quản lý kế hoạch tài chính, chế độ kế toán, thống kê và kiểm toán;
 - f) Quyền hạn, nghĩa vụ và trách nhiệm của HĐQT, Tổng Giám đốc trong việc quản lý tài chính VIETNAM AIRLINES;
 - g) Mọi quan hệ tài chính giữa VIETNAM AIRLINES với các công ty con, công ty liên kết.
3. VIETNAM AIRLINES tự chủ về tài chính, tự chịu trách nhiệm về hoạt động kinh doanh của mình, thực hiện nghĩa vụ và các cam kết của mình theo quy định của Pháp luật.

Điều 86. Hệ thống kế toán

1. Hệ thống kế toán VIETNAM AIRLINES sử dụng là Hệ thống kế toán Việt Nam (VAS) hoặc bất kỳ hệ thống nào khác theo chuẩn mực thông lệ quốc tế và được Bộ Tài chính chấp thuận. VIETNAM AIRLINES thực hiện hạch toán theo hệ thống tài khoản kế toán do Bộ Tài chính quy định.

2. VIETNAM AIRLINES sử dụng đồng Việt Nam (VND) làm đơn vị tiền tệ dùng trong kế toán.
3. Các sổ sách kế toán của VIETNAM AIRLINES được lập bằng tiếng Việt theo quy định của Pháp luật. Các sổ sách đó phải chính xác cập nhật, có hệ thống và đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch.

Điều 87. Năm tài chính

1. Năm tài chính của VIETNAM AIRLINES bắt đầu từ ngày 01 (mùng một) tháng 01 (dương lịch) và kết thúc vào ngày 31 (ba mươi một) tháng 12 (mười hai) dương lịch hàng năm.
2. Năm tài chính đầu tiên kể từ ngày cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (sau khi chuyển đổi từ công ty 100% vốn nhà nước) và kết thúc vào ngày 31 (ba mươi một) của tháng 12 (mười hai) cùng năm.

Mục 2

KIỂM TOÁN

Điều 88. Kiểm toán độc lập, kiểm toán nội bộ

1. Kiểm toán độc lập:
 - a) Theo đề nghị của Ban Kiểm soát, ĐHĐCĐ quyết định chọn một công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho HĐQT quyết định lựa chọn một trong số đơn vị này tiến hành các hoạt động kiểm toán báo cáo tài chính của VIETNAM AIRLINES phù hợp với quy định tại Điều lệ này và quy định có liên quan của Pháp luật. VIETNAM AIRLINES kiểm toán độc lập phải được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền chấp thuận, nếu Pháp luật có yêu cầu.
 - b) Một bản sao của báo cáo kiểm toán sẽ phải được gửi đính kèm với mỗi bản báo cáo tài chính hàng năm của VIETNAM AIRLINES.
 - c) VIETNAM AIRLINES sẽ phải chuẩn bị và gửi báo cáo tài chính hàng năm cho công ty kiểm toán độc lập sau khi kết thúc mỗi năm tài chính.
 - d) Tổ chức kiểm toán độc lập của VIETNAM AIRLINES sẽ kiểm tra, xác thực và báo cáo trên cơ sở báo cáo kế toán hàng năm các khoản thu chi của VIETNAM AIRLINES và phải chuẩn bị báo cáo kiểm toán và trình báo cáo đó cho HĐQT trong vòng 03 (ba) tháng kể từ ngày kết thúc mỗi năm tài chính.
 - e) Kiểm toán viên thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính của VIETNAM AIRLINES sẽ được phép tham dự bất kỳ ĐHĐCĐ nào và được phát biểu ý kiến tại ĐHĐCĐ về các vấn đề liên quan đến kiểm toán báo cáo tài chính năm trong trường hợp báo cáo kiểm toán có các khoản ngoại trừ trọng yếu.
 - f) Việc kiểm toán cụ thể các hoạt động của VIETNAM AIRLINES được thực hiện theo quy định của Luật Kế toán, Pháp luật về kiểm toán độc lập và văn bản hướng dẫn của Bộ Tài chính.
2. Trong thời hạn theo quy định hiện hành, Tổng Giám đốc phải trình HĐQT phê duyệt các báo cáo tài chính năm báo cáo đã được kiểm toán trước khi trình Đại hội đồng cổ đông, gồm:

- a) Báo cáo tài chính của VIETNAM AIRLINES.
 - b) Báo cáo tài chính hợp nhất của tổ hợp công ty mẹ - công ty con.
3. VIETNAM AIRLINES tổ chức và chỉ đạo thực hiện:
- a) Công tác kiểm toán nội bộ theo quy định của Pháp luật nhằm phục vụ cho công tác quản trị của Tổng Giám đốc và công tác giám sát, kiểm tra của Ban Kiểm soát, của HĐQT đối với các Đơn vị trực thuộc, các công ty con của VIETNAM AIRLINES.
 - b) VIETNAM AIRLINES có thể thành lập bộ phận Kiểm toán nội bộ để trực tiếp thực hiện chức năng kiểm toán nội bộ phục vụ cho công tác quản trị của VIETNAM AIRLINES.
 - c) Kiểm toán bắt buộc theo quy định của Pháp luật đối với báo cáo tài chính hàng năm của VIETNAM AIRLINES, của các đơn vị trực thuộc, của các công ty con và báo cáo quyết toán các dự án đầu tư xây dựng công trình theo quy định của Pháp luật.
4. VIETNAM AIRLINES phải thực hiện công khai tài chính theo quy định của Nhà nước.
5. VIETNAM AIRLINES phải thực hiện công tác kế toán, thống kê theo quy định của Pháp luật.

Mục 3

PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Điều 89. Phân phối lợi nhuận sau thuế

Sau khi trích lập các quỹ, lợi nhuận giữ lại của VIETNAM AIRLINES được sử dụng để trả cổ tức theo quyết định của ĐHCĐ phù hợp với quy định của Pháp luật.

Điều 90. Trích lập quỹ

- 1. VIETNAM AIRLINES trích lập các quỹ và dự phòng theo quy định của Pháp luật.
- 2. Hàng năm, VIETNAM AIRLINES sử dụng lợi nhuận sau thuế của mình như sau:
 - a) Trích lập các quỹ khen thưởng, quỹ phúc lợi và các quỹ khác theo quyết định của Đại hội đồng Cổ đông.
 - b) Trả cổ tức cho cổ đông theo quy định tại Điều 91 Điều lệ này.
 - c) Các quỹ dự trữ khác theo quy định của Pháp luật.
- 3. Tỷ lệ trích các quỹ trên do Đại hội đồng Cổ đông quyết định phù hợp với quy định của Pháp luật.

Điều 91. Cổ tức

- 1. Cổ tức được chia theo quyết định của Đại hội đồng Cổ đông trên cơ sở đề nghị của HĐQT. VIETNAM AIRLINES chỉ được trả cổ tức cho cổ đông khi kinh doanh có lãi, đã hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của Pháp luật, trích lập các quỹ VIETNAM AIRLINES và bù đắp lỗ trước đó theo quy định của Điều lệ này và Pháp luật; ngay sau khi trả hết số cổ tức đã định, VIETNAM AIRLINES vẫn bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác đến hạn (nếu có).

2. Theo quy định của Luật Doanh nghiệp, HĐQT có thể quyết định thanh toán cổ tức giữa kỳ nếu xét thấy việc chi trả này phù hợp với khả năng thanh toán và sinh lời của VIETNAM AIRLINES.
3. VIETNAM AIRLINES sẽ không thanh toán lãi cho bất cứ cổ tức hay một khoản tiền nào khác có thể được chi trả liên quan tới một cổ phần.
4. Cổ tức trả cho cổ phần ưu đãi được thực hiện theo các điều kiện áp dụng riêng cho mỗi loại cổ phần ưu đãi (nếu có).
5. Cổ tức trả cho cổ phần phổ thông được xác định căn cứ vào nguồn lợi nhuận giữ lại của VIETNAM AIRLINES do ĐHĐCĐ quyết định.
6. Cổ tức có thể được chi trả bằng tiền mặt, bằng cổ phần của VIETNAM AIRLINES hoặc bằng tài sản khác do HĐQT đề nghị và Đại hội đồng Cổ đông quyết định. Nếu chi trả bằng tiền mặt thì được thực hiện bằng đồng Việt Nam và có thể được thanh toán bằng chuyển khoản theo yêu cầu của cổ đông. Nếu Pháp luật cho phép và có thể thực hiện được trên thực tế, VIETNAM AIRLINES có thể chuyển đổi cổ tức từ VND thành đô la Mỹ hoặc các ngoại tệ khác trước khi trả cho cổ đông không cư trú tại Việt Nam và cổ đông đó sẽ phải chịu mọi chi phí.

Cổ tức có thể được thanh toán bằng séc hoặc lệnh trả tiền gửi qua bưu điện tới địa chỉ đã đăng ký của cổ đông thụ hưởng và cổ đông đó phải chịu rủi ro. Ngoài ra, bất kỳ cổ tức hoặc các khoản tiền khác được chi trả bằng tiền mặt có liên quan tới một cổ phần có thể được thực hiện bằng chuyển khoản khi VIETNAM AIRLINES đã được cung cấp thông tin chi tiết về cổ đông nhằm cho phép VIETNAM AIRLINES thực hiện được việc chuyển khoản những khoản tiền đó trực tiếp vào tài khoản của cổ đông. VIETNAM AIRLINES sẽ không bị truy đòi đối với bất kỳ khoản tiền nào được VIETNAM AIRLINES chuyển khoản nhưng cổ đông thụ hưởng không nhận được nếu VIETNAM AIRLINES đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về tài khoản do chính cổ đông đó cung cấp. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phần niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc TTLKCK.

7. Trường hợp có sự chấp thuận của ĐHĐCĐ, HĐQT có thể quyết định và thông báo rằng những người sở hữu cổ phần phổ thông được nhận cổ tức bằng các cổ phần phổ thông thay cho cổ tức bằng tiền mặt. Các cổ phần bổ sung để trả cổ tức này được ghi là những cổ phần đã thanh toán đầy đủ tiền mua trên cơ sở giá trị của các cổ phần trả cổ tức phải tương đương với số tiền mặt trả cổ tức.
8. Căn cứ Luật Doanh nghiệp, HĐQT có thể thông qua nghị quyết quy định một ngày cụ thể làm ngày khoá sổ danh sách cổ đông của VIETNAM AIRLINES. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức, lãi suất, phân phối lợi nhuận, nhận cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác. Ngày khoá sổ này có thể vào cùng ngày hoặc vào thời điểm trước khi các quyền lợi đó được thực hiện. Điều này không ảnh hưởng tới quyền lợi của hai bên trong giao dịch chuyển nhượng cổ phiếu hoặc chứng khoán liên quan. Trường hợp cổ đông chuyển nhượng phần cổ phần của mình trong thời gian giữa thời điểm kết thúc lập danh sách cổ đông và thời điểm trả cổ tức thì người chuyển nhượng là người nhận cổ tức từ VIETNAM AIRLINES.
9. HĐQT phải lập danh sách cổ đông được nhận cổ tức, xác định mức cổ tức được trả đối với từng cổ phần, thời hạn và hình thức trả chậm nhất 30 (ba mươi) ngày trước mỗi lần trả cổ

tức. Thông báo về trả cổ tức phải được công khai gửi đến tất cả các cổ đông chậm nhất 15 (mười lăm) ngày trước khi thực hiện trả cổ tức.

Thông báo phải ghi rõ tên VIETNAM AIRLINES, tên và địa chỉ thường trú, quốc tịch của cổ đông, số chứng minh nhân dân, hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của cổ đông là tổ chức; số cổ phần từng loại của cổ đông, mức cổ tức đối với từng loại cổ phần và tổng số cổ tức mà cổ đông đó được nhận, thời điểm và phương thức trả cổ tức, họ, tên, chữ ký của Chủ tịch HĐQT và Tổng Giám đốc của VIETNAM AIRLINES.

10. Trừ trường hợp cổ phiếu có các quyền đi kèm hoặc các điều khoản phát sinh cổ phiếu có quy định khác, mức cổ tức của những cổ phiếu chưa được thanh toán hết được trả theo tỷ lệ tương ứng với khoản tiền đã thanh toán cho việc mua cổ phiếu đó tính đến thời điểm chi trả cổ tức. VIETNAM AIRLINES không chi trả cổ tức bổ sung khi các cổ phiếu đó được thanh toán hết.

CHƯƠNG VI

SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ VIETNAM AIRLINES

Điều 92. Báo cáo tài chính năm, sáu tháng và hàng quý

1. VIETNAM AIRLINES lập các báo cáo tài chính theo quy định của Pháp luật về kế toán, thống kê và báo cáo hoạt động nghiệp vụ định kỳ theo quy định của Pháp luật. Toàn bộ tài liệu kế toán, chứng từ, sổ và báo cáo của VIETNAM AIRLINES phải được lập và lưu giữ bằng tiếng Việt. Tất cả các hồ sơ và báo cáo tài chính, kế toán quan trọng cần phải có sự chấp thuận và chữ ký của Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng.
2. Báo cáo tài chính hàng năm của VIETNAM AIRLINES bao gồm:
 - a) Bảng cân đối kế toán;
 - b) Báo cáo lưu chuyển tiền tệ;
 - c) Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh; và
 - d) Thuyết minh báo cáo tài chính, thuế và tình hình thực hiện nghĩa vụ với Nhà nước.Ngoài các báo cáo trên, VIETNAM AIRLINES lập các báo cáo hàng năm bao gồm: báo cáo tài chính hợp nhất, báo cáo tổng hợp kết quả kinh doanh hàng năm, báo cáo tổng hợp công tác quản lý, điều hành.
3. Báo cáo tài chính hàng năm của VIETNAM AIRLINES phải được lập một cách trung thực, khách quan, được kiểm toán trước khi trình Đại hội đồng Cổ đông xem xét, thông qua. Tổng Giám đốc VIETNAM AIRLINES tổ chức thực hiện việc lập các báo cáo nêu tại khoản 2 Điều này.
4. VIETNAM AIRLINES sẽ lập các báo cáo tài chính 6 (sáu) tháng (đầu năm) và hàng quý và nộp cơ quan, tổ chức có thẩm quyền theo quy định của Pháp luật.

5. HĐQT theo dõi, giám sát việc lập báo cáo nêu tại Khoản 2 Điều này; lập các báo cáo về tình hình kinh doanh của VIETNAM AIRLINES; các báo cáo về tình hình tài chính của VIETNAM AIRLINES, báo cáo đánh giá công tác quản lý, điều hành VIETNAM AIRLINES và gửi đến Ban Kiểm soát để thẩm định chậm nhất 30 (ba mươi) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp thường niên của Đại hội đồng Cổ đông.
6. Báo cáo và tài liệu do HĐQT chuẩn bị, báo cáo thẩm định của Ban Kiểm soát và báo cáo kiểm toán phải có ở Trụ sở chính của VIETNAM AIRLINES chậm nhất 07 (bảy) ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp thường niên của Đại hội đồng Cổ đông.

Một bản tóm tắt nội dung báo cáo tài chính hàng năm đã được kiểm toán, sau khi được Ban Kiểm soát thẩm định sẽ được niêm yết tại trụ sở chính VIETNAM AIRLINES và thông báo đến tất cả các Cổ đông chậm nhất 07 (bảy) ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp thường niên của Đại hội đồng Cổ đông và được công bố trên nhật báo của địa phương và một tờ báo kinh tế trung ương trong vòng 03 (ba) số liên tiếp. Các báo cáo tài chính được kiểm toán, báo cáo quý và sáu tháng của VIETNAM AIRLINES phải được công bố trên trang thông tin điện tử (website) riêng của VIETNAM AIRLINES (Mục Quan hệ nhà đầu tư – Investor Relations).
7. Các báo cáo tài chính hàng năm đã được ĐHCĐ thông qua gửi đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền theo quy định của Pháp luật.
8. Trong trường hợp VIETNAM AIRLINES thực hiện niêm yết chứng khoán thì phải tuân thủ các quy định của Pháp luật về việc lập báo cáo tài chính đối với công ty niêm yết.

Điều 93. Báo cáo thường niên

VIETNAM AIRLINES lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của Pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Điều 94. Quyền tiếp cận, kiểm tra sổ sách và hồ sơ VIETNAM AIRLINES

1. Cổ đông của VIETNAM AIRLINES có quyền xem xét, tra cứu và trích lục các thông tin trong danh sách cổ đông; xem xét, tra cứu và trích lục hoặc sao chụp Điều lệ VIETNAM AIRLINES, sổ biên bản họp Đại hội đồng Cổ đông và các nghị quyết của ĐHCĐ.
2. Ngoài quyền tiếp cận theo quy định tại khoản 1 Điều này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông của VIETNAM AIRLINES trong thời hạn liên tục ít nhất 6 (sáu) tháng có quyền tiếp cận hồ sơ và sổ sách VIETNAM AIRLINES theo quy định tại Khoản 3 Điều 29 của Điều lệ này.
3. Thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát có quyền kiểm tra Sổ đăng ký cổ đông của VIETNAM AIRLINES, danh sách cổ đông và những sổ sách, hồ sơ, tài liệu khác của VIETNAM AIRLINES để phục vụ cho nhiệm vụ của mình tại VIETNAM AIRLINES và chịu trách nhiệm bảo mật các thông tin tài liệu được cung cấp.
4. Các tổ chức, cá nhân đều được quyền kiểm tra hoặc sao chụp bản báo cáo tài chính hàng năm đã được kiểm toán, báo cáo 06 (sáu) tháng và hàng quý trong giờ làm việc của VIETNAM AIRLINES, tại trụ sở chính của VIETNAM AIRLINES và phải trả một mức phí hợp lý cho việc sao chụp.

Điều 95. Chế độ lưu giữ tài liệu của VIETNAM AIRLINES

1. VIETNAM AIRLINES lưu giữ tại trụ sở chính VIETNAM AIRLINES các tài liệu sau đây:
 - a) Điều lệ VIETNAM AIRLINES; sửa đổi, bổ sung Điều lệ VIETNAM AIRLINES; các quy chế quản lý nội bộ của VIETNAM AIRLINES;
 - b) Sổ đăng ký cổ đông;
 - c) Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;
 - d) Văn bằng bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp; giấy chứng nhận đăng ký chất lượng sản phẩm; các giấy phép và giấy chứng nhận khác;
 - e) Nghị quyết ĐHĐCĐ, HĐQT; Biên bản họp ĐHĐCĐ, HĐQT, Ban Kiểm soát;
 - f) Bản cáo bạch để phát hành chứng khoán (nếu có);
 - g) Báo cáo của Ban Kiểm soát, kết luận của cơ quan thanh tra, kiểm tra, kết luận của cơ quan kiểm toán độc lập;
 - h) Sổ kế toán, chứng từ kế toán, báo cáo tài chính hàng năm của VIETNAM AIRLINES;
 - i) Báo cáo, tài liệu quyết toán tài chính hàng năm của VIETNAM AIRLINES, của các công ty con;
 - j) Báo cáo tài chính hợp nhất, báo cáo tổng hợp kết quả kinh doanh hàng năm, báo cáo tổng hợp công tác quản lý, điều hành của VIETNAM AIRLINES; và
 - k) Các tài liệu khác theo quy định của Điều lệ này và Pháp luật.
2. Thời hạn lưu giữ các tài liệu nêu tại Khoản 1 Điều này thực hiện theo quy định của Pháp luật.
3. Tổng Giám đốc VIETNAM AIRLINES chịu trách nhiệm tổ chức việc lưu giữ và bảo mật hồ sơ, tài liệu VIETNAM AIRLINES theo quy định của Điều lệ này và Pháp luật.

Điều 96. Công bố thông tin và thông báo ra công chúng

1. Các báo cáo tài chính hàng năm và các tài liệu bổ trợ khác phải được VIETNAM AIRLINES gửi cho cơ quan thuế có thẩm quyền, cơ quan đăng ký kinh doanh và các Cơ quan nhà nước có thẩm quyền và phải được công bố trong thời hạn nhất định kể từ khi kết thúc năm tài chính theo quy định của Pháp luật có liên quan.
2. Tổng Giám đốc là người thực hiện các quy định của Pháp luật và Điều lệ này về công bố thông tin và chịu trách nhiệm về việc thực hiện các quy định theo Điều lệ này. Bộ phận lưu giữ hồ sơ, tài liệu của VIETNAM AIRLINES chỉ được cung cấp thông tin ra bên ngoài theo quyết định của Tổng Giám đốc hoặc người được Tổng Giám đốc ủy quyền.
3. Biểu mẫu, nội dung và nơi gửi thông tin thực hiện theo quy định của Pháp luật.
4. Trường hợp có yêu cầu thanh tra, kiểm tra, kiểm toán của các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền, Tổng Giám đốc là người chịu trách nhiệm tổ chức cung cấp thông tin theo quy định của Pháp luật về thanh tra, kiểm tra, kiểm toán.
5. Sau khi VIETNAM AIRLINES hoàn tất thủ tục đăng ký với UBCKNN là công ty đại chúng quy mô lớn và niêm yết chứng khoán thì phải tuân thủ các quy định của Pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

CHƯƠNG VII

TỔ CHỨC LẠI, GIẢI THỂ VÀ PHÁ SẢN VIETNAM AIRLINES

Điều 97. Tổ chức lại

Việc chia, tách, hợp nhất, sáp nhập và chuyển đổi VIETNAM AIRLINES thực hiện theo quy định có liên quan của Pháp luật.

Điều 98. Giải thể

1. VIETNAM AIRLINES bị giải thể trong các trường hợp sau:
 - a) ĐHĐCĐ thông qua quyết định giải thể và chấm dứt hoạt động theo quy định của Pháp luật;
 - b) Bị thu hồi giấy phép thành lập và hoạt động hoặc giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; hoặc
 - c) Không còn đủ số lượng cổ đông tối thiểu theo quy định của Pháp luật trong thời hạn 06 (sáu) tháng liên tục.
2. VIETNAM AIRLINES chỉ giải thể khi bảo đảm thanh toán hết các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác.
3. Các quyết định giải thể VIETNAM AIRLINES do ĐHĐCĐ thông qua theo quy định của Pháp luật.
4. Chậm nhất trong thời hạn 06 (sáu) tháng kể từ ngày có quyết định giải thể VIETNAM AIRLINES, HĐQT thành lập Ban thanh lý gồm tối thiểu 03 (ba) thành viên, trong đó hai thành viên do ĐHĐCĐ chỉ định và một thành viên do HĐQT chỉ định. Các thành viên Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số cán bộ, nhân viên của VIETNAM AIRLINES hoặc thuê chuyên gia độc lập. Ban thanh lý chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình, quy trình và thủ tục thanh lý. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý tài sản được VIETNAM AIRLINES ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của VIETNAM AIRLINES.
5. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày được thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý sẽ thay mặt VIETNAM AIRLINES trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý VIETNAM AIRLINES trước Tòa án và các cơ quan liên quan.
6. Tiền thu được từ việc thanh lý sẽ thanh toán theo thứ tự sau:
 - a) Các chi phí thanh lý.
 - b) Tiền lương và chi phí bảo hiểm theo quy định của Pháp luật cho cán bộ nhân viên.
 - c) Thuế và các khoản nộp có tính chất thuế mà VIETNAM AIRLINES phải trả cho Nhà nước.
 - d) Các khoản vay nợ của VIETNAM AIRLINES.

- e) Số dư còn lại sau khi đã thanh toán mọi khoản nợ từ điểm a) đến điểm d) khoản này được phân chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi sẽ được ưu tiên thanh toán trước.
7. Các thủ tục và quy định khác liên quan đến giải thể VIETNAM AIRLINES thực hiện theo quy định có liên quan của Pháp luật.

Điều 99. Phá sản

Việc phá sản VIETNAM AIRLINES thực hiện theo quy định của Pháp luật về phá sản.

CHƯƠNG VIII

GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 100. Giải quyết tranh chấp nội bộ

1. Bất cứ khi nào một sự tranh chấp hay khiếu nại có liên quan tới công việc của VIETNAM AIRLINES hay tới quyền của các cổ đông nảy sinh từ Điều lệ hay từ bất cứ quyền hoặc nghĩa vụ do Luật Doanh nghiệp và các văn bản hướng dẫn thực hiện hiện hành và bất kỳ luật hoặc các quy định hành chính nào khác quy định, giữa:

- a) Một cổ đông hay các cổ đông và VIETNAM AIRLINES; hoặc
- b) Bất kỳ cổ đông hay các cổ đông và HĐQT, Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc hay Người quản lý VIETNAM AIRLINES khác.

Các bên liên quan sẽ cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hòa giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới HĐQT hay Chủ tịch HĐQT, Chủ tịch HĐQT sẽ chủ trì việc giải quyết tranh chấp và sẽ yêu cầu mỗi bên trình bày các yếu tố thực tiễn liên quan đến tranh chấp trong vòng 10 (mười) ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Nếu tranh chấp liên quan tới HĐQT hay Chủ tịch HĐQT, bất cứ bên nào đều có thể yêu cầu chỉ định một chuyên gia độc lập để hành động với tư cách là trọng tài cho quá trình giải quyết tranh chấp.

2. Nếu không có quyết định nào đạt được trong hòa giải trong vòng 06 (sáu) tuần kể từ khi bắt đầu quá trình hòa giải hoặc nếu quyết định của trung gian hòa giải không được các bên chấp nhận, bất kỳ bên nào cũng có thể đưa tranh chấp đó ra cơ quan Trọng tài hoặc Tòa án có thẩm quyền để giải quyết.
3. Mỗi bên sẽ tự chịu chi phí của mình có liên quan tới thủ tục thương lượng và hòa giải. Các chi phí của Tòa án hay Trọng tài sẽ do các cơ quan này quyết định bên nào phải chịu.

CHƯƠNG IX

CÁC QUY ĐỊNH KHÁC

Điều 101. Thông tin định kỳ

1. VIETNAM AIRLINES thông tin định kỳ cho cổ đông về những hoạt động của VIETNAM AIRLINES trên trang thông tin điện tử (website), Mục Quan hệ Nhà đầu tư (Investor Relations).
2. VIETNAM AIRLINES được trao đổi thông tin với các tổ chức, hiệp hội, nghiệp đoàn mà mình là thành viên.
3. VIETNAM AIRLINES có trách nhiệm báo cáo, cung cấp các thông tin cho cơ quan Nhà nước có thẩm quyền về tình hình hoạt động kinh doanh, nhân sự theo yêu cầu của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền và được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cung cấp thông tin liên quan đến hoạt động VIETNAM AIRLINES phù hợp với Pháp luật hiện hành.

Điều 102. Nghĩa vụ bảo mật

1. Nhân viên của VIETNAM AIRLINES và những Người có liên quan không được tiết lộ bí mật quốc gia và bí mật kinh doanh của VIETNAM AIRLINES mà mình biết.
2. VIETNAM AIRLINES được quyền từ chối yêu cầu của tổ chức, cá nhân về cung cấp thông tin liên quan đến khách hàng và hoạt động của VIETNAM AIRLINES, trừ trường hợp có yêu cầu của Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền theo quy định của Pháp luật hoặc được sự chấp thuận của khách hàng.

Điều 103. Luật điều chỉnh, giải thích Điều lệ

1. Điều lệ này được điều chỉnh theo Luật Việt Nam.
2. Nếu một điều hoặc một phần của một điều của Điều lệ này có thể được hiểu theo cách làm cho điều đó bất hợp pháp, không còn hiệu lực thi hành hay vô hiệu, nhưng cũng có thể được hiểu theo cách làm cho điều đó hợp pháp, có hiệu lực thi hành và hiệu lực pháp lý thì cần được hiểu điều đó theo cách thứ hai.
3. Nếu một điều hoặc một phần của Điều lệ là bất hợp pháp, không còn hiệu lực thi hành hay vô hiệu thì điều hoặc phần điều đó được xem là xóa khỏi Điều lệ này nhưng phần còn lại của Điều lệ không bị ảnh hưởng.

CHƯƠNG X

ĐIỀU KHOẢN HIỆU LỰC

Điều 104. Sửa đổi, bổ sung Điều lệ

1. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ này do ĐHĐCĐ xem xét, quyết định.
2. Trong trường hợp có những quy định của Pháp luật liên quan đến hoạt động của VIETNAM AIRLINES nhưng chưa được đề cập đến trong bản Điều lệ này hoặc trường hợp các văn bản Pháp luật được trích dẫn trong Điều lệ này được sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc chấm dứt thi hành hoặc có những quy định Pháp luật mới thì Đại hội đồng Cổ đông VIETNAM AIRLINES sẽ tiến hành thủ tục sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế Điều lệ mới cho phù hợp.

Trong thời gian Điều lệ này chưa được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì các quy định của Pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của VIETNAM AIRLINES.

Điều 105. Điều khoản chung

1. Ngôn ngữ chính thức được sử dụng trong các cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông, họp HĐQT, họp Ban Kiểm soát là tiếng Việt; ngôn ngữ sử dụng trong các văn bản Điều lệ, quy định nội bộ của VIETNAM AIRLINES, quy định, quyết định của VIETNAM AIRLINES cũng như trong các biên bản các cuộc họp kể trên là tiếng Việt. Các cổ đông nước ngoài (nếu có) tự chuẩn bị và chịu các chi phí phiên dịch, biên dịch từ tiếng Việt sang tiếng nước ngoài.
2. Điều lệ này được Đại hội đồng Cổ đông thông qua ngày [...] tháng [...] năm 20[...] và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.
3. Tất cả các đơn vị cá nhân thuộc VIETNAM AIRLINES có trách nhiệm tuân thủ các quy định tại Điều lệ này.
4. Điều lệ gồm 10 (mười) chương, 105 Điều, được lập thành 08 (tám) bản gốc có giá trị như nhau, trong đó:
 - a) Hai (02) bản nộp Bộ GTVT;
 - b) Một (01) bản nộp Bộ Tài chính;
 - c) Một (01) bản đăng ký tại Cơ quan đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội;
 - d) Bốn (04) bản lưu tại văn phòng của VIETNAM AIRLINES.
5. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ VIETNAM AIRLINES có giá trị khi được sao y, trích lục theo quy định về công tác văn thư của VIETNAM AIRLINES phù hợp với quy định Pháp luật.
6. Điều lệ này được thông qua và ban hành tại Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Hà Nội, ngày tháng năm 20[.]
NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

PHỤ LỤC I
DANH SÁCH CÁC ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC VIETNAM AIRLINES

1. Tạp chí Heritage.
2. Đoàn bay 919.
3. Đoàn Tiếp viên.
4. Trung tâm Khai thác Nội Bài.
5. Trung tâm Khai thác Tân Sơn Nhất.
6. Các chi nhánh, văn phòng đại diện trong và ngoài nước.
7. Viện Khoa học hàng không.

PHỤ LỤC II
DANH SÁCH CÁC CÔNG TY CON VÀ CÔNG TY LIÊN KẾT CỦA
VIETNAM AIRLINES

I. CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN

1. Công ty TNHH một thành viên Kỹ thuật máy bay
2. Công ty TNHH một thành viên Xăng dầu hàng không.
3. Công ty TNHH một thành viên Suất ăn Hàng không Việt Nam.

II. CÔNG TY TNHH HAI THÀNH VIÊN TRỞ LÊN

1. Công ty TNHH Dịch vụ giao nhận hàng hóa Tân Sơn Nhất.
2. Công ty TNHH Dịch vụ hàng hóa Tân Sơn Nhất.
3. Công ty TNHH Giao nhận hàng hóa VINAKO.
4. Công ty TNHH Phân phối toàn cầu ABACUS - Việt Nam.

III. CÔNG TY CỔ PHẦN

1. Công ty cổ phần Suất ăn hàng không Nội Bài.
2. Công ty cổ phần Dịch vụ hàng hóa Nội Bài.
3. Công ty cổ phần Cung ứng và xuất nhập khẩu lao động hàng không.
4. Công ty cổ phần In hàng không.
5. Công ty cổ phần Dịch vụ hàng không sân bay Nội Bài.
6. Công ty cổ phần Công trình hàng không.
7. Công ty cổ phần Cung ứng dịch vụ hàng không.
8. Công ty cổ phần Hàng không Jetstar Pacific Airlines.
9. Công ty cổ phần Tin học và Viễn thông hàng không.
10. Công ty cổ phần Đào tạo bay Việt.
11. Hãng Hàng không Cambodia Angkor Air (tại Vương Quốc Căm-pu-chia)/.
12. Công ty cổ phần Dịch vụ hàng không sân bay Đà Nẵng.
13. Công ty cổ phần Vận tải ô tô hàng không.
14. Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu hàng không.
15. Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng và Dịch vụ hàng không.
16. Công ty cổ phần Khách sạn hàng không.
17. Công ty cổ phần Cho thuê máy bay Việt Nam.
18. Công ty cổ phần Bảo hiểm hàng không.
19. Công ty cổ phần Nhựa cao cấp hàng không.